1. **CHƯƠNG TRÌNH NGÔN NGỮ ỨNG XỬ**
2. ABA/VBA là gì?

ABA là môn khoa học Phân tích hành vi ứng dụng. Phương pháp này cho ta cơ sở để nhìn nhận hành vi của con người, cái gì dẫn đến hành vi đó và làm thế nào để điều tiết hành vi. Nó cũng cho ta cơ sở của kỹ năng sư phạm mới (các hành vi cần gia tăng). Các thông tin cơ bản cần nắm khi áp dụng phương pháp sư phạm này gồm: Uốn nắn hành vi; Nhắc; Xoá nhắc; phân đoạn & xâu chuỗi và phân cấp các vật thưởng/khuyến khích bé. Duới đây là những diễn giải đơn giản cho các nội dung này:

1. **Uốn nắn hành vi**: Là quá trình chúng ta dần dần thay đổi hành vi hiện tại của trẻ thành hành vi ta mong đợi. Điều này thường được thực hiện bằng cách điều chỉnh các yêu cầu truớc khi thưởng cho bé. Ví dụ, nếu bé đang học nói từ, ta sẽ yêu cầu bé sờ vào đồ vật đó rồi mới cho bé. Sau đó, ta sẽ yêu cầu bé nói âm đầu, âm tiết, và cuối cùng cả từ.
2. **Nhắc**: là phần giúp bé của giáo viên để bé trả lời đúng. Một trong những khác biệt chính giữa chương trình ABA truyền thống và mô hình VB là việc sử dụng phương pháp "học không lỗi" trong mô hình VB và phương pháp "sai, sai, rồi mới nhắc nội dung đúng" trong mô hình ABA truyền thống. Nhắc có thể dùng các hình thức can thiệp khác nhau từ giúp bé toàn phần, làm mẫu, nhắc bằng lời, bằng hình ảnh, chỉ đến nhắc gợi ý như nói vật gần giống. Chúng ta nên nhắc với can thiệp tối thiểu để giúp bé. Ví dụ khi mới dạy bé sờ một vật hoặc tranh, bạn có thể phải cầm tay bé đặt lên vật.
3. **Xoá nhắc**: Đây là phần quan trọng để dạy bé KHÔNG lệ thuộc vào nhắc. Cần loại bỏ dần các kiểu nhắc cho đến khi bé tự trả lời đúng mà không cần nhắc. Vẫn ví dụ trên, nếu chúng ta muốn dạy bé sờ vào quả bóng, đầu tiên ta nên bắt đầu bằng việc cầm tay bé đặt vào quả bóng, sau đó chạm vào khuỷu tay bé và chỉ quả bóng… đến khi bé có thể tự sờ bóng khi được yêu cầu. (hầu hết các bé không cần ta nhắc nhiều khi dạy sờ vào một vật)
4. **Phân đoạn và xâu chuỗi**: nghĩa là các kỹ năng được chia nhỏ rồi xâu chuỗi lại. Xâu chuỗi tiến hoặc lùi đều là hai kỹ thuật dạy thường được sử dụng khi dạy bé một kỹ năng mới. Ví dụ của xâu chuỗi tiến là muốn dạy trẻ nói 1 câu thì ta dạy từng từ một (Hãy nói "Con", rồi "Con yêu", sau đó "Con yêu mẹ"). Nếu theo phương pháp xâu chuỗi ngược, ta dạy bé nói "Mẹ", "Yêu mẹ" rồi đến "Con yêu mẹ"
5. **Phân cấp phần thưởng**: Đây có lẽ là phần quan trọng nhất trong kỹ thuật dạy. Đó là cách đáp lại hành vi của bé để bé gia tăng hành vi đó. Từ "phân cấp" nhằm chỉ các mức độ thưởng khác nhau tùy theo hồi đáp của bé. Bài tập khó thì phải thưởng nhiều còn bài dễ thì thưởng ít hơn. Chúng ta phải thay đổi cấp độ thưởng có hệ thống để bé sẽ hồi đáp thích hợp với tần suất thưởng gần với môi trường tự nhiên hơn (thỉnh thoảng) và dưới dạng tự nhiên hơn (mang tính xã hội như lời khen)
6. **Phương pháp dạy trắc nghiệm chuyên biệt là gì**? Là kỹ năng dùng trong cả chương trình ABA truyền thống và ngôn ngữ ứng xử. Kỹ năng này bao gồm:
7. Chia nhỏ các kỹ năng ra từng phần
8. Dạy 1 tiểu kỹ năng đến khi thành thạo
9. Dạy tập trung
10. Nhắc rồi xoá nhắc khi cần thiết
11. Sử dụng kỹ thuật thưởng

Mỗi giờ học là các thử nghiệm liên tục, và mỗi thử nghiệm có phần mở đầu riêng biệt (hướng dẫn), hành vi (hồi đáp của bé) và hậu quả (vật thưởng hoặc nhắc và xóa nhắc).

1. **VẠN SỰ KHỞI ĐẦU NAN**

Hãy chú ý khởi đầu và phát triển mối quan hệ giữa bé và người giúp bé hồi phục một cách thận trọng. Bé cần phải cảm thấy thích thú với người giúp bé và lấy việc học làm điều thích thú!

Nhiệm vụ đầu tiên của GV là phải **cho bé thấy hễ họ đến nhiều điều hay và thú vị sẽ xảy ra**. Theo thuật ngữ phân tích hành vi ứng xử thì bạn phải gắn kết được bạn với động lực kích thích bé. Ta có thể làm được việc này bằng nhiều cách nhưng cách sơ đẳng nhất là **quan sát kỹ bé và làm cho bé cảm thấy thích thú khi chơi cùng bạn**. Hãy quan sát bé thích được sờ kiểu nào, bé thích giọng gì, bé phản ứng ra sao với cách biểu lộ trên nét mặt, bé thích chơi với đồ chơi gì. **Hãy đến gần bé khi bé tỏ ra chán chơi và cho bé vô điều kiện một vật bé thích**. **Chơi với bé mà không bắt bé phải hồi đáp. Đôi khi ta cũng nên có một vài thứ đồ chơi hoặc đồ ăn chỉ xuất hiện khi GV đến**. Bằng cách này GV đã nghiễm nhiên trở thành một phần thưởng có điều kiện. Nếu bé tỏ ra vui vẻ khi bạn đến thì bạn đã thành công rồi đấy! Những điều quan trọng bạn cần xem xét trong thời điểm bắt đầu là:

a) **Đừng tách bé ra khỏi một hoạt động bé đang thích khi bạn đến**. VD không nên cho bé xem băng video bé thích trước giờ học!

b) **Đừng đòi hỏi bé phải hồi đáp**. Nói cách khác, đừng ra lệnh cho bé “đến đây”, “ngồi xuống”, “nhìn vào đây”v.v…

c) **Hãy chơi với bé thật sinh động và vui nhộn để bé thích ở với bạn**.

**Những hồi đáp đầu tiên bạn đòi hỏi bé**

Theo mô hình ngôn ngữ ứng xử, điều quan trọng nhất ta cần dạy bé là làm thế nào để yêu cầu những thứ bé muốn (Yêu cầu). Đó là bởi vì động cơ để bé giao tiếp về những vật này là đặc biệt cao (nói cách khác, có động lực thiết lập). Chúng ta sẽ thấy bé sẽ có bước tiến vượt bậc khi bé học yêu cầu. Bé hiểu ra rằng “Mình nói thì mình được” và điều này là động lực thúc đẩy mạnh mẽ. Trong giai đoạn đầu tiên, nên có một phần nội dung của phần này. VD nếu bạn thấy bé định lấy ôtô, bạn có thể nói :ôtô. Hãy giữ ôtô trong một giây xem bé có nhái lại âm của bạn không. Nếu bé không làm cũng cứ cho bé. Nếu sau khi đã được hướng dẫn, bé vẫn không nhái âm, bạn có thể thử kỹ thuật điền vào chỗ trống rồi sau đó mới chuyển sang dạy yêu cầu. Bạn có thể nói “Mình chơi ôtô đi” Sau đó nói :Mình chơi\_\_\_\_\_ và xem bé có điền vào chỗ trống không. Một kỹ thuật hiệu quả khác là cho bé thấy vật bé thích nhưng không với được và cho bé lựa chọn bằng cách nói “Con muôn ôtô hay quyển sách?” Nếu bé vẫn không hồi đáp dù bạn biết bé nói được từ đó, nên dụ bé hợp tác bắt chước một số hoạt động khác trong quá trình dạy yêu cầu.

Những yếu tố sau ta nên cân nhắc khi bắt đầu bắt bé hồi đáp:

a) **Đừng bắt bé hồi đáp những gì bạn không thể nhắc được** – VD, đừng nói “Con nói ôtô đi” nếu bé vẫn không chịu bắt chước bạn. Đó là bởi vì chúng ta không thể cưỡng chế bé nói ra một từ. Chúng ta lại **không muốn bé nhiễm thói quen xóa lệnh** (không làm theo lệnh).

b) **Nếu bạn ra lệnh cho bé ngồi, bạn phải giúp bé toàn phần cách ngồi nếu bé không làm theo**. Vì như đã nói ở trên, chúng ta lại không muốn bé nhiễm thói quen xóa lệnh.

c) **Phải chắc là những lệnh đầu tiên bạn đưa ra bé có thể làm được và phải thưởng bé vì bé nghe lệnh**. Những hồi đáp đầu tiên bạn bắt bé làm có thể là bắt chước hành động “con lại đây” (và có người giúp bé thực hiện lệnh) “con ngồi xuống”, “sờ “, ghép cho cô…, xếp hình, v.v…

d) **Không dùng phần thưởng để “hối lộ” bé (không dùng phần thưởng như mồi nhử?)**. Nghĩa là chọc bé bằng cách cho bé thấy phần thưởng mà không lấy được và ra điều kiện bé phải hồi đáp rồi mới để bé lại gần phần thuởng. Điều này không đồng nghĩa với việc bạn không thể dùng phần thưởng như một lời hứa. VD, nếu bạn muốn bé đến chỗ bạn, cầm vật bé thích trong tay và khi bé đến thì cho bé!

e) Nếu bé đã có ngôn ngữ nhưng GV chưa làm chủ được phần ngôn ngữ của bé, **tranh và làm dấu vẫn cần khi dạy bé yêu cầu các vật**. Đó là vì bạn có thể nhắc bé ra dấu hoặc đưa tranh chứ không thể làm cho bé nói được. Nhìn chung khi bé đã có thể nói được từ, bé nào cũng sẽ nhanh chóng dùng lời nói một khi bé đã biết luật yêu cầu.

**Xử lý hành vi xấu của bé**

**Đừng bao giờ để bé có được phần thưởng bằng hành vi xấu**. Điều này rất khó làm khi cô trò mới làm việc với nhau bởi vì đôi lúc, vô tình cô đã khuyến khích/thưởng cho hành vi xấu của bé. Chuyện một đứa trẻ khóc gào đòi thứ chúng không được là thường tình. Đó là vì bé không có cách giao tiếp hiệu quả hơn, và cha mẹ tìm cách đoán xem bé muốn gì khi bé gào khóc bằng cách lần lượt đưa bé các vật bé vẫn thích. Nhưng cách này chỉ càng làm bé gào khóc nhiều hơn! Tạm thời lờ cơn giận của bé có thể làm bé khóc dữ dội hơn nhưng điều quan trọng hơn là phải làm sao để chúng ta không nhân nhượng hành vi la hét của bé. **Hãy cố gắng đừng chú ý đến cơn gào khóc của bé chỉ vì bé không có được cái bé muốn**. Hãy đi ra chỗ khác, thở sầu và bình tĩnh! **Khi bé bình tĩnh lại, dùng tranh, ra dấu hay đưa bé các vật cho đến khi bạn hiểu được bé muốn gì**.

**Nếu bạn biết bé muốn gì, hãy dùng kỹ thuật đếm**. Bạn nói “không khóc” hoặc câu tương tự và **đếm cho đến khi bé nín, kể cả nín để lấy sức khóc tiếp**. Hễ bé khóc bạn lại đếm lại. **Khi bé đã nín** sau khi bạn đếm đến một số nào đó, **cho bé vật bé muốn.**

**Nếu bé gào khóc vì bạn ra lệnh bé không thích**, **hãy bình tĩnh dùng lời nhắc ít khó chịu nhất để bé sẽ làm theo**. Nếu bạn bảo bé ngồi mà bé gào khóc, hãy chỉ cho bé cái ghế một cách nhẹ nhàng, bắt bé ngồi vài giây rồi cho bé đi (*chỉ khi bé nín*). Nhưng chúng ta cũng cần phải xem xét lại sau mỗi hành vi xấu của bé. **Bé cáu giận có nghĩa cần điểu chỉnh cách dạy của chúng ta**. Hãy xem lại phần thưởng, số lần thưởng, và mức độ khó của bài tập để xem cần điều chỉnh cái gì. **Cần làm sao để hành vi xấu không được khuyến khích nhưng hơn thế cần có cách dạy tốt để hành vi xấu không xảy ra.**

**Điều tối quan trọng khi cô trò bắt đầu làm việc với nhau là hãy tìm thấy niềm vui, yêu thích ở bé, dạy cho bé thấy học thật vui nhộn và giao tiếp có sức mạnh to lớn! Bé cần phải hiểu cuộc sống sẽ dễ chịu hơn khi bé biết nghe lời!**

**3. CÁCH SỬ DỤNG PHẦN THƯỞNG**

1. Phần thưởng phải làm tăng cường và củng cố động lực để bé thực hiện hành vi ta muốn. Một vật có thể **hấp dẫn với bé này nhưng lại đáng ghét với bé khác**. Một vật có thể **hấp dẫn bé lúc này nhưng lúc khác lại không**.

2. Phần thưởng nên bất ngờ khiến bé không đoán trước được. **Chỉ nên cho bé vật đó khi bé làm hành vi ta muốn** nếu không vật đó sẽ mất dần tác dụng. (Có thể cho bé phần thưởng không bất ngờ khi chúng ta muốn gắn GV hoặc một hoạt động bé không thích với phần thưởng)

3. Phần thưởng nên **đa dạng** để duy trì tác dụng của các vật đó cũng như tạo điều kiện cho việc phân cấp phần thưởng.

4. Luôn **gắn phần thưởng mang tính xã hội** (VD lời khen) với phần thưởng sơ cấp (VD vật bé ăn được).

5. **Liên tục tạo và phát hiện phần thưởng mới**. Hãy quan sát cách bé tự kích thích để suy ra bé thích gì.

6. Sử dụng phần thưởng **phù hợp với lứa tuổi**. Như thế bé sẽ dễ hòa nhập với các bạn cùng lứa và khả năng bé tiếp xúc với vật đó trong môi trường tự nhiên sẽ nhiều hơn.

7. **Bất ngờ và mới lạ** có khả năng củng cố tác dụng của phần thưởng rất lớn. Vì ai cũng thích và hứng khởi với bất ngờ. Một cái túi đựng những vật không biết trước hoặc một cái hộp bất ngờ có một vật nhô ra sẽ rất có tác dụng với bé.

8. Ngay từ đầu đã phải dùng phần thưởng. Bạn phải chắc chắn rằng bé gắn hành vi của bé với phần thưởng đó. Phần thưởng có hiệu lực nhất khi ta **thưởng bé trong vòng ½ giây** từ lúc bé thực hiện hành vi mong muốn.

9. Nên lập ra một lịch thưởng đa dạng các vật và thống nhất làm theo.

10. Phần thưởng nên **giảm dần theo thời gian** khi bé đã biết kỹ năng dạy. Nội dung dễ thì nên thưởng ít lần.

11. Hãy coi trọng việc **chọn thời điểm thưởng bé**– Khi bé đang đà cố gắng để được thưởng, hãy để bé làm một chuỗi hồi đáp rồi mới thưởng cho bé một vật hữu hình.

12. Sau này, nên **chuyển dần sang những phần thưởng tự nhiên và thực tế hơn** – lời khen, hoặc làm dấu ngón cái giơ lên ý là Đúng rồi – Giỏi đấy.

13. **Không được dùng phần thưởng để mặc cả với bé**. Đừng dụ bé làm bằng cách kể tên vật bé sẽ được thưởng nếu bé chịu làm một việc. Đừng hứa thưởng bé nếu bé không làm một hành vi xấu. Đừng tăng phần thưởng khi bé gia tăng phản ứng để dỗ dành bé.

14. **Phân cấp phần thưởng**. Hành vi tốt nhất hoặc bài tập khó nhất thì phải được thưởng nhiều, giá trị nhất, còn hành vi tạm được hoặc khi bé giảm hành vi xấu thì thưởng vừa thôi.

**4. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA**

*(Ghi chú: Định nghĩa này nhằm giúp những người không chuyên sâu về tâm lý học phân tích hành vi có thể hiểu được ứng dụng thực tế của những ngữ cảnh định nghĩa ở đây. Vì thế, chúng có thể không “chuẩn xác” từ góc độ chuyên môn.)*

**Động cơ thiết lập (EO)**:

a) Nhất thời làm tăng tác dụng của vật thưởng.

b) Nhất thời làm gia tăng hành vi do được củng cố bằng phần thưởng từ trước.

*Những yếu tố ảnh hưởng đến EO:*

1) **Tước đoạt** – Khi ta không có được cái ta muốn trong một thời gian. (Tăng giá trị).

VD: Khi bạn đang ăn kiêng, bạn thấy rất thèm ăn piza.

2) **Bão hòa** – Khi ta có quá nhiều cái ta muốn trong một thời gian. (Giảm giá trị) VD: Nếu trưa nào bạn cũng ăn pizza, bạn sẽ không muốn ăn món đó nữa.

3) **EO Cạnh tranh** – Hành vi khác có giá trị mạnh hơn. (Giảm giá trị).

VD: Bé muốn chơi đồ chơi nhưng bạn hỏi bé quá nhiều câu khiến bé thà bỏ đi còn hơn là đợi được đồ chơi.

*VD:*

1. Nếu bạn đang thiếu tiền, mong muốn kiếm thêm tiền sẽ tạm thời tăng lên và dẫn đến các hành vi (nhận thêm việc, thêm giờ) nhờ đó bạn đã từng kiếm được tiền.

2. Nếu bé lâu không được chơi một đồ chơi bé thích, mong muốn có được đồ chơi đó sẽ tạm thời tăng lên và dẫn đến các hành vi (nói? Kêu đòi?) đã từng giúp bé dành được đồ chơi.

3. Nếu bé rơi vào môi trường ồn ào bé không thích, bé sẽ tạm thời muốn thoát ra và dẫn đến hành vi đánh ? cắn? hét? Nói “đi thôi” đã từng giúp bé thoát ra.

**Nhân tố củng cố hành vi:**

Sự việc xảy ra ***sau khi*** một hành vi diễn ra làm gia tăng xác suất sẽ xảy ra hành vi đó trong cùng ngữ cảnh đó.

1. **Củng cố hành vi dương tính:** Cho ai đó cái người đó thích (vật thưởng) sau khi một hành vi diễn ra, làm tăng xác suất sẽ xảy ra hành vi đó trong cùng ngữ cảnh.

*VD:*

a) Bé muốn bánh và tiếp tục hét còn bố mẹ thì cố tìm xem bé muốn gì. Lần tiếp nếu bé muốn bánh, nhiều khả năng là bé sẽ hét nữa để đòi bánh.

b) Bé muốn chơi bóng và bé ra hiệu “bóng”. Bố cho bé bóng và lần tới nếu bé muốn bóng, bé sẽ lại ra hiệu “bóng”.

2. **Củng cố hành vi âm tính** – Loại bỏ cái người ta thấy khó chịu và làm tăng xác suất sẽ xảy ra hành vi đó.

*VD:*

a) Bé không thích sự có mặt của các anh. Bé cắn anh. Mẹ bé liền đưa các anh đi chỗ khác. Hành động này làm gia tăng khả năng bé lại sẽ cắn anh khi bé không muốn thấy anh.

b) Bé không thích giờ học trong vòng tròn ở trường và bắt đầu hét. Thầy giáo cho bé tạm nghỉ. Hành động này sẽ gia tăng khả năng bé sẽ lại hét khi bé muốn rời khỏi giờ học này.

**Phạt -** Áp dụng cái người ta không thích hoặc lấy đi cái người ta thích ngay sau khi một hành vi xảy ra để làm giảm hành vi đó.

**Kích thích-** Những gì bé cảm nhận được bằng các giác quan. Thị giác, thính giác, khứu giác, cảm giác, vị giác. Mỗi người cảm nhận theo cách khác nhau. Cùng một kích thích, có người thấy dễ chịu, có người thấy đau đớn hoặc khó chịu. Có kích thích không gây đau đớn hay dễ chịu và không gắn với điều gì cả (trung tính). Một kích thích có thể gắn với một sự kiện khác khi kèm theo nó là một nhân tố củng cố hoặc hình phạt. Kích thích đó được coi là kích thích khu biệt (Sd). Nói cách khác, khi kích thích đó hiện diện, nó đồng nghĩa với sự có mặt hoặc khả năng sẽ có phần thưởng hoặc hình phạt. Khi một kích thích được gắn với sự thiếu vắng của phần thưởng, nó được gọi là điều kiện S-Delta.

*VD*:

o **Kích tích trung tính**- Bố bảo, “sờ con chó đi” và đây là lần đầu bé nghe thấy cụm từ này. Bé nghe nhưng không gắn nó với bắt cứ thứ gì tích cực hay tiêu cực.

o **Kích thích phân biệt** – Bé đang ngồi trong lòng bố và xem sách. Bố bảo, “tìm con chó đi” và cầm tay bé chỉ vào con chó. Khi bé sờ con chó, bố ôm bé và nói “Đúng rồi!”. Bé thích được ôm như vậy (khích lệ) vì thế khi bố giở trang khác và lại nói “Tìm con chó đi” bé lại sờ con chó, mà không cần đợi bố hướng dẫn.

Vì hành vi sờ chó đã có nhân tố khích lệ/củng cố theo sau, nên hễ nghe “tìm con chó” lúc có chó, bé nghĩ ngay đến việc được ôm (khích lệ/củng cố) nếu bé lại sờ con chó.

o **S- Delta**- Vẫn ví dụ trên, nếu bé sờ con mèo, bố không ôm bé và nói “Đúng rồi!” Hành vi sờ mèo được gắn với sự thiếu vắng nhân tố khích lệ/củng cố mỗi khi bé nghe thấy cụm từ “sờ chó đi”.

**5. PHÂN LOẠI CÁC NGÔN NGỮ ỨNG XỬ**

**Yêu cầu –** Cầu khiến; yêu cầu một sự vật nào đó. Yêu cầu thuần túy xảy ra chỉ khi có động cơ thiết lập hoặc mong muốn có một vật chứ không đợi được hỏi “Con muốn gì?”.

*VD:*

Con ăn bánh được không?

Mẹ ở đâu?

**Tiếp thu -** Làm theo hướng dẫn hoặc yêu cầu của người khác.

*VD:*

“Tìm bánh Monster.” *(bé chỉ bánh)*

*“*Cho đĩa vào thùng rác.” *(bé làm theo)*

Cái gì kêu tu tu? (Bé chỉ đoàn tàu.)

**Gọi tên/thuật lại -** Định danh/kể tên một vật, hành động hoặc thuộc tính của một vật **hiện hữu** hoặc một vật mà người đó tiếp xúc với. Gọi tên/thuật lại đơn thuần không gắn với một động cơ thiết lập hoặc mong muốn được vật đó.

*VD:*

“Cái này gọi là gì?” *(Bé nói tên vật)*

“Con chó sờ vào thì sao?” *(Bé nói “mềm”),*

*“*Cái gì kêu tu tu?” *(Bé nói “tàu hỏa”)*

“Con nhìn thấy con gì?” *(Bé nói “Con chim đang bay trên trời.”)*

**Hỏi đáp –** Đáp lại lời một người về một vật, hành động hoặc thuộc tính **không hiện hữu**. (Trả lời câu hỏi và duy trì hội thoại.)

*VD:*

“Lấp lánh, lấp lánh, lấp lánh” . *(Bé nói, “một ngôi sao”)*

“Cái gì kêu tu tu’?” *(Bé nói “tàu hỏa”)*

“Con làm gì ở trường?” *(Bé nói, “Con vẽ tranh!”)*

**Lặp âm –** Nhắc lại chính xác lời người khác nói.

*VD:*

“Con có muốn đi ra ngoài không?” *(Bé nói, “Con có muốn đi ra ngoài không?”)*

Mẹ nói “ôtô”. (*Bé nói “ôtô”.)*

**FFCs -** Đây là chữ viết tắt của ba chữ đầu tiên tiếng anh có nghĩa là “**đặc tính**”, “**chức năng**” và “**chủng loại**”. Khi bé đã biết yêu cầu, phân biệt và gọi tên/thuật lại các vật quanh bé, ta sẽ dạy bé FFCs để bé biết mối liên hệ giữa các từ hay “mối liên hệ ngôn từ”. Đặc tính bao gồm các **bộ phận cấu thành** vật và **miêu tả** vật. Chức năng là những **hành động thường đi đôi với vật** hoặc **người ta thường làm gì với vật đó** và chủng loại là **tập hợp nhóm** mà vật đó thuộc về.

Ta sẽ dạy bé cả 3 dạng hồi đáp tiếp thu, gọi tên/thuật lại và hỏi đáp để bé có thể trả lời câu hỏi và nói về các vật khi chúng không hiện hữu.

*VD:* Chuối

Đặc tính: vàng, bóc, dài

Chức năng: ăn nó, bóc nó,

Chủng loại: thức ăn, thứ để ăn

Trong thời gian mới học, hồi đáp của bé sẽ là sờ, gọi tên/thuật lại hoặc hồi đáp bằng tên vật khi nói FFC. Sau khi bé đã học được khoảng 30 vật khác nhau, ta sẽ dạy bé theo quy trình ngược lại để bé có thể định nghĩa và miêu tả vật.

vàng

bóc **Quả chuối**

dài

ăn

**Hội thoại thường bao gồm cả yêu cầu, gọi tên/thuật lại, hỏi đáp và đôi khi cả tiếp thu.**

*VD:*

Sam: “Hi! Cậu khỏe không?” (**yêu cầu**)

Fred*: “*Cũng khỏe, nhưng hơi bận!” (**gọi tên/thuật lại, hỏi đáp**) “Mình thấy muốn đi nghỉ quá rồi!” (**gọi tên/thuật lại**) - “Cậu có khỏe không?” (**yêu cầu**)

Sam: “Mình vừa đi nghỉ về!” (**Hỏi đáp**). “Mình sẵn sàng quay lại làm việc rồi!” (**gọi tên/thuật lại**)

Fred: “Thế à! Cậu đi đâu?” (**yêu cầu**)

Sam: “Chúng mình đi biển tuần trước.” (**Hỏi đáp**) “Có muốn xem ảnh của bọn mình không?” (**yêu cầu**)

Fred: “Có chứ!” (**hỏi đáp**)

Sam: “Đưa mình cái túi để kia.” (**yêu cầu** - Sam, **tiếp thu** -Fred) “Ảnh ở trong túi ý.” (**gọi tên/thuật lại**) “Đây là nơi bọn mình ở.” (**gọi tên/thuật lại**) “Thằng bé này đắp cát lên người mình đấy.” (**gọi tên/thuật lại**)

Fred: “Cậu có thích chỗ ở của cậu không?” (**yêu cầu**)

Sam: “Thích, chỗ đó được lắm!” (**hỏi đáp**)

Fred: “Cho mình số điện thoại của đại lý du lịch” (**yêu cầu**) “Mình cũng muốn ở đó!” (**gọi tên/thuật lại**) “Viết vào tờ giấy này cho mình với.” (**Yêu cầu** - Fred, **Tiếp thu** - Sam).

**6. ĐÁNH GIÁ PHẢN ỨNG CỦA BÉ VỚI MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH**

Bé phản ứng ở những mức độ khác nhau khi các giác quan được kích thích ở mức độ khác nhau. Hiểu được phản ứng của từng bé có thể giúp cha mẹ va thầy cô giáo tìm ra những đồ chơi hay các trò chơi/hoạt động cho bé cảm thấy thích hoặc tìm ra những kích thích giác quan nên hay không nên kích thích bé. Quan sát kỹ và miêu tả phản ứng của bé theo từng giác quan.

**Thính giác / âm thanh**

1. Bé phản ứng thế nào đối với âm thanh to hoặc nhỏ? Bé có phản ứng khác không khi bé biết âm thanh sẽ xảy ra hay bị bất ngờ?
2. Bé phản ứng thế nào khi bạn thay đổi âm độ khi nói? Bé phản ứng thế nào đối với âm rất trầm hoặc âm rất cao? Bé có thích giọng nam hay giong nữ hơn không?
3. Bé phản ứng thế nào đối với âm nhạc? Bé có hát theo không khi bé không hiểu lời?
4. Bé có thể bắt chước nhịp của trống hoặc đàn gõ (xylophone) không? Bé có thể đập theo số nhịp đập hoặc theo nhịp của tiếng gõ không?
5. Âm lượng của bé có đủ nghe không ? Âm lượng giọng của bé có thay đổi theo tình huống không?
6. Bé thường có thể nhắc lại bao nhiêu nguyên âm trong một câu?
7. Bé phản ứng thế nào đối với các đồ chơi biết nói? Khi ở gần các đồ chơi đó bé có bấm các nút không?
8. Bé có biết “điền từ” vào các bài thơ, hát có vần điệu mà không cần phải “dạy” đi dạy lại không?

**Thị giác / hình ảnh**

1. Bé có biết phân biệt hình ảnh không? Bé có thích tranh vẽ một nét không? Khi nhìn vào 1 bức tranh có độ tương phản cao (như nâu trên nền màu be hoặc đen trên nền trắng) hoặc tô màu nền tranh, bé có phản ứng như thế nào?
2. Bé phản ứng thế nào đối với các mức độ ánh sáng khác nhau? Bé có học/ứng xử tốt hơn dưới đèn huỳnh quang, đèn mờ hoặc đèn sáng?
3. Bé có phản ứng tốt hơn trong ánh sáng động hay ánh sáng tĩnh?
4. Bé có phản ứng tốt hơn khi chuyển động trong khi được kích thích về thị giác?
5. Bé có bị/được kích thích khi nhìn thấy các vật quay hoặc di động không?
6. Bé có khả năng chơi puzzle không? Puzzle là trò chơi ghép hình ảnh trên 1 mảnh gỗ hay bìa. Bé có khả năng xếp hình khi hình ảnh đặt ngược không?
7. Bé có biết tháo và lắp đồ chơi không?
8. Bé có nhớ đường đi đến những nơi quen thuộc không? Bé có tìm được những vật quen thuộc khi bạn di chuyển chúng khỏi vị trí không?
9. Bé phản hồi với những chi tiết nhỏ của bức tranh hay với toàn bộ bức tranh?

**Vận động, cảm giác, và cảm giác thân thể trong môi trường**

1. Bé có hoạt động nhiều hay thích ngồi yên hơn?
2. Các cử động của bé có mục đích hơn hay là vu vơ?
3. Bé phản ứng như thế nào khi chơi đu, quay, hay nhảy cùng với bạn?
4. Bé có phản ứng khác nhau đối với những cử động bất ngờ hay liên tục không?
5. Bé phản ứng thế nào đối với không gian chật hay rộng?
6. Bé thích đi trên các đồ vật hay thích đi vòng quanh đồ vật?
7. Bé hồi đáp thể nào đối với các chất liệu vải hay đồ chơi (sần sùi, nhẵn, mịn, trơn, lạnh, v.v.)?
8. Bé phản ứng như thế nào khi được ôm chặt và khi được cham khẽ? Bé thay đổi phản ứng như thế nào khi được mát-xa chậm rãi hay nhanh? Bé có phản ứng khác nhau như thế nào trên các bộ phận cơ thể?
9. Bé có chịu đánh răng và rửa mặt không? Bé có hay cho các thứ vào miệng không?
10. Bé có ăn các đồ ăn giòn, dai, mềm, cứng, nóng, lạnh, v.v. không?
11. Bé có bị kích thích khi tiếp xúc với các đồ chơi/dụng cụ tác động cơ thể không?
12. Bé có biết phối hợp một số hoạt động (theo trình tự) để thực hiện một “việc” không?
13. Bé có biết phối hợp một số động tác khi chơi đồ chơi không?
14. Phần mềm (cơ bắp) của bé mềm hay căng? Điều này có thay đổi khi bé hoạt động không?

**Vị giác**

1. Bé có ăn nhiều loại thức ăn có vị khác nhau không? Bé có thích đồ ăn cay, mặn, ngọt hay nhạt?
2. Bé có liếm hay đưa thức ăn vào miệng truớc khi ăn không?

**Khứu giác**

1. Bé có nhạy cảm với nước hoa, các loại nước tẩy rửa, hay các loại hoá chất khác không?
2. Bé có thích loại mùi gì đặc biệt không?
3. Bé có ngửi đồ vật trước khi chơi không?
4. Bé có bị kích thích bởi mùi không?

**DẠY BÉ CHƠI**

Khi chúng tôi bảo các phụ huynh là điều đầu tiên họ cần dạy bé là yêu cầu điều bé muốn, các cha mẹ thường nói :”Con tôi chẳng thích gì cả!”. Bé nào cũng có ý thích của mình hết và **chúng ta có thể làm tăng và đa dạng hóa những điều bé thích. Chúng ta phải dạy bé thích nhiều thứ thì chúng ta mới có thêm cơ hội dạy bé, đồng thời cho bé nhiều hoạt động vui nhộn để bé tham gia, tạo động lực thúc đẩy bé chứ không tạo “vật tự kích thích” cho bé**. Coi trọng việc làm cho bé thích “chơi” không bao giờ là thừa. Chúng ta có thể dạy bé chỉ tranh, bắt chước động tác, bắt chước lời nói trong những bối cảnh dàn dựng, nhưng bé có thể vẫn không biết ứng dụng những kỹ năng này nếu chúng ta không dạy bé sử dụng chúng trong đời thường. Hơn nữa, nếu những sự vật trong đời thường (đồ chơi, trò chơi, mọi người) không hấp dẫn với bé, chúng ta mới chỉ tạo ra được động lực nhân tạo để bé nói trong môi trường nhân tạo (ngồi bàn) với kích thích giác quan nhân tạo và những vật thưởng nhân tạo (video, kẹo, khao). Vì thế **mục tiêu xuyên suốt của mọi chương trình trị liệu là phải gắn động lực thúc đẩy bé** (thức ăn, vuốt ve, mùi v.v…) **với những vật mới để tạo thêm ra nhiều điều bé thích thú** (động lực thúc đẩy có điều kiện).

Để biết được bé thích loại đồ chơi hay hoạt động gì, chúng ta cần quan sát những hành vi tự kích thích bé vẫn làm và tìm hiểu phản ứng của bé với các cảnh tượng, âm thanh, vị và chuyển động trong môi trường (kích thích giác quan của bé). Những câu hỏi này sẽ dẫn dắt bạn trong quá trình tìm hiểu từng bé. Bạn có thể không có ngay câu trả lời cho một số câu hỏi. Để trả lời câu hỏi này, hãy để bé tiếp xúc với các cảnh quan, âm thanh, xúc giác và vị giác khác nhau rồi xem bé phản ứng ra sao. Khi bạn đã có câu trả lời, hãy dùng thông tin này để quyết định loại đồ chơi/hoạt động thích hợp nhất cho bé. Thông tin bạn thu thập được có thể cho bạn một vài gợi ý. Quan trọng là mỗi **khi bạn giới thiệu một đồ chơi hay hoạt động mới, bạn cần gắn chúng với “động lực thúc đẩy” bé**. Có nghĩa là, hãy **làm những gì bé có thể không thích lắm cùng với những gì bạn biết bé thích**. Ý tưởng này cần áp dụng với mọi hoạt động mới bạn giới thiệu với bé. Bạn có thể gắn kết mình với bất cứ “động lực thúc đẩy” nào của bé. **VD, nếu bé thích được ôm chặt, hãy gắn hành động này với việc đọc sách**. Nếu bé thích nhìn các vật quay tròn, hãy chọn các đồ chơi có bộ phận biết quay. Nếu bé thích nói giọng giả, hãy nói giọng đó khi chơi với bé. Nếu bé thích âm nhạc, hãy hát hoặc cường điệu vẻ mặt khi tiếp xúc với bé. **Khi bé đã bám bạn hoặc thích hoạt động đó, chúng ta có thể dạy bé yêu cầu hoạt động đó hoặc một phần hoạt động đó**. Nếu bé chưa có ngôn ngữ, bạn có thể dạy bé yêu cầu hoạt động đó bằng ra dấu hoặc tranh. Tiếp theo, chúng ta sẽ bàn chọn phương tiện giao tiếp thích hợp nhất cho bé. Bạn có thể dừng ở trước từ cuối để xem bé có điền nốt từ cuối vào không. Đây là một phần của hội thoại trao đổi tin nhưng cũng là một phần của nội dung yêu cầu vì bé hồi đáp thì hoạt động sẽ tiếp tục. Sẽ có nhiều đồ chơi/hoạt động giới thiệu với bé được coi là đồ chơi “tự kích thích”. VD bánh xe quay. Đó là những loại đồ chơi mà nếu để bé một mình với đồ chơi, bé sẽ quan sát và **chơi đi chơi lại vật đó suốt ngày một cách đơn điệu**. Quan trọng là **đừng để bé chơi một mình với đồ chơi theo kiểu này** vì như chúng ta đã nói đến ở phần trước, những hành vi tự kích thích này, bản thân chúng, đã là hấp dẫn với bé. Để bé không gia tăng những hành vi tự kích thích, hãy **giảm thiểu cơ hội bé tiếp cận với những đồ chơi này**. Chúng ta đang cố gắng **gắn những “động lực thúc đẩy” bé - đồ chơi “tự kích thích” - với việc giao tiếp, tương tác với ta**. Đó là những đồ chơi cần phải **giữ ở một nơi bé chỉ có thể chơi cùng người lớn**. **GV cần phải khống chế một phần hoặc toàn phần đồ chơi đó để trẻ không bị rơi vào tình trạng tự kích thích và quên cả GV**! Nếu bạn thấy bé thích một loại đồ chơi hay hoạt động, hãy cố tìm ra những vật khác cho bé kích thích giác quan tương tự. Một loại đồ chơi/hoạt động nữa cần quan tâm là những loại kết hợp “nhân quả” với chơi đóng giả. VD cái rửa xe có thể phun ra nước, lò nướng thả bọt khi đun hoặc bồn rửa đồ chơi thoát được nước khi ấn. Nếu bé thích tính “nhân quả” của đồ chơi, bạn luôn có thể làm bé hồi đáp bằng cách điều khiển một phần của đồ chơi. VD, nếu bé muốn thấy bọt thoát ra khỏi lò nướng, bé có thể sẽ yêu cầu “bật bếp” nếu bạn để tay ở công tắc!

Một trong những **lỗi lớn nhất mọi người thường mắc phải là ngồi chơi gần bé và hỏi bé thật nhiều câu**. Đó không phải là chơi, mà là kiểm tra bé, và bé có thể thấy khó chịu. Hãy **tránh ra lệnh cho bé và chỉ chơi đồ chơi cùng bé**. VD, nhiều bé thích “giọng giả” và những ngữ điệu cường điệu, đặc biệt là trẻ thích âm nhạc. Trong trường hợp này, bạn có thể hát hoặc nói có vần điệu khi chơi đồ chơi với bé. VD, khi bạn cho bé nhún nhảy trên quả bóng, bạn có thể nói “bóng nhảy, bóng nhảy, hãy rơi đi”. Rồi để bé rơi khỏi bóng khi nói đến từ “rơi”. Nếu bé thích trò này khi bạn làm đi làm lại, bạn sẽ thấy bé nhìn bạn và chững lại chờ khi bạn lại gần bé và nói “rơi”. Khi đó hãy dừng trước từ “rơi”, bạn có thể thấy bé điền từ “rơi”! Hãy tránh thuật lại những gì bạn thấy bé đang làm mà hãy tham gia cùng bé. VD, nếu bé đang cho tàu chạy trên đường ray, hãy lấy một cái tàu khác và giả vờ đâm vào tàu của bé hoặc rượt đuổi tàu của bé quanh đường ray. Nếu bé cứ lặp đi lặp lại một số trò, hãy chọc phá bé một cách tếu táo. VD, nếu bé cứ chạy vòng quanh phòng, hãy nhấc bổng bé lên và cho bé làm tàu bay bay quanh phòng. Có bé chỉ mon men quanh đồ chơi một thời gian rồi mới lại gần thử chơi. Nếu bé vẫn có tính này từ trước, hãy để đồ chơi đó trong phòng vài ngày mà không sờ đến. Sau đó bạn bắt đầu chơi đồ chơi một mình khi bé ở trong phòng nhưng đứng từ xa. Hãy để cho bé thấy nơi bạn cất đồ chơi mà bé không thể lấy được. Hãy để bé đến chỗ bạn khi bạn đang chơi đồ chơi, đừng mang đồ chơi đến chỗ bé. Một đứa trẻ lảng tránh đồ chơi lần đầu tiên ta đưa bé không có nghĩa là về sau bé sẽ không thích nó. Hãy nhớ là nhiều bé chỉ chơi mãi một đồ chơi hoặc nghe mãi một câu chuyện lần nào cũng giống lần nào. Nếu có trường hợp đó, hãy quan sát kỹ người bé thích chơi cùng để xem cái gì hấp dẫn bé. Có thể là vì giọng giả hoặc cách nói một từ nào đó. Để không khuyến khích bé chơi “bất biến”, chúng ta cần phân tích thông tin để biết làm thế nào bé có thể chơi cũng đồ chơi đó nhưng theo cách khác mà cũng hấp dẫn không kém phần với bé.

Hãy nhớ là một số bé trở nên đặc biệt hưng phấn khi chơi với một số đồ chơi, đặc biệt là những đồ chơi “tự kích thích”. Nếu bạn thấy bé có vẻ rất hiếu động và không thể tập trung vào bạn, hãy cho bé nghỉ và làm một hoạt động khác đem lại kích thích giác quan khác. VD, nếu bé nhún nhảy và vỗ tay khi chơi quay, bạn có thể yêu cầu bé ngồi xuống nghỉ và sau đó đọc một quyển sách trong một phòng nhỏ hoặc đi làm bánh sandwiches bằng gối ngủ. Phải lưu ý đừng vô tình khuyến khích hành vi xấu của bé khi bạn phản ứng lại hành vi của bé. Bạn quyết định dựa vào thông tin về bé nhưng cũng cần thăm dò: chỉ chuyển sang một hoạt động khác khi trẻ đã làm hành vi ta muốn.

**Chơi giai đoạn đầu**

Người ta nhận thấy kỹ thuật dạy dưới đây có thể làm tăng chú ý của bé đến một người và/hoặc một thứ đồ chơi. Cần nhớ là **mục tiêu ở giai đoạn này là để bé cho phép bạn cùng chơi với bé và bạn sẽ trở thành tác nhân gây hứng thú cho bé trong bối cảnh đó**.

1. Tạo cho bé hồi hộp mong chờ. Nhắc đi nhắc lại một số từ hoặc trình tự động tác theo cùng một kiểu rồi đột ngột dừng.

VD: Chơi Ú Òa – nói Òa trong khi tiến đến gần bé và bỏ khăn trùm đầu ra. Khi bé đã chú ý đến bạn rồi, bạn sẽ thấy bé cười và giao tiếp mắt với bạn khi bạn tiến lại gần. Bé sẽ bật cười khi bạn bỏ khăn ra. Khi bạn bắt đầu thấy bé làm như vậy, hãy dừng lại ngay trước từ “Òa”. Bé có thể nói “Òa” và bỏ khăn ra khỏi đầu bạn!

2. Hãy làm một điều bất ngờ. Lặp đi lặp lại một hoạt động rồi bất ngờ đổi trình tự.

VD Nếu bé đang ăn bánh, hãy nói “Cô đói quá” và tiến về phía cái bánh giả vờ bấu vài miếng.

Nếu bé đã chịu để cho bạn làm điều này vài lần, hãy đến gần bé, và giả vờ ăn phát ra tiếng to!

VD: Nếu bé cứ dùng xẻng xúc mãi cát/gạo vào xô và xem chúng chảy xuống xô, hãy giả vờ ăn nó!  Hoặc mang một nhân vật bé thích (VD Elmo?Barney?) đến và chơi trò ăn.

3. Lặp lại hành động của bé rồi biến nó thành trò chơi.

VD: Bé giẫm lên quả thông trong buổi đi bộ. Bạn cũng giẫm lên quả thông và nói “Mẹ thấy một quả này? Giẫm”.  Sau đó bảo bé “Đến lượt con - Giẫm” khi bé giẫm lên quả thông. Trong lúc chơi, bạn có thể tìm thêm quả thông khác và xếp chúng thành hình tròn hoặc hình khác để chơi trò “Giẫm”.

4. Tếu táo chọc phá trò chơi của bé**.**

VD: Bé cứ trượt lên trượt xuống cầu trượt trong nhà, đâm vào gối đặt dưới cùng. Nhẹ nhàng chộp lấy chân bé ở trên đầu cầu trượt và lắc người bé, nói “ôi, tôi bắt được nó rồi”.  Hãy nhìn xem bé có cười không thì biết ngay là bé có thích trò này không. Đợi bé giao tiếp mắt với bạn rồi nói “Đi không?” rồi thả bé trượt xuống cầu trượt. Hoặc nếu bé chạy vòng tròn rồi đâm vào đệm ghế salon, để vài cái gối dưới sàn nhà và đâm vào đó.  Nhớ là bạn và bé phải lần lượt đâm vào đó!

5. Gắn từ/âm thanh với những gì bé đang làm.

VD: Khi bé ngồi vẽ một mình, hãy nói “vẽ, vẽ, vẽ” hoặc “tròn, tròn, tròn rồi dừng”, hoặc “nét lên rồi xuống, nét lên rồi xuống” (để miêu tả những gì bé làm). Hãy nói bằng giọng bé vẫn thích (VD, hát, trầm, cường điệu). Gắn những từ/âm này với vật bé thích sẽ có thể khiến bé sử dụng những từ/âm thanh này về sau.

6. Dùng động tác/biểu lộ nét mặt cường điệu để làm bạn thật khác biệt

VD: Mở to mắt, ngã bùm xuống, khóc ngoác miệng và lấy tay quệt nước mắt.

7. Đem lại nghĩa cho âm bé phát ra

Kể cả nếu bạn không nghĩ bé đang nói một từ có nghĩa, hãy nghe âm thanh bé phát ra và hành động như thể chúng có nghĩa.

VD Khi bé vẽ, bé bi bô và nói những âm nghe như “mặt trời” thì bạn hãy lấy bút vẽ ngay mặt trời như thể bé yêu cầu bạn vẽ nó.

8. Giới thiệu các nhân vật khác vào trò chơi

VD: Bé thích được bạn cho bật nhún trên quả bóng.  Mang một đồ chơi khác ra và cho chúng bật nhún trên quả bóng. Nếu bé đẩy những nhân vật đó ra khỏi quả bóng, hãy nói “Elmo, đi chỗ khác” lúc bé đẩy nhân vật đó đi.

**Chơi giai đoạn tiếp theo**

Mỗi bé một khác nên bạn phải quan sát kỹ bé để quyết định khi nào thì đưa thêm những yêu cầu khác vào hoạt động. Một **khi bé đã yêu cầu đồ chơi hay hoạt động, bạn có thể tăng số lần bé phải yêu cầu để đạt được điều bé muốn. VD, khi bé liên tục đòi chơi bóng, cho bóng vào một cái thùng đựng trong suốt và dạy bé yêu cầu mở thùng**. Sau đó, bạn có thể dạy bé yêu cầu bạn lăn hoặc đập bóng hoặc bạn có thể cho bé chọn màu bóng. Quan trọng là **đừng tăng số lượng yêu cầu quá nhanh nếu không bé sẽ không muốn tham gia nữa**.  Điều này vẫn thường được gọi là “tiêu diệt động lực thúc đẩy”. Đó là khi ta tạo thêm quá nhiều yêu cầu làm cho bé thấy thà lảng tránh còn hơn là tham gia hoạt động. Tình trạng này rất hay gặp, tôi thường nghe phụ huynh nói lại là con họ đã từng thích một đồ chơi hay trò nào đó nhưng bây giờ thì không.  Một cách nữa tiêu diệt hứng thú của bé là **để bé dễ dàng có được đồ chơi đến nỗi chúng trở nên không còn hấp dẫn (nhàm chán)**.  VD, bé có thể rất thích chơi bóng bay với bạn nhưng nếu ngày nào cũng chơi 10 lần thì trò này không còn vui thú nữa! **Thỉnh thoảng cũng phải ngừng chơi một trò bé đang cao hứng và chuyển sang trò khác cũng hấp dẫn như thế với bé**. Bằng cách **liên tục khám phá ra các đồ và trò chơi bé thích, tăng dần yêu cầu và thường xuyên đa dạng hóa các hoạt động của bé, bạn có thể giữ được tính hấp dẫn của đồ và trò chơi**.

Một số bé chỉ có một số hữu hạn những trò yêu thích và không chịu chơi trò mới. Trong trường hợp này, có lẽ cứ để bé quan sát bạn chơi trò mới khi bé ăn món bé thích hoặc uống nước hoa quả (kỹ thuật gắn kết động lực thúc đẩy). Khi bé bắt đầu cười và tiến đến chỗ các vật tham gia trò chơi, là lúc bé đã sẵn sàng chơi trò mới rồi đấy.

Ở giai đoạn này, bạn có thể mở rộng trò chơi bằng cách **đưa thêm các sự vật mới khác lệ thường ngày hoặc các nhân vật mới vào trò chơi**. VD, nếu bé thích nhìn các con vật chạy quanh đường tàu, thì ta có thể dùng tàu đưa các con thú đến vườn thú hoặc trang trại, bất cứ nơi nào chúng cư trú. Đưa thêm các phần mới vào một trò hấp dẫn bé để dạy thêm điều mới cho bé. Nên lưu ý đừng thêm quá nhiều yêu cầu và quá nhanh, kẻo bé sẽ mất hứng với trò đó hoặc chỉ chơi khi không có bạn ở đó!

**Dùng chính một phần của trò chơi bé thích để động viên bé chơi trò khác. VD, nếu bé thích chơi mặc quần áo cho búp bê, hãy để bé thay quần áo để đi biển hoặc đi công viên**! Nếu bé thích chơi với động vật, hãy làm như thể các con vật quyết định chúng muốn chơi khác.

Một cách nữa để tiến lên chơi tinh vi hơn là sử dụng băng video bé thích. Lấy một vài nhân vật trong băng và chơi diễn xuất một số cảnh trong băng. Dừng băng và để các nhân vật đồ chơi nhắc lại tình huống vừa quan sát. Đây cũng là một cách gắn đồ chơi với động lực thúc đẩy bé và cho bé lời thoại để sử dụng trong khi chơi. Thay đổi dần lời thoại để bé không bị giới hạn ở việc chỉ biết diễn lại một đoạn băng.

Trong khi dạy bé chơi, một số người **dễ có xu hướng vẫn duy trì tốc độ nói nhanh và hỏi liên tục như khi ngồi học bàn. Hãy tránh làm việc này**. Hãy làm mẫu nội dung gọi tên, đợi bé biết hiểu đáp và **làm nhiều nội dung “giải quyết vấn đề” khi chơi**. Cho bé quyền lựa chọn chơi theo kiểu nào. VD, nếu bạn đạng chơi với Barney và Barney ốm thì bạn nên cho Barney đi bác sỹ hay đi công viên? Nếu Loftie không nâng được một cái ống to, Scoop có nên giúp Loftie hay nên đặt ống xuống? Cho bé quyền tiếp tục yêu cầu nhưng mở rộng trò chơi. Trò chơi phải khác công việc! Tác giả khuyên bạn **nên dùng trò chơi để dạy bé điều mới, còn thời gian học bàn thì để tăng tốc và tập hồi đáp đúng các bài tập đa dạng và tổng hợp**. Làm như vậy khả năng khái quát hóa của bé có thể gia tăng và làm cho ngữ cảnh học thêm vui! Khi hội thoại và các trò chơi đã gắn chặt với động lực thúc đẩy bé đến mức chính chúng trở nên hấp dẫn, bé sẽ sẵn sàng học những điều bé không quan tâm và có thể học theo trường thường.

**Chơi tinh vi hơn**

Đây là thời điểm bé được chơi đồ **chơi theo ý chúng và được chỉ đạo mọi người xung quanh làm theo ý bé**. Trong thời gian mới học chúng ta khuyến khích bé làm điều này để bé hiểu “Nếu bé nói thì bé được”. Đôi khi cách này tạo ra một quái vật nhiễu sách, bé sẽ đòi đặt miếng ghép hình cạnh đường tàu chạy theo sự chỉ đạo của bé.

Tuy nhiên, **nếu bạn muốn dạy bé biết chơi cùng trẻ khác, bạn phải dạy bé rằng không phải lúc nào bé cũng được chỉ đạo trò chơi**. Chúng ta đã dạy bé cái **sơ đẳng của nguyên tắc này khi chúng ta bắt bé đợi đến lượt trong những trò bé chỉ đạo** và có thể mở rộng nội dung dạy này bằng cách lần lượt đưa ra ý tưởng cho các trò sau. VD, khi xây đường chạy bằng đá hoặc hình khối, sẽ lần lượt hỏi ý kiến bạn chơi sẽ đặt tiếp chất liệu gì. Nếu ý tưởng được tán đồng thực hiện, có thể dạy bé tán thưởng bạn chơi.

Thông qua chơi tinh vi, ta có thể tái tạo lại những tình huống xã hội mà trẻ gặp khó khăn. VD, nếu bé chơi với các bạn khác ở sân chơi không ổn thì khi chơi với các đồ chơi, có thể dạy bé biết mình được làm những gì ở sân chơi.  Hoặc nếu bé có vấn đề với trẻ khác, có thể diễn lại tình huống này.

* + 1. **ĐỒ CHƠI BÉ THÍCH**

Đây là danh sách những đồ chơi đầu tiên mà hầu hết các bé đều thích.  Hãy lưu ý mỗi bé một khác nên hãy chọn những đồ chơi giống với những gì bé thích hoặc những gì bé làm để tự kích thích bản thân.

Mục tiêu đầu tiên là để tìm ra càng nhiều loại đồ vật (kích thích) để dùng làm phần thưởng trong khi dạy bé. **Bằng cách quan sát và giới thiệu các vật** khơi gọi được phản ứng của bé tới các giác quan (kích thích) chúng ta có thể **xây dựng được một danh mục đáng kể những vật có thể làm phần thưởng cho bé**. Hãy nhớ là **không nên để bé chơi một mình với những đồ chơi này.** Chúng ta không muốn bé tiếp tục tự kích thích bằng những hành vi hay đồ chơi tự kích thích. Thay vào đó, những đồ chơi này nên được sử dụng để lôi kéo bé tham gia (gắn kết cha mẹ/giáo viên và âm thanh/từ với phần thưởng). Có thể sử dụng những trò và đồ chơi này, cùng với yếu tố hồi hộp, nét mặt sinh động, tiết chế một phần đồ chơi, và yếu tố bất ngờ để biến bạn thành một phần trong niềm vui của bé! (gắn kết với động lực thúc đẩy bé)

**Những đồ chơi chuyển động theo đường thẳng (kích thích thị giác)** – Nếu chỉ cho bé xem đồ chơi không thì không có tác dụng. Hãy để đồ chơi chạy tới chạy lui chỗ bé giống cách bé vẫn di chuyển vật để tập trung sự chú ý của bé. Cho bé xem đồ vật thật hứng thú hoặc thể hiện kịch tính trong giọng nói hoặc nét mặt để bé thấy bạn thích thú vật đó thế nào!

1. Các dụng cụ vẽ và tô màu – bút đánh dấu, bút màu, bút chì

2. Dụng cụ để đập, đánh, bắt - thìa gỗ, dùi trống, dao bay, lưới chống bọ, gậy bóng chày, xẻng

3. Vật tự chạy, hoặc làm cho chạy, theo đường thẳng - gạo/cát/hạt đậu đổ từ cốc, tàu hỏa, ôtô, những đường thẳng mọi người vẽ, chân búp bê/con vật, đũa thần, gậy có dây tua ở đầu, bình tiêm hoặc bình thể thao đựng nước, vòi nước

4. Ống dẫn nước mưa hoặc đồ chơi có nước chảy từ đầu này sang đầu kia khi đặt nghiêng

**Đồ chơi quay tròn (kích thích thị giác)** – Có bé thích vật chỉ quay và không có tiếng, có bé thích vật phát sáng và có bé thích vật quay nếu có nhạc. Hãy thử các đồ chơi quay tròn khác nhau để biết bé thích dạng nào. Nhớ là khi chơi với bé bạn vẫn điều khiển được một phần đồ chơi, ngồi xuống cùng tầm với bé và thật gần ở khoảng cách bé chấp nhận và dùng cơ thể (biểu lộ nét mặt, động tác cường điệu), tạo hồi hộp và bất ngờ để bạn trở thành niềm vui của bé (gắn kết với động lực thúc đẩy bé).

1. Bánh răng/bánh xe- tự động và cơ.

2. Con quay- có ánh sáng, âm thanh và không có.

3. Gậy có tua vải ở đầu, quay vòng tròn

4. Đồ chơi “Bee Bop” Flower – có 3 vòng tròn quay tròn trên có hoa và các con vật xếp chồng lên. Có thể tìm mua ở các cửa hàng đồ chơi cho trẻ sơ sinh.

5. Đèn nhấp nháy với đồ chơi trên cùng hoặc đèn nháy thành hình tròn.

6. Đồ chơi “Đu quay”, Bánh xe của phà, cối xay gió, ôtô trên đường, tàu hỏa trên đường ray.

7. Đồ chơi âm nhạc có các bộ phận quay tròn

8. Bóng bay có thể bay lên khi thả ra, quay tròn khi chúng xì hơi.

**Chuyển động (kích thích tiền đình)** – Nhiều bé thích được chuyển động và đồ chơi tạo ra chuyển động. Cần thận trọng quan sát bé liệu chuyển động đó có kích thích bé quá đà không. Theo OT literature, nói chung, chuyển động tới lui ít kích thích hơn chuyển động từ bên này sang bên kia. Chuyển động kích thích nhất có lẽ là chuyển động quay tròn và ta cần thận trọng khi sử dụng chuyển động này. Kết hợp nhiều chuyển động thường kích thích hơn một chuyển động. Vì thế, nếu ta muốn làm bé bình tĩnh, bạn có thể cho bé chuyển động rung, còn nếu bạn muốn khuấy động bé, bạn hãy cho bé chuyển động theo nhiều kiểu đa dạng.

1. Người - rung khi bé ngồi ghế rung hoặc khi đang đứng  - Có bé thích chuyển động nhưng lại không thích bị sờ nên cần thử nghiệm các tư thế bế bé khác nhau.

2. Ghế rung, ngựa rung, các trò bé cưỡi và rung.

3. Đu quay- loại thông thường hoặc tự tạo. Các chất liệu khác nhau như Lycra có thể tạo nhiều áp lực hơn và khoảng không hẹp có thể làm bé thích đu hơn. Có nhiều loại đu “trị liệu” khác nhau trên thị trường có thể làm các chuyển động khác nhau kết hợp với các dạng tiếp xúc khác nhau. Hãy thử nghiệm xem bé thích gì.

4. Chạy- Cần xem bé có thể phân biệt giữa môi trường khiến việc chạy trở nên vui thú (VD chơi đuổi nhau) và có thể nguy hiểm (chạy xuống đường). VD, bạn có thể chỉ chơi đuổi nhau ở trong một phòng ở nhà chứ không ở phòng khác hoặc ngoài nhà để tạo ra nhiều bối cảnh khác nhau khiến bé không chạy trốn bạn khi bạn không chơi nữa. Dạy bé những phản hồi an toàn như “dừng lại” hay “đến đây” nếu bạn sẽ chơi đuổi nhau với bé.

5. “Ngồi và quay”, Đu quay tròn, các vật bé cưỡi được quay tròn – Như đã nói ở trên cần thận trọng với kích thích này.

6. Nhảy - trên bạt lò xo, giường, đệm

7. “Đâm”- Nhảy vào đệm, chơi ngã ngửa trên giường (tất nhiên là nhẹ thôi)

**Sờ (kích thích xúc giác)** – Nhiều bé thích cảm giác những gì dinh dính. Có bé hưởng ứng với các dạng mát xa hoặc ấn sâu. Hầu hết các bé thích được ấn sâu bằng lòng bàn tay chứ không thích ấn nhẹ không êm nhưng hãy thử nghiệm tất cả bởi mỗi bé một khác. Nhớ để ý xem bé phản ứng thế nào với kích thích xúc giác và khứu giác. Có bé thích kích thích xúc giác nhưng lại ghét các mùi. Cần thử các các vật có mùi và không mùi.

1. Băng dính

2. Gak, Goo và các chất liệu nhầy/nhão. Có thể mua hoặc làm theo công thức món ăn của trẻ.

3. Các đồ chơi cao su dẻo- con rắn, các nhân vật, con vật trong phim hoạt hình- Có thể tìm mua ở các gian hàng khoa học hoặc trong “Gak” containers.

4. Găng tay bắt bóng với mặt trước dính để giữ bóng (hoặc để ném cái gì vào!)

5. Băng dính trên các chất liệu.

6. Cát, hạt đậu, gạo, bột mỳ với thịt, hố bóng – Có bé thích chơi vùi một phần cơ thể vào những thứ kể trên.

7. Cuộn trong chăn, khăn tắm, áo gi lê, ôm, bấu gối hoặc đệm

8. Bơi/chơi dưới nước

9. Bò dưới/qua lều hoặc đường hầm

**Mùi / Vị** - Có bé thích mùi nặng hoặc đặc trưng. Với những bé này, cứ đồ chơi nào có mùi là kích thích.

**Âm thanh** – Có bé thích đồ chơi có tiếng lạ hoặc đồ chơi biết nói, có bé lại không thích chúng nhất là nếu tiếng động bất ngờ và to. Khi giới thiệu những đồ chơi này cho bé, lúc đầu nên để đồ chơi cách xa bé rồi quan sát xem bé phản ứng ra sao. Với các đồ chơi có tiếng ồn, để giấy dính, bìa cát tông hoặc xốp trước vật phát ra tiếng động để giảm âm thanh có thể làm bé hưởng ứng. Nhiều bé phản ứng với âm nhạc nhưng không với “lời nói”. Nếu vậy, cần nói giọng có vần điệu hoặc như đang hát khi nói với bé thì bé mới hưởng ứng. Nói nhanh, như với người lớn có thể gây khó chịu với một số bé.

Hãy thử các sắc thái,cung bậc và tốc độ nói khác nhau để quan sát phản ứng của bé.

1. Que nhạc, vật phun mưa, các nhạc cụ

2. Đồ chơi biết nói, máy tính đồ chơi, các con vật phát ra âm thanh

3. Âm nhạc với nhịp độ khác nhau – mỗi bé có thể có ý thích khác nhau nên hãy thử các dạng khác nhau.

* 1. **CÁC ĐỒ CHƠI VÀ TRÒ CHƠI LÀM PHẦN THƯỞNG**

**VỚI BÉ THÍCH ĐƯỢC DI CHUYỂN NHIỀU**

Xích đu – Đẩy, cao hơn, nhanh hơn, đẩy cho con, quay tròn

Cưỡi rổ đựng quần áo – đẩy, đi, tăng tốc, giảm tốc độ, dừng

Quay tròn/ ”ngồi và quay”, đu quay vòng tròn, **spinning chair- up**, quay tròn, đi, tăng tốc, xuống

Nhún nhảy trên bóng – lên, xuống, đi, cưỡi

Cưỡi trên lưng ngựa rung rinh và trên lưng giáo viên - **giddy-up**, hí, cưỡi, ngựa

Đệm lò xo – nhảy, dừng, đi, cao hơn, tên các thú nhồi bông, các nhân vật nhảy cùng bé, cưỡi, la ó

**VỚI TRẺ THÍCH ĐƯỢC BẤM SÂU VÀ/HOẶC THÍCH CÙ**

Ôm - ôm, chặt hơn, các bộ phận cơ thể

Cù - cù, các bộ phận cơ thể

Cuộn mình vào sau gối, đệm, chăn

**VỚI TRẺ THÍCH KHOẢNG KHÔNG HẸP**

Lều, các hộp lớn, các đường ống, chăn, trong, ngoài, “Pop Goes the Weasel”, mở, đóng, tối, sáng, giấu

Ú oà, ngủ, thức, ngày, đêm

**Với bé thích các vật quay tròn hoặc chuyển động**

Con quay, bánh răng, bánh xe – cho vào, đẩy, kéo, bật, tắt, yêu cầu lấy màu hoặc kích cỡ nào đó

Bóng bay – thổi, to hơn, màu, kích cỡ

Bong bóng – thổi, kích cỡ (tùy thuộc vào ống thổi), “bong bóng sờ được”, các bộ phận trên cơ thể, các địa điểm, mở, vào, ứơt

Các loại khăn quàng cổ màu sắc - màu, địa điểm, ú òa, trốn, ra ngoài

**VỚI BÉ THÍCH ÂM THANH**

Que nhạc, đồ chơi biết nói, nhạc cụ - nhanh, chậm, ồn, lặng, bài hát

**VỚI BÉ THÍCH CÁC VẬT DÀI, HẸP (GẬY)**

Que nhạc - ồn, lặng, nhanh, chậm, chơi chung

Ống – đẩy, kéo, vào, ra, dài, ngắn, nặng, nhẹ

Que có tua vải ở đầu /que phát sáng – vòng quanh, lên, xuống, dài, ngắn, các màu

**VỚI BÉ THÍCH MÀU SẮC VÀ ÁNH SÁNG**

Lite Brite – màu sắc, tên vật, địa điểm

Đèn nhấp nháy – chiếu vào tên/vật, tìm, nhìn, các địa điểm

Đồ chơi bật đèn, các trò chơi điện tử, que phát sáng

Ooglies – bật/tắt, cười, làm trò, cù, dừng lại, đặt câu hỏi, các bộ phận trên cơ thể

VỚI BÉ THÍCH MÙI VỊ

Sách có trang có thể xé ra và gửi, bút đánh dấu có mùi hoặc đất nặn – màu sắc, mùi, mũi, các vật

VỚI BÉ THÍCH NHIỀU LOẠI CHẤT LIỆU

Hạt đậu và hạt gạo – trốn, vào, ra, phủ, lấp đầy, đổ ra, đổ sang, to, nhỏ

Bóng để nén Tension ball/Koosh ball – vặn, giấu, các địa điểm,mở, to, nhỏ, ném, bắt

Con sâu (ống mềm khó bám) hoặc bóng mềm – bấu, vào, ra, bám, trượt, mềm, cứng

Đất nặn – màu sắc, các vật (bánh quy cắt thành các hình), kích cỡ, lăn, đập, bấu, nhấn, mở, vào, ra

Khối lởm chởm – xây, cao/thấp, màu sắc, hình dạng

Vẽ bằng tay/bằng kem đánh răng – màu, nhơt, ướt, vẽ vật, hình dạng

Sách bằng vải dệt

Cát – xây, đất xấu, khô, trong, ngoài, dưới, trốn, mất, tìm

CHƠI GIẢ VỜ

Đồ chơi tượng trưng có yếu tố nhân – quả

1. Chuồng ngựa có bơm nước
2. Bếp đun nước sôi và nước trong bệ rửa
3. Búp bê biết ăn
4. Thức ăn đổi màu
5. Đồ đựng thức ăn có dán dính – **Velcro food items**
   1. **DẠY BÉ BIẾT YÊU CẦU**

Khi bạn đã tạo ra được nhiều thứ bé thích (vật bé thích) và đã gắn bạn với những vật đó, hãy dạy bé yêu cầu vật hay hoạt động đó. Có nhiều cách khác nhau để làm điều này dựa trên khả năng của bé và cách bé phản ứng với các sự vật khác nhau trong thế giới quanh bé. Bạn hãy nhớ luôn tự hỏi mình Làm thế nào để bé sẽ hồi đáp đúng như ý mình muốn. Sau đó hãy nghĩ cách chuyển tiếp hồi đáp đó sang hoàn cảnh mới. Cần ghi nhớ là mục tiêu cuối cùng là dạy bé biết giao tiếp bằng ngôn ngữ. Nhiều phụ huynh băn khoăn khi sử dụng Hình thức giao tiếp thay thế/gia tăng (AAC) bởi vì họ sợ điều này đồng nghĩa với việc thôi không dạy bé nói. Nhưng hoàn toàn không phải vậy. Rất nhiều nghiên cứu cho thấy dạy bé sử dụng AAC để nêu yêu cầu thực tế còn làm tăng khả năng bé sẽ phát triển giao tiếp bằng lời nói. Hơn nữa, ngay cả nếu AAC được sử dụng để dạy bé biết yêu cầu, nên dựng nên nhiều bối cảnh trong chương trình dạy bé để tăng khả năng phát ra lời nói. Dùng AAC cho bé một cách giao tiếp trong khi ta đang dạy kỹ năng nói cho bé. Điều quan trọng nhất là khi ta dạy bé yêu cầu bằng hình thức nào thì cũng là ta đang dạy bé sức mạnh của giao tiếp. Nó cho phép bé tiếp cận với các sự vật bé muốn và thay thế nhiều hành vi xấu mà hiện giờ bé đang dùng để giao tiếp. Nó khiến cho bé có được các vật bé thích từ mọi người, và vì thế làm cho mọi người trở nên hấp dẫn hơn với bé. Sau cùng, nó cho bé một kỹ năng mà sau đó chúng ta có thể chuyển tiếp sang nhiều chức năng khác của ngôn ngữ. Có cả hai mặt lợi và hại trong mỗi dạng hồi đáp nhưng việc chọn cách nào thì phải tùy vào từng bé cũng như môi trường bé thường xuyên tiếp xúc. Các chuyên gia khác nhau có nhận định khác nhau hệ thống nào là tốt nhất nhưng lựa chọn tốt nhất cho bé phải phù hợp nhất với bé và với môi trường bé vẫn thường sống trong. Tốt nhất là nên để cho những người quen thuộc với bé quyết định và trước tiên là phải dựa vào khả năng của giáo viên cũng như chương trình bé tham gia. Tất nhiên những nhân tố này phải được cân nhắc vì phải chắc rằng GV có đủ kỹ năng và môi trường phải thuận với phương pháp lựa chọn nhưng nhu cầu của bé phải là quan tâm hàng đầu. Có người cho rằng chỉ nên dạy bé mỗi lần một dạng hồi đáp, tuy nhiên chúng tôi nhận thấy cách này không phải luôn có lợi trong thực tể. Các dạng hồi đáp khác nhau có thể khiến bé biết yêu cầu nhiều sự vật trong thời gian ngắn hơn. Nhưng chúng ta nên tránh dạy nhiều dạng hồi đáp với cùng một vật khi mới học. Thí dụ sau sẽ cho ta thấy điều này.

Brian bé trai 3 tuổi sống cùng 4 bé khác dưới 6 tuổi. Brian được dạy sử dụng ảnh để yêu cầu, và những bức tranh này được đặt ở nơi mà bé thường yêu cầu những vật đó đế bé có thể dễ dàng lấy phương tiện giao tiếp này. Anh chị bé thường nghịch mang ảnh xuống chỗ bé không thể lấy được. Vì thể ảnh được để trong một quyển sách và Brian được dạy cách ra hiệu bé muốn quyển sách khi bé muốn yêu cầu cái gì đó. Brian có nhiều giáo viên tiếp xúc với các môi trường khác nhau. Quyển sách của bé thường bị quên hay để không đúng chỗ vì thể bé không thể có phương tiện giao tiếp. Từ đó mọi người thấy nên dạy Brian học cách ra hiệu vì bé luôn có hai tay để ra hiệu. Những bức tranh vẫn được sử dụng nhưng chỉ trong giờ ăn thôi vì thực đơn mà bé yêu cầu cũng ít thay đổi. Hơn nữa, trường của bé cũng sử dụng tranh để giúp bé yêu cầu đồ ăn. Brian được dạy yêu cầu đồ chơi và hoạt động bằng ra hiệu và tranh để yêu cầu thức ăn.

Hai điều tối quan trọng khi dạy bé yêu cầu bằng bất cứ hình thức nào là:

1. Bé phải muốn vật đó.

2. Bé phải hồi đáp trong bối cảnh mà chúng ta đang dùng để dạy bé cách yêu cầu.

* 1. **DẠY BÉ ĐƯA VẬT / TRANH ĐỂ YÊU CẦU**

Nếu như đã xác định được rằng **hệ thống trao đổi** là phương tiện tốt nhất cho bé trong thời gian này, thì cần phải xác định xem nên sử dụng vật hay tranh (hoặc cả hai). Một lần nữa việc lựa chọn phải được dựa trên khả năng hiện có của bé cũng như những hạn chế của môi trường bé đang sống. Khi đã lựa chọn rồi, các giáo viên sẽ định ra kích thích hợp lý nhất để dạy bé **hệ thống trao đổi**. Nếu chọn trao đổi bằng vật, hãy thu thập những vật bé sẽ dùng làm vật tượng trưng. Một số gợi ý sau đây có thể giúp bạn trong việc chọn các vật này:

* Một chiếc cốc nhựa dùng để yêu cầu uống
* Một vài mẩu đồ ăn nhẹ bé thích gắn vào thẻ
* Một vài mẩu thức ăn bé thích cho vào trong túi ni lông trong dán kín
* Mẫu đồ vật yêu thích của bé cho vào trong hộp trong

Nếu dùng tranh, hãy xác định loại tranh nào sẽ tốt nhất cho bé. Lưu ý là bé không nhất thiết phải biết ghép tranh với đồ vật trước khi dạy bé phần này. Khi chúng ta thưởng cho bé vật bé thích nhằm tạo động lực để bé tăng cường trao đổi bằng tranh, chúng ta đang gắn kết hai yếu tố này với nhau. Tuy nhiên nếu bé có khó khăn trong việc phân biệt tranh, hãy kiểm lại kích thích ta đưa ra để xem có cần thay đổi giúp bé phân biệt tranh hay ta nên sử dụng kích thích khác.

Các lựa chọn có thể là:

* Dùng ảnh
* Các mảnh bọc đồ vật bé thích
* Một phần hộp đựng đồ chơi bé thích
* Các biểu tượng hoặc tranh vẽ đường thẳng

Tiếp theo hãy xác định xem sẽ dùng những đồ vật hay hành động nào để bắt đầu dạy bé **hệ thống trao đổi** ta chọn. Hãy bắt đầu từ những vật hay hoạt động bé thích. Phải xác định được bé thực sự muốn đồ vật hoặc hành động nào ngay từ khi bắt đầu dạy. Hãy cho bé một ít cái bé thích và xem bé có muốn nữa hoặc quan sát xem bé có cố với lấy hoặc nhìn hướng vào vật đó không. Nhớ là vào thời điểm này, bạn chưa thể dạy bé yêu cầu những thứ mà bé không muốn.

Những bước đầu tiên dạy bé **hệ thống trao đổi** cần có hai người. Hãy đặt đồ vật bạn xác định bé muốn trước mặt chúng nhưng đừng để trong tầm với của bé. Đầu tiên, nên sử dụng vật gồm nhiều phần nhỏ hoặc có thể chia nhỏ để bé tập được nhiều lần. Vật hoặc tranh dùng để dạy sẽ đặt giữa bé và vật bé thích. Người hướng dẫn thứ nhất ngồi đối diện bé, gần với vật bé muốn. Người thứ hai ngồi sau bé để nhắc. Khi mới dạy, điều quan trọng là không một người hướng dẫn nào được nói điều gì trước khi trao đồ vật cho bé vì ta muốn hồi đáp của bé phải xuất phát từ mong muốn của bé chứ không phải từ điều giáo viên nói hoặc làm.

1. Khi bé với được đồ vật, người hướng dẫn thứ hai cầm tay giúp bé nhặt vật hoặc tranh đưa cho người hướng dẫn thứ nhất tay giang ra sẵn. Khi vật hoặc tranh nằm trong tay người hướng dẫn thì người hướng dẫn thứ nhất nói tên của vật và đưa bé vật đó. Việc này phải làm thật nhanh. Tiếp tục nhắc toàn phần cho đến khi bé nhặt vật và đưa vật cho người thứ nhất không cần nhắc. Không dùng lời hướng dẫn cho bé trong suốt quá trình này.
2. Thêm tranh hoặc vật bạn biết bé không thích. Để vật bé thích và không thích cùng trên mặt bàn buộc bé phải nhìn vào tranh hoặc vật thì mới chọn được đúng thứ bé thích.
3. Bỏ dần việc người hướng dẫn thứ nhất giơ tay ra nhắc bé đưa.
4. Bỏ dần sự có mặt của người hướng dẫn thứ nhất. Đứng cách xa bé dần dần để bé phải đến chỗ bạn để lấy đồ bé muốn.
5. Dần dần dạy cho bé yêu cầu vật khác hoặc hành động khác.
6. Dần dần tăng phạm vi yêu cầu của bé.
7. Giữ những bức tranh hoặc đồ vật ở một nơi mà bé luôn có thể với tới. Nếu không thể, thì dạy cho bé yêu cầu một quyển vở hoặc cái hộp đựng tranh hoặc vật đó.
8. Nhớ dạy cho bé **hệ thống trao đổi** với nhiều người khác nhau để bé không gắn cách giao tiếp này chỉ với một người.

**12. CÁCH DẠY YÊU CẦU BẰNG LỜI NÓI**

**Luôn ghi nhớ:**

* Tìm ra những điều kiện để bé có thể tạo ra những phản ứng giống hoặc tương tự những điều bạn muốn sau đó đem chúng sang môi trường mới.
* Bé dễ nhắc lại từ mà bé vừa nói ở bối cảnh mới.
* Gợi ý cho bé trong vòng 2-3 giây: Để bé luôn thành công.

**Nếu bé nói nhưng rất khó hiểu thì làm thế nào?**

Tiếp tục khích lệ tạo động lực thúc đẩy bé nói trong môi trường tự nhiên. Nếu nghe thấy một từ dù chỉ hơi giống thứ bé có thể yêu cầu, thì cũng đưa cho bé thứ đó rồi chỉnh phát âm từ đó. Ta có thể chỉnh dần phát âm từ cụ thể đó cho gần giống với vật bé thích. Hi vọng bé cũng sẽ sử dụng một hệ thống gia tăng ngôn ngữ để yêu cầu như là ra hiệu hoặc giao tiếp giao lưu để người lạ cũng có thể hiểu được yêu cầu của bé. Nếu bé dùng hệ thống ngôn ngữ này thì có thể sử dụng những nguyên tắc sau để yêu cầu bao gồm những yêu cầu bé liên tục đòi mà không cần nhắc. Và cần thưởng ngay khi bé biết yêu cầu như ta dạy. Hãy tôn trọng bất cứ hình thức nào bé dùng để yêu cầu. Ví dụ, nếu bé mang cho bạn thẻ tranh để xin ngũ cốc, đừng nói “hãy nói ngũ cốc” (vì bé đã làm vậy rồi). **Lưu ý nếu sử dụng nguyên tắc quá vội vàng có thể khiến bé thôi không yêu cầu bằng hệ thống gia tăng ngôn ngữ riêng**.

1. Khi bé ra hiệu/ dùng một vật để yêu cầu đòi một thứ gì đó, hãy cho bé thứ đó nhưng chỉ ít thôi.
2. Khi bé đã có thứ đó rồi, hãy nói tên của thứ bé đang yêu cầu. Hãy thưởng ngay cho bé nếu bé cố gắng bắt chước bạn. Với hầu hết các bé, ta có thể làm việc này đến 3 lần nhưng nếu bé hay cáu hoặc khóc thì chỉ làm một lần, sau đó cho bé thứ đó kể cả khi bé không làm theo. Chúng ta muốn bé học một cách vui vẻ và thành công. Nếu bé yêu cầu những thứ bé nói không được, bạn có thể nói âm hoặc vần bắt đầu xem bé cố nói theo. Nếu bé nói theo, bạn có thể nhắc bé yêu cầu lại một lần nữa sử dụng hệ thống gia tăng ngôn ngữ riêng của bé.
3. Nói rõ ràng tên vật bạn cho bé.

**Nếu bé tự lặp âm được nhiều từ rõ ràng nhưng chịu bắt chước khi ta yêu cầu bé thì làm thế nào?**

1. Chuyển từ **Điền vào chỗ trống** sang **Yêu Cầu**: Nếu bé chịu điền vào chỗ trống, có lẽ đây là sẽ là ngữ cảnh để ta làm bé yêu cầu. Ví dụ nếu bạn nhắc đi nhắc lại câu “thổi bóng” khi đang thổi bóng, hãy thử nói “thổi…” và dừng lại để xem bé có nói tiếp “bóng” không. Nếu bé đã nói từ “bóng” thì nhiều khả năng bé sẽ nói lại lần nữa vì thế hãy nói: “Con muốn gì?” Thông thường thì bé sẽ nói “bóng” lần nữa. Nếu bé không nói, hãy tự trả lời câu hỏi của chính bạn và tiếp tục. Điều quan trọng là phải tránh hướng dẫn bé “Hãy nói……” cho đến khi bạn hướng dẫn được bé biết bắt chước nói theo vì chúng ta không thể cưỡng chế bé nói được. Làm như vậy thực chất là dạy bé xóa lệnh.

Ngưòi hưóng dẫn nói: “Thổi bóng”, “thổi….”

Bé nói: “Bóng”

Người hướng dẫn: “Con muốn gì?”

Bé nói: “Bóng”

1. Gia tăng cơ hội bé lặp âm: “Vờ không biết” Khi bé với một đồ vật, hãy nói tên của đồ vật đó với ngữ điệu hỏi. Ví dụ, nếu bé với quả bóng trên giá thì hãy nói “bóng?” Nếu bé không trả lời hãy để bóng về chỗ cũ. Nếu bé lại với bóng, hãy nhắc lại “bóng?” Làm vậy không quá 3 lần trước khi đưa bé bóng. Nếu bé có tiền xử hay nổi cáu trong ngữ cảnh này thì chỉ làm 1 lần. Bạn cũng có thể cho bé 2 lựa chọn. Nhớ chỉ nói tên của đồ vật để bé không lặp lại cả câu “Con có muốn….?”
2. Hướng dẫn bé nói theo. Dạy cho bé bắt chước những thứ khác mà bạn có thể nhắc bằng tay như làm vận động. Có thể vừa dạy vừa hát một bài hát hoặc chơi đồ chơi. Mục đích là để chịu bắt chước vận động với câu lệnh “Hãy làm việc này”. Ví dụ, bạn có thể đổ gạo vào bát cùng bé. Một khi bé bắt đầu đổ, hãy nói “Hãy làm điều này” trước khi bạn đổ gạo. Sau đó, khi bé đổ gạo giống bạn, hãy thưởng thật hậu hĩnh cho bé. Tiếp tục trình tự này với nhiều hành động khác nhau để chúng ta không vô tình dạy bé “Hãy làm điều này” nghĩa là “đổ gạo đi”. Vỗ tay, dậm chân, đập bàn là những hành động dễ dạy bé bắt chước vì bạn có thể dễ dàng nhắc bé bằng cách giúp bé một phần cơ thể. Một khi bé có thể bắt chước một vài hành động, bạn có thể chuyển việc bắt chước động tác sang bắt chước bằng lời nói.

GV: Làm thế này (vỗ tay)

HS: (hưởng ứng – vỗ tay)

GV: Làm thế này (gõ xuống bàn)

HS: (hưởng ứng – gõ xuống bàn)

GV: Làm thế này – Bóng

HS: Bóng

GV: Nói bóng

HS: Bóng

Nếu bé liên tục bắt chước GV để yêu cầu vật bé muốn nhưng không chịu hồi đáp khi GV hỏi “Con muốn gì?

1. Chuyển từ lặp âm sang yêu cầu:

GV: “Con muốn gì? Quả bóng”

HS: “quả bóng”

GV: “Con muốn gì?”

HS: “quả bóng”

Nếu bé lặp lại cả câu “Con muốn gì?”, hãy thử một trong các cách sau:

• Nói phần câu hỏi khẽ hơn tên vật.

• Hơi ngắt nghỉ giữa câu hỏi và câu trả lời.

• Nói âm đầu tiên bé muốn.

GV: “Con muốn gì? B..”

HS: “Bóng”

**Nếu bé hưởng ứng khi GV hỏi “Con muốn gì?” nhưng không chịu hồi đáp nếu GV cho bé hai lựa chọn?**

Mục đích của chúng ta là dạy bé biết cho người khác biết bé muốn gì trong các bối cảnh khác nhau. Nếu hàng ngày bé được mọi người cho quyền lựa chọn (VD ở nhà trẻ, trường học v.v...) cần dạy bé biết trả lời khi mọi người cho bé lựa chọn dưới các hình thức khác nhau.

1. Chuyển sang câu hỏi mới (kích thích khu biệt mới):

GV: (Giơ bóng và bánh) Con muốn gì?

HS: “Bóng”

GV: “Con muốn bánh hay bóng?”

HS: “bóng”

Có bé khi được hỏi như vậy luôn chọn vật nói sau. Nếu vậy, hãy tập với một vật bé rất thích và một vật bé không thích, nói tên vật bé thích trước và nói to hơn khi nhắc đến vật bé thích. Bạn cũng có thể nhắc bé bằng cách nói âm đầu tiên của vật bé thích sau khi hỏi.

2. Bắt đầu bằng từ đơn:

GV: (*giơ bóng và bánh*) “Bánh? Bóng?”

HS: “Bóng”

GV: “Con muốn bóng hay bánh?”

HS: “Bóng”

3. Nhắc bằng lặp âm:

GV: (Giơ bóng và bánh, quan sát bé với lấy bánh)

“Con muốn bóng hay bánh? Bánh.“

HS: “Bánh”

GV: “Con muốn bánh hay bóng?”

HS: “Bánh”

**Nếu bé chỉ yêu cầu khi được hỏi, “Con muốn gì?”**

Có khi ta vô tình dạy cho bé là bé chỉ có thể yêu cầu vật khi có người hỏi bé trước. Như đã nói ở trên, một “yêu cầu thuần túy” xuất phat hoàn toàn từ ham muốn một vật vì thế ta muốn bé biết yêu cầu vật khi không ai hỏi bé “Con muốn gì?”

GV: “Con muốn gì?” (hoặc lựa chọn)

HS: “Bánh”

GV: <cho bé một mẩu bánh nhỏ và nhìn bé đợi >

HS: “Bánh”

GV: <cho bé miếng bánh to hơn >

Hoặc, nếu bé không nếu gì, hãy thử nhắc bé với âm đầu (nhắc bằng âm).

**Nếu bé đưa thẻ tranh để cho ta biết bé muốn gì và ta muốn dạy bé nói khi bé không có thẻ tranh?**

Nếu bé đã có ngôn ngữ, chúng ta cần dạy bé yêu cầu vật không dùng tranh để bé vẫn có thể yêu cầu khi không có tranh.

HS: (cầm tranh vẽ bành đưa cho GV) “Bánh”

GV: <cho bé một mẩu bé>

GV: (giấu tranh sau lưng) “Con muốn gì?”

HS: “bánh”

Nếu bé không phản hồi, GV có thể nhắc bé với âm đầu, cả từ, hoặc tráo nhanh thẻ tranh để bé có thể nhìn thấy.

**Nếu bé chỉ biết yêu cầu vật bé nhìn thấy?**

GV: (*bánh để trước mặt*) “Con muốn gì?”

HS: “bánh” (bé được mẩu bánh nhỏ)

GV: (giấu bánh sau bàn)”Con muốn gì?”

HS: “bánh” (bé được miếng bánh to hơn)

Để bé thấy bạn mang vật đó để vào nơi bạn hay cất, nơi khó thấy và tiếp tục thử như vậy.

**Nếu bé được dạy “Con muốn” khi bé muốn nói cho bạn biết bé muốn gì?**

Một số người dạy bé làm điều này ngay từ đầu chương trình. Cần cân nhắc cụm từ này có mang lại thêm giá trị nào không so với mức độ khó bé gặp phải khi dùng cụm từ này để yêu cầu. Nếu riêng việc nói đã là tương đối khó với bé, thì cụm từ này có thể gây khó chịu cho bé. Một vấn đề nữa hay gặp phải khi dạy bé cụm từ đi kèm quá sớm là bé có thể sử dụng chúng không phù hợp cho mọi yêu cầu. VD, bé có thể yêu cầu là, “Con muốn đi”, hoặc “Con muốn ngủ”.

Với hầu hết các bé, tốt nhất ta nên bắt đầu dạy bé yêu cầu chỉ với một từ. Cách dạy này cho bé biết từ cụ thể nào giúp bé có được cái bé muốn và cũng làm cho việc chuyển sang dạy bé chức năng khác của lời nói dễ dàng hơn. VD, nếu ta dạy bé yêu cầu đi giày, khi ta dạy bé gọi tên giày, bé có thể gọi đó là đi giày. Trong hầu hết trường hợp, cách tốt nhất là đợi khi bé đã yêu cầu được nhiều vật và hành động rồi hãy thêm các cụm từ đi kèm. Khi đã dạy bé cụm từ đi kèm rồi, cần dạy bé đa dạng nhiều loại chứ không nên hạn chế vào một loại. Một số cụm từ ta có thể dạy bé là, “lấy cái \_\_\_\_”, “Đua cô\_\_\_\_”, “hãy chơi\_\_\_\_đi” và nhiều cụm từ khác nữa. Ta có thể dễ dàng dạy bé những mẫu này bằng cách nhắc lặp âm khi bé đã biết yêu cầu nhiều, nhưng bé nên được dạy với những yêu cầu bé muốn nhất (tức là những gì bé yêu cầu thường xuyên mà không cần nhắc).

HS: “bánh”

GV: “hãy nói, cho con bánh.”

HS: “Cho con bánh.”

GV: “Cô cho con cái gì nhỉ?”

HS: “Cho con cái bánh.” (*bé được một miếng bánh*)

GV: “Hãy nói, Con muốn bánh.”

HS: “Con muốn bánh.” (*bé được một miếng bánh*)

GV: “Con muốn gì?”

HS: “Con muốn bánh.” (*bé được một miếng bánh*)

HOẶC

HS: “Bóng”

GV: “Hãy nói, “Chơi bóng đi.”

HS: “Chơi bóng đi”

GV: “Con muốn chơi gì?”

HS: “Chơi bóng đi”

**Nếu bé biết yêu cầu vật nhưng không biết yêu cầu hành động?** Ta có thể dạy bé yêu cầu hành động từ những hoạt động bé thích. VD, nếu bé yêu cầu “xích đu”, ta có thể dùng kỹ thuật điền vào chỗ trống hoặc nhắc âm để dạy bé yêu cầu đẩy.

HS: “Xích đu”

GV: (*cho bé lên xích đu và nói khi sắp đẩy*) “Chuẩn bị đẩy, chuẩn bị đẩy,

Chuẩn bị \_\_\_ “

HS: “đẩy”

GV: “Cô phải làm gì nhỉ?”

HS: “đẩy”

HOẶC

HS: “Xích đu”

GV: (*cho bé lên xích đu và nói khi sắp đẩy*) “Hãy nói đẩy”

HS: “đẩy”

GV: “Cô phải làm gì nhỉ?”

HS: “đẩy”

**Nếu bé chỉ thích hạn hữu một số thứ vì thế bé rất ít yêu cầu?**

Tiếp tục khám phá những hoạt động bé thích từ cách bé hồi đáp với các âm thanh, hình ảnh, xúc giác, mùi vị khác nhau. Ta có thể tăng số lần bé yêu cầu lên dần dần bằng cách tăng số yêu cầu bé phải có để có được thứ bé muốn. VD, nếu bé muốn tắm, thì nhu cầu cởi quần áo có thể tương đối cào vào lúc này. Nhớ đừng thêm yêu cầu quá nhanh hoặc quá nhiều kẻo bé sẽ không còn muốn vật hay trò đó nữa. (Triệt tiêu Động cơ thiết lập) hoặc, nếu bé thực sự thích thổi bóng bằng kẹo cao su, nhu cầu mở hộp kẹo, bỏ que kẹo, và thổi có thể rất cao!

**13. DẠY BÉ CÓ NGÔN NGỮ BIẾT YÊU CẦU**

Tác nhân củng cố hành vi: là điều xảy ra sau khi một hành vi xảy ra và làm gia tăng khả năng hành vi giống vậy sẽ tiếp diễn trong tương lai

Thưởng tích cực: cho hoặc cung cấp thứ bé muốn và làm tăng khả năng hành vi đó sẽ tái diễn

Thưởng tiêu cực: lấy đi thứ bé không thích và làm tăng khả năng hành vi đó sẽ tái diễn

Động cơ thiết lập (EO): Nhất thời làm gia tăng (hoặc giảm) giá trị của vật củng cố và làm tăng (hoặc giảm) hành vi đã được củng cố trước đó

Yêu cầu: Hành vi ngôn ngữ chịu sự chi phối của động cơ thiết lập (EO). Bé giao tiếp vì bé muốn thứ gì đó

Nhắc: Một phần trong quá trình dạy giúp bé làm được những bài tập ta muốn.

Khi b¹n ®· x¸c ®Þnh ®­îc nhiÒu thø trÎ quan t©m hoÆc thÝch thó (cã thÓ sử dụng làm vật củng cố) vµ gắn kết b¹n với động lực khuyÕn khÝch hµnh vi cña bé, h·y d¹y trÎ c¸ch yªu cÇu nh÷ng thø mµ trÎ thÝch. Có thể dạy bé yêu cầu thøc ¨n, ®å ch¬i, ho¹t ®éng, trß ch¬i hoÆc c¸c vËt mµ trÎ thÝch.

Yêu cầu là một nội dung quan trọng cần dạy bé. Yªu cÇu dạy cho trÎ biÕt søc m¹nh cña giao tiÕp. Nó cho bé phần nào khả năng chi phối thế giới của bé và có thể thay thế hành vi tiêu cực cã thÓ x¶y ra. H¬n n÷a, mét khi trÎ cã thÓ yªu cÇu, chóng ta cã thÓ dïng kü n¨ng nµy ®Ó d¹y trÎ nhiÒu chøc n¨ng kh¸c cña ng«n ng÷. §èi víi nhiÒu trÎ Tù kû, yªu cÇu cã thÓ lµ viÖc vô cùng khã kh¨n Chóng cã thÓ nãi c¸c tõ, nh­ng l¹i kh«ng sö dông ®­îc c¸c tõ ng÷ với các chøc n¨ng kh¸c nhau. Nh­ chóng ta ®ã biÕt, bé cã thÓ nãi “qu¶ bãng” kh«ng cã nghÜa lµ trÎ biết yêu cầu qu¶ bãng khi muèn.

Cần cân nhắc hai ­u tiªn khi d¹y bé cã ng«n ng÷ biết yªu cÇu. Thø nhÊt, chóng ta ph¶i ch¾c ch¾n r»ng trÎ thùc sù muèn ®å vËt t¹i thêi ®iÓm ®ã (cã động cơ thiết lập với vËt ®ã). SÏ ph¶n t¸c dông nÕu cè d¹y trÎ yªu cÇu vËt bé kh«ng muèn! Cho bé mét Ýt thø g× ®ã vµ quan s¸t xem bé cã muốn n÷a kh«ng cho ®Õn khi trÎ chịu chơi với b¹n vµ ho¹t ®éng ®ã tạo được động cơ thiết lập cho bé. Thø hai, chóng ta ph¶i d¹y bé r»ng c¸c c¸ch mµ bé yêu cầu vËt tr­íc kia (nh­ khãc, la hÐt, nhại lời) sÏ kh«ng cßn t¸c dông n÷a! Chóng ta lµm viÖc nµy b»ng c¸ch kh«ng khuyÕn khÝch bé yêu cầu theo “c¸ch cò” (xãa bá) vµ/ hoÆc b»ng c¸ch d¹y trÎ mét c¸ch kh¸c ®Ó yêu cầu c¸c ®å vËt.

Mét sè trÎ cã ng«n ng÷, nh­ng kh«ng ai cã thÓ hiÓu chóng ®ang nãi g×. Ng«n ng÷ cña chóng nghe gièng c©u nãi vµ cã thÓ hoµn toµn hay cã mét hoÆc hai tõ không cã nghÜa trong ®ã. §©y lµ mét giai ®o¹n ph¸t triÓn mµ hÇu hÕt c¸c bé ®Òu tr¶i qua vµ ®«i khi chúng ®­îc gäi lµ “biệt ngữ”. Những biệt ngữ này ®«i khi bÞ mäi ng­êi bỏ qua vì kh«ng hiÓu trÎ muốn nãi g×.

Có bé cã thÓ nãi các tõ rõ ràng chuẩn xác, nh­ng chØ khi nói theo ng­êi kh¸c. Bé cã thÓ bột phát nh¾c l¹i nh÷ng g× chóng nghe thấy, ngay sau khi nghe thÊy nh­ng kh«ng biÕt yêu cầu c¸i bé cÇn. VÝ dô, khi cã ai hái, “Ch¸u muèn g×?” bé sẽ nãi, “Ch¸u muèn g×?” đáp lại. HiÖn t­îng nµy thường được gọi là tật nhại âm tøc th×. Hồi đáp kiểu này thường không có ý nghĩa với bé trõ khi chóng đã ®­îc củng cố. §iÒu nµy x¶y ra nếu bé ®­îc c¸i mµ bé muèn ngay sau khi nhại âm. VÝ dô, hãy xem sù t­¬ng t¸c gi÷a ng­êi mÑ vµ bé trong t×nh huèng sau: §øa trÎ víi lấy cèc n­íc qu¶. MÑ nãi: “Con cã muèn uèng n­íc qu¶ kh«ng?” vµ bé lÆp l¹i: “Con cã muèn uèng n­íc qu¶ kh«ng?” MÑ liền ®­a cho bé cèc n­íc qu¶. Như vậy mẹ đã dạy bé nói “Con có uống nước quả không?” để yêu cầu. §«i khi, bé b¾t ch­íc một cách vô thức nh­ng l¹i kh«ng b¾t ch­íc khi b¹n yªu cÇu bé. VÝ dô, nÕu gi¸o viªn nãi: “H·y nãi n­íc qu¶” th× bé l¹i kh«ng nãi g× c¶. HiÖn t­îng nµy ®«i khi ®­îc coi lµ b¾t ch­íc kh«ng theo yêu cầu.

Có bé cã kh¶ n¨ng sö dông c¸c cụm từ bé nghe ®­îc trong mét t×nh huèng ®Ó dïng cho mét t×nh huèng kh¸c. VÝ dô, bé cã thÓ lÆp l¹i c¸c tõ chóng nghe ®­îc trong mét cuèn phim vµo mét t×nh huèng kh¸c nh­ng cã liªn quan. §«i khi nh÷ng tõ ng÷ nµy ®­îc nãi theo kiÓu”c¾t chỗ này vµ d¸n vào chỗ khác”. Nãi mét c¸ch kh¸c, bé sö dông nh÷ng tõ đó với mét chøc n¨ng/ t×nh huèng t­¬ng tù với chức năng ban ®Çu bé biết về từ đó. VÝ dô, có bé nãi “Anh ta lµ mét con s­ tö rÊt ®ãi” khi bé muèn ¨n cái gì đó. Cã thÓ bé nãi như vậy v× khi bé xem bé phim yªu thÝch hoÆc nghe mét c©u chuyÖn yªu thÝch, mét trong c¸c nh©n vËt nãi c©u nµy vµ råi cã ®­îc c¸i g× ®ã ®Ó ¨n. §«i khi tật này ®­îc xem là “tật nhại lời không tức thì”. §«i khi lối phát ngôn trë nªn vô cùng đắc dụng nếu cha mÑ bé còng ®· xem phim nµy vµ cã thÓ “dÞch” ®­îc ®iÒu bé nãi. Với lối khuyến khích này, bé sẽ gia tăng cách phát ngôn này. VÝ dô, v× cha mÑ còng ®· xem cuèn phim nµy, nªn khi bé nãi: “Anh ta lµ mét con s­ tö rÊt ®ãi”, cha mÑ dÞch ®­îc c©u ®ã nghÜa lµ bé ®ãi vµ cÇn cho bé ¨n. §iÒu nµy khuyÕn khÝch viÖc sö dông c©u nãi ®ã thay cho yªu cÇu thøc ¨n. Khã kh¨n x¶y ra khi bé ra khái m«i tr­êng gia ®×nh. Nh÷ng ng­êi kh¸c kh«ng thÓ hiÓu bé muèn nãi g× vµ v× vËy kh«ng khuyến khÝch bé yªu cÇu theo lối nµy. §iÒu nµy cã thÕ lµm bé c¸u giËn ăn vạ v× bé sÏ kh«ng thÓ làm cho mọi người hiểu bé muốn gì.

**C¸c l­u ý quan träng khi d¹y trÎ cã ng«n ng÷ c¸ch yêu cầu**

1. KÓ c¶ khi trÎ cã thÓ nãi/ dïng nh÷ng c©u dµi, h·y b¾t ®Çu b»ng c¸ch d¹y c¸c tõ ®¬n. §iÒu nµy ®¶m b¶o r»ng bé biÕt tõ nµo sÏ giúp bé có được cái bé muèn vµ sÏ h÷u Ých khi chóng ta muốn chuyÓn tiếp sang dạy bé khía cạnh kh¸c của ngôn ngữ về sau. Tèt nhÊt lµ nªn ®îi vµ kh«ng d¹y nh÷ng cụm từ đi kèm kiÓu nh­ ”ch¸u muèn” hoÆc “cho ch¸u” v.v. cho ®Õn khi trÎ ®· cã kü n¨ng b¾t ch­íc tèt vµ b¹n ®· chuyÓn tiếp ®­îc nhiÒu hồi đáp của bé thµnh gäi tªn sù vËt.
2. §¶m b¶o d¹y tÊt c¶ c¸c ®iÒu kiÖn (bèi c¶nh) để đưa ra yªu cÇu. Mét “®ßi hái ®Ých thùc” thường bị chi phối hoµn toµn bởi động lực thiết lập, cã nghÜa lµ kh«ng phải do ai đã nãi g× tr­íc víi bé. Cần d¹y bé “yêu cầu thuần túy”, nh­ng còng cần d¹y trÎ hồi ®¸p trong nh÷ng bối cảnh kh¸c nh­ khi được hái bé muèn g×, muèn c¸i nµo, cả khi thø ®ã hiện hữu và không hiện hữu. Phải ch¾c ch¾n r»ng bé cã thÓ ph©n biÖt c¸c bối cảnh kh¸c nhau tr­íc khi d¹y bé.
3. Khi d¹y bé yªu cÇu, cần d¹y bé chÝnh x¸c tªn cña c¸c vËt tr­íc khi d¹y mµu s¾c vµ c¸c tÝnh chÊt kh¸c. VÝ dô, nÕu bé thÝch t« mµu, bé cần biết yêu cầu “bót s¸p” hoÆc “bót d¹” tr­íc khi d¹y bé chọn mµu. NÕu kh«ng, c¸c tõ về mµu s¾c cã thÓ “thay thÕ” tªn cña c¸c lo¹i bót vÏ khi trÎ ®ßi vÏ.
4. C¸c tõ nh­ ”n÷a” vµ “lµm ¬n” nªn ®­îc coi nh­ tính tõ bổ trî vµ chØ nªn d¹y khi trÎ ®· cã thÓ ®ßi c¸c thø b»ng c¸ch sö dông ®óng “tªn” cña sù vËt. H·y suy xÐt cÈn thËn tr­íc khi thªm sím c¸c lo¹i tõ nµy vµo bµi häc v× chóng sÏ lµm t¨ng ®é dµi vµ khã cña c¸c c©u tr¶ lêi mµ kh«ng mang l¹i thªm “gi¸ trÞ” thiÕt thùc nµo.
5. Khi thªm c¸c tõ ng÷ mang tÝnh chuyÓn t¶i, ®¶m b¶o d¹y trÎ nhiÒu ph¹m vi ng÷ c¶nh kh¸c nhau cho cïng mét ho¹t ®éng hoÆc c¸c lo¹i ®iÒu kiÖn. D¹y trÎ c¸c c©u b¹n muèn trÎ dïng khi nãi víi c¸c trÎ kh¸c còng nh­ c©u b¹n muèn trÎ dïng khi nãi víi ng­êi lín. C©u “Ch¸u cã thÓ lÊy « t« ®­îc kh«ng?”, trÎ cã thÓ nãi víi gi¸o viªn vµ bè mÑ nh­ng l¹i kh«ng phï hîp l¾m khi nãi víi b¹n ch¬i ë s©n tr­êng.
6. §¶m b¶o r»ng trÎ kh«ng bao giê cã ®­îc thø g× khi cã c¸c hµnh ®éng tiªu cùc. B¹n cã thÓ thÊy sù t¨ng lªn (bïng lªn tr­íc khi xo¸ bá) cña c¸c hµnh vi tiªu cùc mµ trÎ quen dïng tr­íc ®©y ®Ó ®¹t ®­îc nh÷ng thø m×nh muèn trong giai ®o¹n d¹y trÎ ban ®Çu. §iÒu quan träng lµ kh«ng ®¸p l¹i nh÷ng hµnh vi tiªu cùc nµy. NÕu they c¸c hµnh vi tiªu cùc nµy vÉn cã t¸c dông, trÎ sÏ thÊy kh«ng cÇn ph¶i nãi.
7. Tr¸nh c¸c t×nh huèng cã sù c¸ch biÖt. Nãi c¸ch kh¸c, t×nh huèng kh«ng nªn lµ “ch¸u ph¶i nãi th× ch¸u míi cã ®­îc thø nµy”. Dïng bÊt kÓ c¸c chiÕn l­îc cÇn thiÕt nµo (ký hiÖu, h×nh ¶nh, dÊu) lµm trÎ cã thÓ tiÕp cËn ®­îc vËt nã ­a thÝch. ChØ cÇn nghe b¹n nãi tªn cña sù vËt vµ g¾n liÒn tªn ®ã víi sù khuyÕn khÝch hµnh vi cña bÐ sÏ lµm t¨ng kh¶ n¨ng tõ ng÷ ®ã sÏ ®­îc sö dông trong t­¬ng lai.
8. Khi thö d¹y trÎ gäi tªn (nhËn biÕt) danh tõ, ®éng tõ, giíi tõ, tÝnh tõ hoÆc phã tõ, th­êng sÏ dÔ h¬n nÕu b¾t ®Çu b»ng c¸c yªu cÇu (®ßi hái) råi chuyÓn sang c¸ch gäi tªn (nhËn biÕt). VÝ dô, nÕu b¹n muèn d¹y trÎ nhËn biÕt “tèi”, cã thÓ sÏ dÔ h¬n nÕu tr­íc hÕt t×m mét ®iÒu kiÖn mµ trÎ sÏ they thÝch tèi (ch¬i víi ®Ìn pin?), d¹y trÎ c¸ch gäi “tèi”, råi chuyÓn ph¶n øng ®ã thµnh nhËn biÕt (gäi tªn) lµ tèi.
9. “Xãa” c¸c lçi ph¸t ©m sai nhÑ còng cã thÓ lµm ®­îc trong khi d¹y trÎ yªu cÇu. Khi trÎ lÇn ®Çu häc mét tõ nµo ®ã, b¹n cã thÓ chÊp nhËn nh÷ng tõ nghe hiÓu ®­îc t­¬ng ®èi. Sauk hi trÎ cã thÓ yªu cÇu sù vËt mµ kh«ng cÇn nh¾c, cho trÎ nh¾c l¹i tõ ®ã theo b¹n mét vµi lÇn tr­íc khi cho trÎ thø trÎ muèn ®Ó trau dåi ph¸t ©m tõ ®ã cña trÎ. Cho trÎ thø ®ã (khuyÕn khÝch) sau khi trÎ ph¸t ©m ®­îc chuÈn nhÊt. C¸c trÎ th× kh¸c nhau nªn b¹n tù ®¸nh gi¸ sÏ cÇn b¶o trÎ nh¾c l¹i bao nhiªu lÇn, dùa vµo qu¸ tr×nh häc tr­íc ®©y cña trÎ. §iÒu quan träng lµ ®õng b¾t trÎ nh¾c l¹i tõ ®ã qu¸ nhiÒu lÇn lµm trÎ mÊt høng thó vµo sù vËt ®ã vµ høng thó nãi nãi chung.
10. **DẠY BÉ GỌI TÊN SỰ VẬT VÀ TRANH**

Khi bé đã biết yêu cầu nhiều vật, giáo viên có thể bắt đầu *đan xen những nội dung mới vào nội dung* ***nêu yêu cầu***. Số nội dung bài tập mới này nên tăng dần dần và giáo viên nên nhắc bé hoàn toàn trong những lần đầu để bé luôn cảm thấy mình học được. Nhắc hoàn toàn có nghĩa là giáo viên nên giúp bé trả lời đúng bằng mọi hình thức có thể. Ví dụ, nếu dạy bé bắt chước động tác hoặc làm theo mệnh lệnh, nên giúp bé toàn phần để thực hiện một hành động hay kích thích bé bắt chước được. Sau đó xóa dần phần nhắc toàn phần cho đến khi bé có thể tự làm được động tác đó hoặc làm theo mệnh lệnh mà không cần nhắc. Đan xen dần các nội dung khác nhau giữa những lần bé thực hiện có nhắc và không nhắc. ***Những kỹ năng dễ phù hợp nhất để đan xen vào phần nêu yêu cầu là bắt chước động tác, ghép các vật có điểm chung, những bài tập làm theo mệnh lệnh, và nhận biết phân biệt sự vật***.

Đối với bé mới học (hay bé đang học cách giao tiếp), hầu hết các mệnh lệnh nên liên quan đến các hoạt động bé thích. Ví dụ, nội dung bắt chước động tác nên dạy khi hát và chơi ngón tay hoặc chơi đồ chơi. Nội dung phân biệt nhận biết sự vật nên thực hiện khi dọn đồ chơi cuối giờ hoặc phân biệt tranh có thể dạy khi đang đọc sách. Những mệnh lệnh đơn giản như ‘sờ’, ‘đưa cô’ có thể dạy bằng cách dạy bé sờ hoặc đưa *vật bé thích*. Như đã nói đến ở phần trước, dạy bé cho *vật bé thích* là một phần quan trọng trong nội dung dạy bé biết yêu cầu và cần thiết để *vật bé thích* trở nên hữu ích trong quá trình dạy.

Một dạng giao tiếp chức năng (ngôn ngữ ứng xử) nữa mà chúng ta muốn dạy bé là *gọi tên/thuật lại* sự vật bé thường tiếp xúc hàng ngày. Khi yêu cầu, bé có quyền lợi thực vì bé được cái bé yêu cầu, nhưng khi *gọi tên*, bé sẽ không nhận được kích thích tương tự. Nói cách khác, bé *gọi tên* vật không phải vì bé cần vật đó mà bởi vì giáo viên hỏi bé tên gọi của vật hoặc chỉ vì bé đã tiếp xúc với vật và hành vi *gọi tên/thuật lại* này đã được khuyến khích.

Hành động gọi tên/thuật lại đơn thuần được coi là sử dụng ngôn ngữ để gọi tên hoặc mô tả vật nào đó bé thường tiếp xúc. Ví dụ khi bé nói “Đây là mẹ con” khi bé nhìn vào ảnh mẹ bé, là bé đã *gọi tên/thuật lại*. Trong đời thường, ít khi trẻ chỉ *gọi tên/thuật lại* đơn thuần. ***Người ta ít khi chỉ gọi tên/thuật lại đơn thuần khi họ tiếp xúc với chúng. Mà chỉ khi họ muốn mọi người quanh chú ý đến vật hoặc họ***. Ví dụ bé hai tuổi đang xem sách cùng mẹ và nói “con ngựa” đồng thời chỉ vào con ngựa và nhìn lên mẹ bé. Hành vi ngôn ngữ này thực hiện hai chức năng: *gọi tên/thuật lại* và thu hút sự chú ý. Trong thực tế, bé nào mà vào phòng và tự phát *gọi tên* vật bé thấy thì quả là kỳ cục. Đáng tiếc là đôi khi ta vô tình dạy bé tự kỷ *gọi tên/thuật lại* tự phát tách biệt với nội dung kêu gọi sự chú ý.

Những trẻ phát triển bình thường bắt đầu *gọi tên/thuật lại* sự vật quanh bé rất sớm trong quá trình học ngôn ngữ. Bé rất ít khi làm việc này nếu bé chỉ có một mình trong phòng hoặc chỉ vì bé nhìn thấy vật mà vì bé muốn bố mẹ hoặc người trông bé chú ý đến vật đó. Đây là một điều quan trọng chúng ta nên lưu ý. ***Nếu chúng ta muốn bé tự gọi tên/thuật lại sự vật bé tiếp xúc, chúng ta phải có mặt và chú ý đến bé.***

Để bé có thể học thêm những sự vật hay hành động mà bé không thích, quan trọng là bé phải có khả năng gọi tên/thuật lại khi yêu cầu. Những nội dung *gọi tên/thuật lại* đầu tiên nên chuyển tiếp từ nội dung *nêu yêu cầu.* Tác giả của phương pháp này khuyên nên đợi khi bé đã có thể yêu cầu được nhiều vật và tự phát gọi tên/thuật lại các vật xung quanh bé rồi mới đưa ra những vật mà bé chưa yêu cầu (vì không có ngoại cảnh kích thích bé). Lý do là hành vi tự phát gọi tên/thuật lại này cho thấy “hội thoại” đã được gắn chặt với vật bé thích đến mức bản thân hội thoại đã là việc bé thích. Hơn thế, nó cũng cho thấy là người dạy bé đã gắn chặt với vật bé yêu thích đến mức sự chú ý của người dạy bé cũng là điều khích lệ bé.

Trong thời gian đầu, chúng ta muốn bé biết gọi tên khi bé nghe các dạng câu hỏi khác nhau như “Cái này là gì?, Cái kia là gì, Con gọi cái này là gì?” và biết gọi tên vật khi giáo viên chỉ vào vật mà không cần hỏi. Sau cùng, như đã nói ở trên, chúng ta muốn bé có thể gọi tên sự vật để thu hút sự chú ý của chúng ta đến sự vật đó. Khi chúng ta dạy bé gọi tên/thuật lại sự vật, phải lưu ý cách để bé sẽ biết hồi đáp linh hoạt chứ không chỉ khi bé được hỏi “Kia là cái gì?” Để làm đựợc điều này, chúng ta có thể dùng kỹ thuật chuyển tiếp. Một khi bé đã biết trả lời câu “Kia là cái gì?”, chúng ta sẽ tiếp tục hỏi các câu hỏi khác:

VD:

GV: Kia là cái gì?

HS: Con bò

GV: Con đó gọi là con gì?

HS: Con bò

Cách dạy chức năng ngôn ngữ (hành vi ngôn ngữ) cho bé có ngôn ngữ và bé dùng dấu đều giống nhau.

Có 4 cách cơ bản để dạy bé gọi tên/thuật lại. Cách thứ nhất chuyển tiếp từ nội dung nêu yêu cầu của bé để sang nội dung gọi tên/thuật lại. Những yêu cầu của bé nêu ra khi học phần này phải là những thứ bé rất muốn. Nói cách khác, bé phải luôn luôn yêu cầu vật đó mà không cần nhắc trong mọi bối cảnh. Nếu chuyển quá sớm, trước khi bé thạo nội dung nêu yêu cầu, bé sẽ dễ bị lẫn hai câu trả lời với nhau. VD, bé có thể tưởng là GV muốn bé nói tên vật mà bé muốn, dậm chân, đứng dậy và nói tên vật lần nữa thì bé sẽ được vật bé muốn.

1. **Nếu bé có thể yêu cầu nhiều vật nhưng lại không trả lời khi GV hỏi “Cái gì đây?” thì làm thế nào?**

Kỹ thuật chuyển tiếp từ Yêu cầu sang Gọi tên/thuật lại – Tên của kỹ thuật này cũng dễ gây hiểu lầm vì thực tế khi chúng ta đã yêu cầu bé gọi tên/thuật lại vật trước. Trong thời gian mới học, bé chỉ yêu cầu vật khi đáp lại một cầu hỏi mới. Tuy nhiên khi chúng ta đan xen dần dần giữa nội dung gọi tên/thuật lại và nội dung yêu cầu bé đã biết gọi tên vật khi được hỏi. Trong thời gian mới tập phần này, bé sẽ có thể trả lời bằng cách nói/ra dấu vật bé thấy vì trước đó hành vi này của bé đã được khích lệ vì bé được cho vật đó. Nhớ phải dùng những bài tập bé đã thạo khi đan xen giữa nội dung gọi tên/thuật lại và yêu cầu. Mỗi lần chúng ta chỉ có thể dạy một kỹ năng mới thôi.

|  |  |
| --- | --- |
| GV (Giơ vật bé thích) hỏi “Cái gì đây?”  HS: Quả bóng | Nội dung mới - Gọi tên/thuật lại |
| GV: Con muốn gì?  HS: Quả bóng (cho bé cầm bóng chơi trong ít phút) | Nội dung cũ - Nêu yêu cầu |
| GV: Đưa cô quả bóng  HS (đưa GV quả bóng) bé đã được dạy cho vật bé thích | Nội dung cũ |
| GV: Cái gì đây?  HS: Quả bóng | Nội dung mới – Gọi tên/thuật lại |
| GV: Làm giống cô (dùng búa đập bóng)  HS: Đập bóng (bé đã thạo nội dung bắt chước động tác) | Nội dung cũ |
| GV: Đưa cô cái búa  HS (đưa búa cho GV) (một hồi đáp bé đã làm thạo) | Nội dung cũ |
| GV: Con muốn gì?  HS: Quả bóng | Nội dung mới – Gọi tên/thuật lại |

Với một số bé, nội dung này có thể làm bằng cách gọi tên/thuật lại rồi nêu yêu cầu.

VD: ngay sau khi yêu cầu và được quả bóng, GV có thể hỏi bé “Cái gì đây?” Bé có thể gọi đúng tên quả bóng, nhất là khi GV lấy tay chặn quả bóng. Tuy nhiên với bé không muốn quả bóng, chúng sẽ không hồi đáp. Khi đó GV bó tay vì chúng ta không thể bắt bé nói được.

Nếu GV không thể chủ động phần sai khiến bé lặp âm, bé sẽ không chịu hồi đáp trong hoàn cảnh như vậy, GV sẽ phải tự trả lời câu hỏi và chuyển qua nội dung khác. Với bé hồi đáp tốt với kỹ thuật điền vào chỗ trống, câu hỏi đáp dạng này có thể biến thành nội dung “điền vào chỗ trống”.

GV: Cái gì đây?

HS: Không trả lời sau 2 giây

GV: Bóng. Cái gì đây (nhắc âm ‘b’)

HS: Bóng

Nên lưu ý là chúng ta muốn tránh dạy bé không hồi đáp câu hỏi vì thế khi bé không hồi đáp, cần phải sử dụng kỹ thuật chuyển tiếp khác.

Cách thứ hai là sử dụng những nội dung nêu yêu cầu bé đã thành thạo. Cần có hai vật bé thích. Đánh giá xem bé thích thứ nào hơn và dùng vật đó để khích lệ. Dùng vật còn lại để dạy nội dung gọi tên/thuật lại.

(GV có kẹo và sách, GV biết rằng bé sẽ muốn xem sách nhưng sẽ lấy kẹo nếu GV đưa ra)

GV (Giơ kẹo) Cái gì đây?

HS: Kẹo

GV Giỏi – Con muốn gì?

(Giơ quyển sách)

HS: Quyển sách

Nếu bé có thể chỉ tranh nhưng không hồi đáp khi GV hỏi “Cái gì đây?” thì sao?

Kỹ thuật chuyển tiếp từ Nhận biết sang Gọi tên/thuật lại – Chúng ta có thể dễ dàng nhắc trong nội dung nhận biết tranh hay vật bằng cách cầm tay bé chạm vào vật ta muốn (nhắc bằng động tác) hoặc bằng cách làm mẫu hồi đáp chuẩn (nhắc bằng mô phỏng). Nhiều bé sẽ bột phát gọi tên vật khi chúng chỉ vào vật. Trong trường hợp đó, có thể dễ dàng chuyển tiếp sang nội dung gọi tên/thuật lại vì bé có khuynh hướng nhắc lại hồi đáp bé vừa làm.

GV: Sờ ôtô

HS: Ôtô (đồng thời chỉ vào ôtô)

GV: Cái gì đây?

HS: Ôtô

Nều bé không hồi đáp trong trường hợp này, GV có thể nhắc âm đầu (nhắc bằng âm). Nếu bé vẫn không hồi đáp, nhắc bé câu trả lời đầy đủ sau 2-3 giây.

1. Nếu bé có thể nói theo khi GV nói : con nói\_\_\_ đi, nhưng không hồi đáp khi GV hỏi “Cái gì đây?” thì sao?

Kỹ thuật chuyển tiếp từ lặp âm sang gọi tên/thuật lại – Bé phải thạo một dạng hồi đáp rồi mới chuyển tiếp sang một bối cảnh mới.

GV: Nói Ôtô

HS: Ôtô

GV: Cái gì đây?

HS: Ôtô

1. Nếu bé có thể điền từ vào chỗ trống thường ngày, nhưng khi GV hỏi “Cái gì đây ?” thì không hồi đáp thì sao?

Kỹ thuật chuyển từ Điền chỗ trống sang Gọi tên/thuật lại – Nếu bé đã hồi đáp với kỹ thuật điền vào chỗ trống rồi, thì hồi đáp này có thể chuyển tiếp sang gọi tên/thuật lại. Dạng điền vào chỗ trống không yêu cầu bé phải hồi đáp nên sẽ dễ sử dụng hơn và giúp chúng ta tránh được tình trạng hỏi quá nhiều khi mới dạy. Khi bé đã thạo điền tên của vật, chuyển sang nội dung gọi tên/thuật lại.

GV: Mình rửa tay ở\_\_\_\_

HS: Bồn rửa

GV: Cái gì đây?

HS: Bồn rửa.

1. **KỸ THUẬT CHUYỂN SANG NỘI DUNG MỚI**

Mục tiêu là dạy sao để bé luôn làm được các bài tập. Một cách là nhắc toàn phần và xóa dần phần nhắc. Cách nữa là dùng kỹ thuật chuyển tiếp.

Hãy hình dung chuyển tiếp như là từ một hồi đáp bé đã làm được trong một bối cảnh, dạy bé hồi đáp tương tự trong tình huống khác. Mỗi khi bạn muốn dạy bé một kỹ năng, hãy nghĩ trong tình huống nào thì bé sẽ cho hồi đáp tương tự như vậy và dùng hồi đáp đó để bắt đầu. Bé sẽ dễ nhắc lại một hành vi hoặc nói cùng một từ nếu vừa làm như vậy. Thêm dần các khoảng cách giữa các hồi đáp cho đến khi bé biết hồi đáp với một kích thích riêng biệt.

VD:

**1. Bé có thể bắt chước bạn vỗ tay và bạn muốn dạy bé hồi đáp với kích thích “vỗ tay”.**

GV: “Làm thế này” (*vỗ tay*)

HS: <vỗ tay>

GV: “Vỗ tay” (*vỗ tay*)

HS: <vỗ tay>

GV: “Vỗ tay”

HS: <Vỗ tay>

Hồi đáp vỗ tay bây giờ được kích hoạt bởi Kích thích riêng biệt SD “vỗ tay”.

**2. Bé có thể yêu cầu ôtô và bạn muốn dạy bé gọi tên “ôtô”.** Có nhiều cách chuyển.

a) Giơ cho bé thấy ôtô

GV: “Cái gì đây?”

HS: “Ôtô.”

GV: “Con muốn gì?”

HS: “Ôtô.”

Đến lúc này không còn là nội dung yêu cầu/gọi tên chung nữa. Thêm dần các nội dung khác giữa bài tập yêu cầu và bài tập goi tên ôtô nữa.

b) Lấy 2 vật bé rất thích yêu cầu. Định ra vật nào bé thích hơn và cho bé yêu cầu từng vật.

GV: “Cái gì đây?”

HS: <gọi tên vật kém thích hơn>

GV: “Con muốn gì?”

HS: <yêu cầu vật thích hơn>

c) Chuyển từ nhận biết/tiếp thu sang Gọi tên – Lấy tranh vật bé thường xuyên yêu cầu.

GV: “Sờ <tên vật>“

HS: <sờ <vật> >

GV: “Cái gì đây?”

HS: <nói tên <vật> >

(Thường thì ta nên nhắc bé toàn phần nội dung gọi tên cho đến khi bé tự biết gọi tên trong lúc nhận biết sự vật.)

d) Từ lặp âm chuyển sang gọi tên -

GV: “Nói ôtô”

HS: “Ôtô”

GV: “Cái gì đây?”

HS: “Ôtô”

**3. Bé biết gọi tên ôtô nhưng không biết gọi tên khi cho bé biết đặc tính, chủng loại hoặc chức năng.**

GV: “Cái gì đây?”

HS: “Ôtô”

GV: “Mẹ lái cái gì?”

HS: “Ôtô”

**4. Bé có thể thực hiện một số động tác theo lệnh đơn giản và bạn muốn dạy bé gọi tên hành động đó.**

GV: “Vỗ tay”

HS: <vỗ tay>

GV: “Con đang làm gì? Vỗ tay.” (nhắc bé toàn phần vì đây là nội dung mới)

HS: “Vỗ tay.”

GV: “Con đang làm gì?”

HS: “Vỗ tay.”

**5. Bé biết điền vào chỗ trống và bạn muốn dạy bé trả lời câu hỏi.**

GV: “Chúng ta ngủ ở\_\_ “

HS: “Giường.”

GV: “Chúng ta ngủ ở đâu?”

HS: “Giường.”

**6. Bé biết trả lời khi được hỏi “Chúng ta ngủ ở đâu?” nhưng chỉ khi có tranh giường và bạn muốn dạy bé biết hỏi đáp (khi không có tranh).**

GV: (*Cầm tranh giường*)”Chúng ta ngủ ở đâu?”

HS: “Giường.”

GV: (*cất tranh đi*) “Chúng ta ngủ ở đâu?”

HS: “Giường.”

1. **KỸ THUẬT SỬA VÀ NHẮC**

**Giới thiệu nội dung mới**

Khi giới thiệu một nội dung mới hoặc khi bạn nghĩ bé có thể chưa làm được một nội dung, GV có thể chọn hoặc là

*1. Chuyển tiếp từ một nội dung bé đã làm thạo*

GV Con gì biết bơi và nhỏ

HS Con cá

GV Con gì đây?

HS Con cá

*2. Cho bé câu hỏi đúng ngay sau khi đặt câu hỏi (nhắc sau 0 giây)*

GV Con gì đây? Cá

HS Cá

Trong cả hai cách thì bạn đều nhắc bé hồi đáp đúng.

*3. Với một số bé, đã từng hồi đáp với kiểu nhắc “tiền trắc nghiệm”, có thể áp dụng* *cách thứ ba là nhắc trước khi SD.*

GV Đây là con cá phải không? Con gì đây?

HS Cá

**Không hồi đáp hoặc Hồi đáp không đúng**

Nếu bé không hồi đáp sau 2-3 giây, hoặc trả lời sai, nhắc lại câu hỏi và nói câu hỏi đúng luôn (nhắc sau 0 giây), đợi bé nhái âm của bạn, sau đó hỏi lại câu hỏi đó và đợi bé hồi đáp không nhắc

GV Con gì đây

HS Moo

GV Con gì đây? Con bò

HS Con bò

GV Con gì đây?

HS Con bò

**Xóa nhắc**

Bước quan trọng tiếp theo là xóa dần nhắc để bé không bị lệ thuộc vào nhắc và hồi đáp của bé sẽ do nhân tố kích thích và the target verbal SD chi phối. Để làm việc này, ta sẽ hỏi lại câu hỏi để chờ bé trả lời không cần nhắc.

GV Con gì đây? Con cá

HS Con cá

GV Con gì đây?

HS Con cá

Tuy nhiên không phải lúc nào bé cũng có thể tự hồi đáp (không cần nhắc) ngay đựoc và trong trường hợp đó, lưu ý tránh không làm bé nản và bực. Mỗi bé có khả năng dung nạp khác nhau với dạng trắc nghiệm nhiều lần, nhưng nguyên tắc chung là nếu sau ba lần bé vẫn không tự trả lời được, chấp nhận chuyện nhắc bé và chuyển sang nội dung khác. Mỗi bé có phản ứng khác nhau với các lối nhắc và kỹ thuật chuyển tiếp vì thế cần lựa chọn cách nào tốt nhất cho từng bé. Tách dần hồi đáp có nhắc với hồi đáp không nhắc bằng những bài tập dễ, nghĩa là bạn biết bé sẽ hồi đáp đúng, sau đó quay lại nội dung bé chưa làm được. Tăng bài tập dễ lên dần dần trong khi vẫn dạy bé hồi đáp không cần nhắc.

GV Con gì biết bơi và nhỏ?

HS: Con cá

GV Con gì đây?

HS: Con cá

GV Con nhìn cái thuyền trên mặt nước kìa

HS <Nhìn>

GV Con gì đây <giơ con cá>

HS: Con cá

GV Giỏi – Con thông minh quá

Những kỹ thuật này đều nằm trong **kỹ thuật dạy không bắt lỗi.** Ý tưởng làchúng ta chủ động nhắc bé để bé không nói sai, nếu không bé sẽ tập đi tập lại câu trả lời sai. Lý do ta phải nhắc lại câu hỏi khi bé trả lời sai là để bé không vô tình xâu chuỗi hồi đáp đúng và sai với nhau. Hơn nữa, cách này liên kết câu hỏi và câu trả lời đúng lúc kịp thời.

Hãy xem nếu không làm cách này thì sao

GV Con gì đây

HS Moo

GV Không phải, con bò

HS Con bò

GV Giỏi

Trong trường hợp này, bé đã được luyện cả câu đùng và sai với số lần như nhau. Hơn nữa, có rất nhiều khoảng trống và lời thừa giữa câu hỏi “Con gì đây? và câu trả lời “Con bò”. Bé vẫn có thể chưa biết trả lời con bò khi thấy con bò và khi được hỏi Con gì đây trừ có tất cả các nhân tố kích thích phù hợp cùng lúc và đúng lúc kịp thời và bé được thưởng ngay khi trả lời đúng. Chúng ta muốn các nội dung khó được luyện tạp nhiều hơn nhưng đan xen với nhiều nội dung dễ để tăng số lần bé được thưởng. Với lối dạy không bắt lỗi, bé sẽ được tập hồi đáp đúng đan xen với các nội dung dễ. Khi bé hồi đáp đúng một nội dung bé đã từng làm sai hoặc trả lời sai khi không nhắc, hãy dùng một vật thưởng hấp dẫn hơn cho những nội dung dễ mà bé làm được (linh hoạt trong sử dụng vật bé thich).

1. **GIA TĂNG LỜI NÓI CỦA BÉ – DẠY BÉ NÓI**

Lưu ý: *Tác giả không sử dụng các ký hiệu ngữ âm để đặt tên cho các âm thanh bởi vì đối tượng độc giả chủ yếu là phụ huynh và chuyên gia trong các lĩnh vực khác. Do vậy tác giả đã cố gắng diễn tả từ và âm thanh bằng cách dùng các ký hiệu liên quan đến âm thanh thường được dậy thông qua ngữ âm. Người đọc có thể khó hiểu được ý tác giả muốn diễn đạt vì thế – rất xin lỗi độc giả vì lý do này.*

Nhiều bé tự kỷ không nói được. Tuy nhiên, tự kỷ không phải là nguyên nhân của khiếm khuyết này. Nếu đó là lý do thì chắc chẳng bé tự kỷ nào sẽ biết nói cả. Tự kỷ chỉ là tên gọi của một chứng bệnh được chẩn đoán dựa trên tập hợp các hành vi mà bé thể hiện, một trong số những biểu hiện đó là khó khăn trong giao tiếp. Mỗi bé gặp phải những khó khăn về giao tiếp khác nhau.

Không ai thực sự biết vì sao có bé tự kỷ nói được, có bé lại không. Temple Grandin kể lại, khi bà còn bé, bà nhớ lại những lời người lớn nói với bà nghe như “các âm líu ríu với nhau thành một mớ hỗn độn vô nghĩa". Đây có thể là một trường hợp bị rối loạn trung khu xử lý âm thanh. Một số bé gặp khó khăn khi phát ra lời nói cũng sẽ gặp khó khăn khi bắt chước một trình tự các động tác dùng tay hay các bộ phận cơ thể khác. Những bé này có thể mắc chứng Dyspraxia hoặc có khó khăn trong việc phối hợp các động tác vận động. Trường hợp các bé bị yếu trương lực ở cơ má và lưỡi. Những biểu hiện này có thể giống với biểu hiện của chứng dysarthria. Nhiều trẻ phát triển bình thường cũng có tật đánh đồng cách hoặc quy luật phát âm một số âm. VD trẻ ngắt tất cả các âm đầu hoặc bỏ tất cả các âm cuối. Tật phát âm này được gọi là Rối loạn quá trình xử lý âm vị học và cũng có thể thấy ở các bé tự kỷ. Tên gọi của chứng này có thể miêu tả những triệu chứng cũng gặp ở bé tự kỷ.

Vấn đề nằm ở chỗ là rất khó xác định nguyên nhân vì sao bé lại gặp khó khăn khi nói trước khi bé bắt đầu tập nói. Mặt khác, cho dù nguyên nhân là gì đi nữa thì cũng không thực sự thành vấn đề vì dù sao chúng ta không thể vào trong não bé để "sửa chữa" nó. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể gia tăng lời nói của bé bằng cách phương pháp sư phạm và dạy bé thực hiện các động tác cần cho việc phát âm khi nói.

Một khi bé bắt đầu nói, chúng ta có thể phân tích cách phát âm của bé để có thêm thông tin bé bị rối loạn chức năng ở dạng nào. Điều này rất quan trọng vì đã có nhiều nghiên cứu về cách nhắc và cách dạy hiệu quả cho các dạng rối loạn ngôn ngữ khác nhau.

Một số bé tự kỷ gần như im lặng/hoàn toàn không có lời nói. Số khác có phát âm nhưng theo kiểu lặp âm mà không có ý nghĩa hay chức năng gì. Có bé tuy có thể phát ra một số âm nhưng các âm đó khó hoặc không thể hiểu được. Từ cách ứng xử riêng biệt của từng bé và phản ứng của bé với cách ta nhắc và dạy bé, ta có thể suy ra phương pháp tốt nhất để giải quyết những khó khăn về ngôn ngữ của bé.

Với các bé không thể giao tiếp bằng lời nói, điều quan trọng nhất là dạy bé biết yêu cầu thứ mà bé muốn bằng một cách khác. Một số phụ huynh tỏ ra lo lắng vì điều này sẽ làm cho con em họ không cố gắng tập nói, nhưng rất nhiều cơ quan nghiên cứu lại chỉ cho ta thấy điều ngược lại. Trên thực tế, điều trái ngược lại cho thấy vấn đề. Một khi bé biết được giá trị của giao tiếp bằng ký hiệu hoặc bằng tranh ảnh, và những ký hiệu hay tranh ảnh này đem lại cho bé những thứ mà bé muốn (vật củng cố), thường thì ta sẽ thấy bé chịu khó phát âm và cố gắng tập nói hơn.

**Con tôi có bị Apraxia không?**

Nhiều bé tự kỷ thường gặp khó khăn trong việc phối hợp các động tác hoặc có biểu hiện "rối loạn trong việc chỉ đạo các vận động". Đây chỉ là tên gọi của những triệu chứng của những bé gặp khó khăn trong khi việc thực hiện một loạt các động tác có mục đích trong một trình tự nhất định. Bé không làm được những động tác này thường không phải do khiếm khuyết của các giác quan vận động hay các cơ bị yếu. Một số người cho rằng người ta đã lạm dụng thuật ngữ này khi miêu tả những khó khăn về lời nói mà nhiều bé tự kỷ mắc phải. Như đã đề cập trước đây, ngay trong cộng đồng chúng ta nói chung cũng có nhiều người gặp khó khăn về lời nói và những khó khăn này cũng có thể thấy ở các bé tự kỷ.

Như đã nêu ở phần trước, ta không thể chẩn đoán xem bé có bị **Apraxia** không khi bé chưa biết nói. Tuy nhiên, ta có thể suy ra bé có vấn đề nếu bé gặp khó khăn trong việc thực hiện các động tác vận động khác. Nhưng không phải tất cả các bé có biểu hiện mất khả năng nói về sau đều gặp khó khăn điều khiển các bộ phận cơ thể khác vì vậy điều này không phải bao giờ cũng đúng. Khi xem xét tiền sử của các bé về sau được chẩn đoán bị **Apraxia,** chúng ta thường thấy có sự hạn chế về số lượng hoặc chủng loại âm thanh phát ra khi bé tập nói. Một lần nữa, đây có thể là một dấu hiệu báo trước nhưng chưa phải là điều kiện đủ để kết luận một bé không có ngôn ngữ mắc chứng **Apraxia** ở các bé không phát âm bởi vì những chứng bệnh khác cũng có thể khiến bé biểu hiện những hành vi tương tự.

Nhà nghiên cứu bệnh học về ngôn ngữ có thể chẩn đoán **Apraxia** nếu:khi bé bắt đầu nói, bé thường mắc những lỗi không đồng nhất; phát âm nguyên âm không tròn; có những biểu hiện "dò dẫm" (groping) hoặc gắng sức; và/hoặc càng ngày càng gặp khó khăn trong khi phát âm những chuỗi âm thanh dài, phức tạp hơn.

**Tất cả những thuật ngữ này có nghĩa gì?**

**- Oral Apraxia, Apraxia/Dyspraxia of Speech, Verbal Apraxia/Dyspraxia** là những thuật ngữ được dùng để chẩn đoán khó khăn gặp phải khi phát ngôn (speech output) .

Bất cứ khi nào "A" đi kèm với một thuật ngữ y học thì nó có nghĩa là "không có" (without) và bất cứ khi nào thuật ngữ "Dys" được dùng thì nó có nghĩa là "mất/thiếu một phần hoặc là rối loạn" (partial loss or disorder) .

Vì vậy, thuật ngữ **Apraxia** nên được dùng để miêu tả chứng mất khả năng thực hiện động tác *chủ định /có mục đích*  còn **Dyspraxia** dùng để miêu tả khó khăn khi thực hiện những động tác *chủ định /có mục đích.*

Tuy vậy, phần đông các giáo sư vẫn tiếp tục hoán đổi khi sử dụng các thuật ngữ này.

Nhìn chung, trong ngôn từ chuyên môn, **Dyspraxia** được các bác sĩ chuyên khoa dùng để mô tả tình trạng về chân, tay (condition in the limbs) . Còn **Apraxia** được các nhà nghiên cứu bệnh về ngôn ngữ dùng để mô tả tình trạng liên quan đến khả năng (phát âm lời) nói.

Oral **Apraxia** thường được dùng riêng để mô tả các động tác của hệ cơ miệng (môi, lưỡi, vòm miệng).

Một số bé có các đặc điểm của chứng **Apraxia** khi cố gắng nói nhưng khi bé chỉ cố gắng bắt chước các động tác không cần lời nói thì lại không bị như vậy nữa. Những bé này được mô tả là có biểu hiện của chứng **Apraxia of speech.**

Một khi các bé trước đó được chẩn đoán mắc chứng Apraxia bắt đầu giao tiếp, thì phần đông sẽ gặp khó khăn với các thể (aspect) của ngôn ngữ cần đến sự phối hợp như kết hợp từ thành câu hoặc mô tả chuỗi sự kiện trong một hoạt động.

Một số chuyên gia sử dụng thuật ngữ **Verbal Apraxia** để mô tả khó khăn này.

Một lần nữa, nhiều chuyên gia lại hoán đổi khi sử dụng các thuật ngữ này hoặc cho các mục đích khác hơn những gì mô tả ở đây, vì vậy tốt nhất là nên hỏi trực tiếp các chuyên gia liên quan khi muốn sử dụng một thuật ngữ nào đó.

**Tại sao điều quan trọng là nhận biết hành vi nào phù hợp với chẩn đoán Apraxia ?**

Cần nhớ rằng bé có thể giao tiếp (thông qua ngôn ngữ ứng xử) bằng các cơ quan phát âm (vocal productions) , bằng điệu bộ, ký hiệu hoặc tranh ảnh. Tất cả các loại ngôn ngữ ứng xứ này đều đòi hỏi một loạt các động tác.

Số lượng các động tác vận động và tính phức tạp của các động tác vận động cần đến thay đổi theo từng loại.

Động tác cũng là hành vi và chúng ta có thể dạy bé như thế. Nếu chúng ta muốn dạy bé thực hiện một loạt các động tác bằng cánh tay, bàn tay, ngón tay, … thì chúng ta nên chọn "một điểm khởi đầu" hoặc là một động tác mà bé có thể làm được ngay hoặc là một động tác nào đó dễ dạy.

Sau đó, khi dạy mỗi động tác, chúng ta nên lựa chọn một trong 2 nguyên tắc: dạy theo trật tự thuận chiều (Forward chaining) hoặc theo trật tự ngược chiều (Backward chaining).

Chúng ta có thể cho bé thêm bất cứ sự nhắc nhở nào (bắt chước, nhắc bằng động tác, nhắc bằng lời nói, bằng hình ảnh…) cần thiết để bảo đảm bé có thể thực hiện được từng động tác *liên tiếp/trong cả quá trình* (to produce each of movements in the sequence) .

Một khi bé đã thực hiện được từng động tác, chúng ta nên tạo cho bé nhiều cơ hội thực hành các động tác đó theo trật tự đúng đồng thời bỏ nhắc.

Ví dụ: nếu chúng ta muốn dạy bé bơi, thì cần phải truyền đạt cho bé từng động tác liên quan. Chúng ta có thể chọn một trong 2 phương án: hoặc là khởi đầu từ những động tác đầu tiên, dạy động tác một, sau đó chuyển sang động tác kế tiếp kết hợp với động tác ban đầu, …. (Forward chaining/chiều thuận ); hoặc là bắt đầu từ những động tác cuối cùng, dạy ngược lại, từ động tác cuối cùng đến động tác đầu tiên, mỗi động tác cần dạy kết hợp với động tác khác (Backward chaining/chiều ngược).

Hai nguyên tắc này cũng được áp dụng khi dạy bé thực hiện các *động tác miệng (movements with mouth).*

Để có thể nói được, số lượng và độ phức tạp của các động tác cần đến cũng thay đổi. Chúng ta sẽ không dạy bé bơi bằng cách *làm mẫu một kiểu bơi /by modeling the complete "stroke"* (một tay ở phía trước, một tay ở phía sau, đầu ngẩng lên; sau đó úp mặt xuống nước đồng thời đổi tay, …) để rồi sau đó lại yêu cầu bé bắt chước y như vậy.

Và nếu bé phối hợp không đúng (produce the sequence incorrect), chúng ta sẽ không chỉ lại cho bé lần nữa rồi lại bảo bé bắt chước.

Tại sao không? Bởi vì, bé sẽ không bao giờ học bơi! Mỗi lần thực hiện, bé thích nhất là làm sai động tác. Đôi khi các động tác không đúng trật tự và đôi khi một trong những động tác cần thiết lại bị bỏ qua. Thậm chí có lúc bé thêm vào một động tác mà lẽ ra không nên có.

Thực chất, đây là những gì chúng ta sẽ làm khi yêu cầu bé có biểu hiện apraxia bắt chước một từ hoàn chỉnh nếu bé không thể thực hiện một động tác cần thiết để tạo ra âm thanh theo quá trình đúng để có thể nói được.

**Điều này có nghĩa là không cần dùng những từ hoàn chỉnh khi nói với bé?**

Hoàn toàn không. *Điều quan trọng là cần phải ghép (đôi) từ (to pair words) với vật bé thích bằng bất cứ hệ thống hậu tố tăng to nào mà bạn đang dùng cho bé.*

Ví dụ: nếu sử dụng PECS, gọi tên vật mà bé đang hỏi xin cả trước khi đưa vật đó cho bé và cả sau khi bé nhận được vật bé thích để "ghép" từ đó với vật bé thích đồng thời có hình thức thưởng ngay cho bé (a*nd for automatic reinforcement).*

Tác giả khuyên rằng với tất cả những bé mới bắt đầu học, nên dùng từ đơn hơn là dùng cụm từ.

Ví dụ: thay vì nói *"Này, con có muốn ăn bánh không? Được rồi, đây là cái bánh dành cho con"* khi bé ra dấu xin một cái bánh thì người lớn chỉ cần nói: *"bánh*" trước khi đưa bánh cho bé và lặp lại từ *"bánh"* một lần nữa sau khi bé đã cầm/nhận bánh.

Chúng ta muốn nghe từ *"bánh"* (vocal stimuli) được ghép cặp thành *"cái bánh/the cookie"* (reinforcer).

**Nên làm gì khi bé không tạo ra được âm thanh nào cả/ không phát âm được?**

Bất cứ lúc nào, nếu bé bập bẹ được bất cứ âm thanh gì đó, hãy thưởng ngay cho bé bằng vật mà bé thích nhất (automatic reinforcement).

Hãy bắt đầu ghép (đôi) âm thanh và từ với những đồ chơi hoặc các hoạt động mà bé ưa thích.

Ví dụ:

- Nếu bé thích chơi bóng, hãy nói "b, b, b" trong khi đang dội bóng và trước khi trao bóng cho bé.

- Nếu bé thích âm nhạc, hãy hát cho bé nghe hoặc hát những bài hát có những *âm thanh độc lập (isilated sounds)* như "Old McDonald" hay "Alphabet Song" trên băng Sounds Like Fun của Discovery Toys. Ban đầu hãy bỏ những âm cuối trong cụm từ để khuyến khích bé phát âm.

1. **XỬ LÝ HÀNH VI XẤU**

**Nếu bé khóc đòi cái bé muốn thì làm thế nào?**

Kỹ thuật đếm

Kỹ thuật này cho bé thấy rằng lúc này không có phần thưởng cho bé (S-Delta).

Kỹ thuật này được sử dụng khi bé đòi một vật ta có thể cho, nhưng bằng cách không phù hợp. Trẻ dùng hành vi xấu (khóc, đá, gào thét, v.v…) để được vật bé muốn.

GV: “Không khóc” (rồi bắt đầu đếm ngay khi bé nín lấy hơi và ngừng ngay khi bé bắt đầu khóc lại)

GV Nhắc lại “Không khóc” (bắt đầu đếm từ đầu mỗi khi bé nín)

HS Cuối cùng cũng nín được đến số 10

GV Nhắc bé bằng cách hỏi “con muốn gì?” bằng cách mô phỏng, ra dấu v.v.. tùy theo khả năng của bé để bé nói lên điều bé muốn.

Đối với một số bé, kỹ thuật này còn làm bé thêm cáu giận. Nếu vậy, có thể là sự có mặt của GV hoặc bố mẹ khiến bé hiểu là bé có thể được điều bé muốn. Điều này rất hay xảy ra nếu trước đó bố mẹ hoặc GV đã từng khuyến khích hành vi gào thét của bé. Trong trường hợp này, bố mẹ/GV nên bỏ sang nơi khác, lờ việc bé gào thét (nếu bé không làm gì nguy hiểm gây thương tích hay đổ vỡ). Khi bé khóc xong, lập tức quay lại và nhắc bé yêu cầu đúng mực. Cần lưu ý một số bé, đặc biệt nhưng bé hay nhái âm, có thể đếm luôn khi nêu yêu cầu. Trong trường hợp này, hãy đếm bằng tay mà không nói ra mồm.

**Nếu bé khóc gào mà không tỏ ra muốn thứ gì cả thì làm thế nào?**

Trong trường hợp này, có thể bé làm hành vi xấu để đòi sự chú ý. Bố mẹ thường có xu hướng chạy đến chỗ con khi con có gì khúc mắc. Chúng ta tự coi đó là việc của cha mẹ phải tìm hiểu xem bé có gì không ổn. Đáng tiếc là bé có thể nhận ra rằng hễ bé muốn bố mẹ chú ý đến bé, bé chỉ cần gào lên. Liệu thế có nghĩa là bạn nên mặc kệ con khi bé bị tổn thương hay buồn không? Không, hoàn toàn không phải vậy. Nếu bé bị ngã và thương ở đầu gối, tìm mọi cách nựng bé và băng cho bé. Nhưng nếu con bạn thường xuyên khóc và khi bạn tới, không có gì bất ổn cả, có thể bé chỉ muốn bạn chú ý thôi. Trong trường hợp đó, bạn cần chấm dứt việc khuyến khích hành vi này bằng cách dành chú ý cho bé. Thay vào đó, **hãy thật quan tâm đến bé khi bé có hành vi tốt.** VD, khi bé chăm chú nhìn quyển sách, hãy đến bên bé và ôm bé rồi nói những câu khen bé (nếu bé thích khen và nịnh!). Đừng dành chú ý đến hành vi xấu của bé thêm một lần nữa. Ra hạn hoặc làm ngơ sẽ có hiệu quả nếu hành vi xấu là để bé dành chú ý về mình. Nếu bé tự làm thương mình hoặc đập phá để gây chú ý, đừng để bé một mình. Hãy chặn hành vi của bé và bảo vệ bé nhưng không nói và vuốt ve nựng nịu bé. Hãy dạy bé dùng lời để có được sự chú ý. VD, dạy bé nói “Con muốn mẹ ôm con” hoặc “mẹ ra đây chơi với con” và nhớ thật quan tâm đến bé khi bé đã nói vậy!

**Nếu bé biết nói nhưng không chịu nói cái bé muốn thì làm thế nào?** Hiếm khi bé không chịu nói khi bé rất muốn một vật. Bé có thể gọi tên được một vật nhưng chưa chắc bé đã biết đòi vật đó dùng chính tên gọi của nó.

Kể cả bé đã từng biết đòi vật bé muốn bằng lời, một số bé vẫn gặp khó khăn khi nhớ lại từ cần nói, đặc biệt khi bé căng thẳng. VD, nhiều bé apraxia có thể nói vẹt theo được một từ và thậm chí phát âm chuẩn không cần làm mẫu nhưng khi hỏi “Con muốn gì?” Bé vẫn không nói ra được từ cần nói.

Tốt nhất là nên nhắc bé, ngay cả khi bạn biết bé đã biết từ đó rồi. Cho bé vật bé muốn nhưng ít thôi và hỏi lại để xem bé có thể tự trả lời được không.

VD:

Bố mẹ “Con muốn gì? (bé lại gần cái bánh) “Bánh.”

Bé “Bánh.” (BM cho bé một miếng bé thôi)

BM Con muốn gì? (chuyển tiếp từ nhái âm)

Bé Bánh

BM “Con đang làm gì?”

Bé : Ăn

BM: Đúng rồi – Con đang ăn \_\_\_\_ (điền vào chỗ trống suy ra từ Chức năng)

Bé Bánh

BM Đúng rồi. Con thông minh quá! Con muốn gì?

Bé Bánh

**Nếu bé kêu khóc để trốn một bối cảnh hay thoát ra khỏi một nơi thì làm thế nào?**

Thực chất, đây là hành vi chạy trốn. Khi bé thể hiện hành vi xấu vì mục đích này, đừng bao giờ cho phép bé trốn lệnh đã ra cho bé. Khi đã ra lệnh, GV/BM cần bắt bé làm kể cả phải cưỡng chế bé làm theo. Sau đó, ta nên xem lại cách dạy để xem yêu cầu của mình có hợp lý không dựa trên trình độ của bé. Ta cũng cần phải xem lại môi trường quanh bé xem có gì bé muốn chạy trốn không (ánh đèn, tiếng ồn, mùi gì, v.v…). Cần dạy bé dùng một hành vi khác. VD, bạn có thể dạy bé xin được nghỉ. Cho bé nghỉ những lần đầu bé yêu cầu. Sau đó, khi bé đòi nghỉ, nói với bé lịch nghỉ giải lao.

**Nếu hành vi xấu đó hấp dẫn với bé vì chúng tự kích thích bé (VD đập đầu vào tường, đánh người thân v.v…) thì làm thế nào?**

Trong trường hợp đó, cần ngăn hành vi của bé lại. Những hành vi tự kích thích tự bản thân chúng đã hấp dẫn với bé. Nếu cho phép bé tiếp tục, hành vi đó sẽ càng gia tăng. Hãy dạy bé thích thú với tương tác xã hội (bằng cách gắn nó với phần thưởng) và các hoạt động khác đem lại cảm giác kích thích tương tự nhưng phù hợp và bớt nguy hại hơn.

1. **ĐỐI PHÓ VỚI HÀNH VI CỦA BÉ TRƯỚC KHI CHÚNG XẢY RA**

Khi chúng ta nói đến việc chi phối các điều kiện dẫn đến hành vi (tiền đề) là chúng ta đang nói đến cách để tránh hành vi xấu ngay từ đầu. Còn cách chúng ta phản ứng khi một hành vi đã xảy ra (hậu quả) sẽ khiến hành vi đó có tiếp diễn không. Cả hai đều có khả năng thay đổi hành vi nhưng vì những lý do khác nhau. Hơn nữa, nếu không phối hợp mà chỉ xử lý bằng một trong hai cách, sẽ không hiệu quả bằng làm cả hai. Trong thực tế, nếu chúng ta chỉ chú tâm đến điều kiện tiền tố, hành vi xấu sẽ vẫn tiếp diễn nếu cách phản ứng của chúng ta khuyến khích hành vi xấu.

Việc chi phối điều kiện tiền tố có thể bao gồm nhiều thứ nhưng chúng ta nên xem xét cả những gì ta biết về bé, phản ứng của bé với môi trường và khả năng của bé để hiểu cái gì đang diễn ra quanh bé. Cần nhạy bén hiểu nhu cầu của bé, đồng thời dạy bé biết tương tác xã hội càng với càng ít dị biệt càng tốt để thành công. Nói cách khác, chúng ta có thể sử dụng mọi công cụ cần thiết để dạy bé dựa trên kỹ năng hiện có của bé và giảm dần lời nhắc cũng như trợ giúp.

**Hiểu những đặc điểm riêng của bé tự kỷ:**

*Các giác quan cảm nhận* – Hãy tìm hiểu bé để biết phản ứng thông thường của bé với âm thanh, xúc giác, mùi vị, chuyển động, vị giác, v.v… Chúng ta tôn trọng phản ứng của bé với môi trường nhưng cũng không thể luôn tránh bé khỏi những tình huống không dễ chịu cho các giác quan cảm nhận của bé. Đối với một số bé, điều này đồng nghĩa với việc tách bé ra khỏi thế giới vĩnh viễn! Nếu ta đoán biết được bé sẽ gặp rắc rối trong một số hoàn cảnh do các giác quan cảm nhận của bé, hãy dần dần giúp bé bớt nhạy cảm với nó nữa trong mức độ có thể. Để làm việc này, bé cần đuợc đưa vào bối cảnh đó từ thời lượng ngắn rồi khuyến khích bé chịu đựng trong thời lượng dài hơn. Có bé phản ứng quá dữ dội làm cho việc giảm độ nhạy cảm trở nên không hiệu quả. Nếu vậy, khi chọn môi trường học, hãy lường trước phản ứng của bé với các tác nhân kích thích quanh bé. Có thể gắn những bối cảnh hơi khó chịu với những phần thưởng như đồ chơi bé thích, sách hoặc thức ăn. Rạp chiếu phim sẽ không quá ồn nếu trong phim có nhân vật bé yêu thích và bé mang theo đồ chơi yêu thích. Dạy bé biết giúp mình bằng cách nói ra cảm nhận của bé với môi trường (hành vi thay thế). VD ta có thể dạy bé nói “Ồn quá” Con không thích ồn hoặc Đi chỗ khác đi khi bé cảm thấy không thể chịu được môi trường quanh bé.

*Bất ổn khi có nhiều thay đổi, xáo trộn, nhu cầu bất biến* – Mỗi bé có khả năng đối phó với những xáo trộn trong lịch sinh hoạt và bối cảnh thay đổi khác nhau. Nếu bé đặc biệt bất ổn trong bối cảnh mới, có thể tránh một vài hành vi xấu bằng cách cho bé biết ta muốn gì ở bé. Nếu bé hiểu lời nó, nói cho bé biết điều gì sẽ xảy ra trong bối cảnh đó. Sách đôi khi cũng có thể giúp bé. VD đọc sách nói về việc đi khám răng trước khi đi khám. Hoặc các câu chuyện xã hội và chuyện cười (Carol Gray) cũng có thể giúp bé biết cái gì sẽ xảy ra trong một số tình huống. Hơn nữa, diễn giải trình tự sinh hoạt bằng hình vẽ cũng có thể giúp bé không có ngôn ngữ hiểu được. Tranh có thể cho bé biết trong ngày hoặc vào những thời điểm nhất định trong ngày sẽ xảy ra điều gì. Khi bé đã có kỹ năng ngôn ngữ rồi nên giảm dần những lối giao tiếp này. VD, khi bé đã hiểu được câu “Đầu tiên chúng ta đến cửa hàng rau quả, sau đó đến nhà bà, rồi chúng ta đi công viên nhé”, thì không cần phải vẽ lên lịch trình này nữa. Hơn nữa, bé có thể đã học được cách chấp nhân một số sự vật ngẫu hứng trong cuộc sống! Có thể giúp bé bằng cách thêm những sự kiện vui nhộn ngoài kế hoạch. Lưu ý là những hoạt động bất thường này phải làm bé thích thú. Thực chất là bạn đang dạy cho bé thấy là những điều không mong đợi có thể rất vui nhộn! Rất cân thiết phải dạy bé biết cách nói lên nhu cầu có thông tin về những gì sẽ xảy ra. VD, ta có thể dạy bé hỏi “Tiếp theo là gì? Hoặc “chúng ta sẽ đi đâu nữa? nếu bé muốn biết.

*Hiểu các tình huống xã hội* – Nhiều bé tự kỷ gặp khó khăn trong việc hiểu được những giao tiếp không lời như ngôn ngữ cơ thể và biểu lộ bằng nét mặt. Hơn nữa, nhiều bé còn gặp khó khăn khi học các quy tắc tương tác xã hội. Vì thế bé có thể nói hoặc làm những việc không đúng ngữ cảnh. Ta có thể trực tiếp dạy bé những kỹ năng này. Dùng Comic Strip Conversations và các mẩu chuyện xã hội để dạy bé kỹ năng này nếu trình độ ngôn ngữ của bé chưa đủ ta giải thích. Hơn nữa, chúng ta có thể dạy bé tìm ra những biểu hiện cho biết những gì mọi người cảm nhận và suy nghĩ (phông xã hội hay văn hóa) VD dạy bé quan sát mắt hoặc cầm tay để biết xem người đó đang cảm thấy thế nào hay định làm gì.

*Hiểu bổn phận xã hội của bé* – Bé tự kỷ có thể không hiểu được mọi người trông đợi gì ở bé trong mỗi bối cảnh cụ thể. Những bé phát triển bình thường có thể quan sát trẻ khác quanh chúng và làm theo nếu chúng hiểu rõ bổn phận của chúng. Hoặc trẻ có thể hỏi GV hay bố mẹ chúng phải làm gì. Nếu bé tự kỷ vẫn chưa được dạy cách bắt chước bạn cùng lứa hay biết đòi được giải thích, bé có thể vẫn chưa hiểu mọi người muốn gì ở bé. Nếu chúng ta có cách giúp bé hiểu được bổn phận của bé, chúng ta có thể tránh được những hành vi xấu. Hơn nữa dạy trẻ bắt chước các bạn cùng tuổi và hỏi thông tin cũng là một kỹ năng quan trọng cần dạy trẻ.

1. **DẠY BÉ DÙNG LỜI THAY CHO CÁU GIẬN**

Nhiều bé tự kỷ **dùng hành vi không phù hợp để yêu sách**. Điều này làm bố mẹ và GV rất bực mình vì hành vi này có thể làm gián đoạn việc dạy và các sinh hoạt khác trong ngày.  Trong thực tế thì mọi người thường nhân nhượng để bé nín! Hành vi xấu của bé sẽ tái diễn vì ở một mức độ nào đó, hành vi đó hữu ích cho đứa trẻ. Nói các khác, hành vi này làm thỏa mãn một số nhu cầu của bé.  **Nếu chúng ta biết được bé muốn gì, thì chúng ta hãy chi phối ý muốn đó và/hoặc dạy bé cách giao tiếp đúng mực hơn**.  Hơn nữa, chúng ta có thể **dạy bé rằng lối giao tiếp cũ của bé sẽ không có tác dụng nữa**!

 Ba nhu cầu chính mà hành vi xấu có thể truyền đạt được (chức năng/ý nghĩa của hành vi này) là:

1. Chúng dành được sự chú ý hoặc vật bé muốn.

2. Chúng làm cho bé khỏi phải làm một mệnh lệnh hoặc thoát khỏi một tình huống.

3. Chúng làm cho bé cảm thấy thích.

Bước đầu tiên để đối phó với hành vi xấu là **tìm ra nguyên nhân khiến bé phản ứng như vậy**.  Có thể hỏi bố mẹ hoặc GV theo họ tại sao bé lại có hành vi đó. VD họ có thể nói tại bé bướng, ốm, đói hoặc được bà nuông chiều. Tất nhiên, trong một số ngày, vì nhiều lý do, hành vi đó không diễn ra.  Nhưng nếu hành vi xấu xuất hiện thường xuyên, phải **có mối liên hệ nào đó giữa hành vi xấu và những gì xảy ra trước hoặc/và sau đó khiến hành vi đó vẫn tiếp diễn**. Chúng ta phải phân tích hành vi để hiểu được mối liên hệ đó là gì để lên kế hoạch phù hợp giải quyết hành vi đó. Cần hiểu là **không nên tập trung vào việc tìm người hay sự vật gây ra hành vi đó**.  Làm vậy mọi người sẽ phòng thủ và cảm thấy bị tổn thương, sẽ không tốt cho không khí gia đình hay nhóm GV. Không ai chủ ý dạy bé xử sự xấu cả! Mọi người cần tiến hành như là bài tập giải quyết vấn đề trên tinh thần cùng thu lượm thông tin cần thiết để giải quyết vấn đề.  Để tìm ra được mối liên hệ này, cần dành thời gian **quan sát và ghi chép lại những gì đã xảy ra trước khi (điều kiện tiền đề) và ngay sau (hậu quả) hành vi đó**.  Có thể để những ai làm việc với bé ghi chép lại hàng ngày hoặc một người ngoài.  Thông tin ghi chép phải sát thực, không dựa trên ấn tượng cá nhân. VD, thay bằng “Sam đói” là điều kiện tiền đề, người quan sát có thể viết là Sam đứng trước cái tủ lạnh và mẹ hỏi “Con muốn gì?”- thay bằng “Sam rất cáu giận” để diễn tả hành vi, người quan sát có thể viết “Sam lăn ra sàn nhà, gào lên và đập chân”- thay bằng “Mẹ phạt bé” để diễn tả điều xảy ra sau đó (hậu quả) người quan sát có thể viết “Mẹ dựng bé dậy và bắt ngồi vào ghế”. Đó mới là tìm sự thật chứ chưa phải nguyên nhân. Cũng nên **ghi lại thời điểm nào trong ngày bé thường có những hành vi gì để xem có một quy luật cho hành vi đó  không**. Khi đã thu thập thông tin được một thời gian,  mọi người sẽ xem lại thông tin và tìm quy luật diễn ra trước và sau hành vi đó. VD, mọi người quan sát thấy không có quy luật nào với những gì xảy ra trước hành vi của Sam. Có người bỏ đi khi Sam bắt đầu cáu, người thì dỗ dành Sam, người thì gia hạn cho Sam. Chỉ duy nhất có một điều luôn xảy ra là cơn giận của bé luôn xảy ra khi có người hỏi Con muốn gì? Vì thế mọi người quyết định là có mối liên hệ giữa việc có người hỏi “Con muốn gì?” (điều kiện tiền đề) và cơn giận của bé (hành vi xấu). Mặt khác những thông tin này có thể cho thấy một mối liên hệ khác. Có thể có người hỏi “Con muốn gì?” người lại hỏi “Con có đói không?”, người khác lại mở tủ lạnh và cho Sam nước hoa quả. Điều duy nhất luôn xảy ra là sau cơn giận (hậu quả), mọi người đều mang cho Sam đủ thứ cho đến khi họ tìm ra thứ Sam muốn và Sam nín khóc. Điều này cho thấy mối liên hệ ở đây là giữa hành vi xấu và nhu cầu được muốn một vật nào đó.

Khi đã tìm được mối liên hệ, ta có thể lên kế hoạch giải quyết hành vi xấu.

**Kỹ thuật giảm hành vi xấu thường gồm:**

**1. Chi phối điều kiện tiền đề**

**2. Loại bỏ vật khuyến khích hành vi xấu tiếp diễn (dập hành vi xấu)**

**3. Dạy bé hành vi thay thế bằng cách thưởng thường xuyên hơn cho hành vi thay thế (phân cấp phần thưởng cho hành vi thay thế).**

Mục tiêu là dạy bé hành vi thay thế (nói chuyện, ra dấu hoặc chỉ ảnh/vật) để thực hiện chức năng của hành vi xấu. Hành vi xấu và tốt trong trường hợp này được gọi là một cặp hành vi. VD, nếu mọi người phát hiện ra cơn giận của Sam chỉ xảy ra khi có người hỏi Sam, “Con muốn gì?” (điều kiện tiền đề), thì trong kế hoạch phải có phần tránh không dùng cụm từ này một thời gian.  Mọi người sẽ mở tủ lạnh ra ngay lập tức và cho Sam chọn lấy vật Sam muốn. Khi Sam với tay lấy vật nào thì mọi người sẽ lập tức nhắc Sam dùng từ, ra dấu hoặc tranh để yêu cầu vật đó. Nếu Sam chịu yêu cầu theo cách này, mọi người sẽ cho Sam nhiều hơn mức Sam vẫn được (phân cấp phần thưởng cho hành vi thay thế). Sau đó giảm phần nhắc dần dần cho đến khi Sam có thể tự nói vật Sam muốn kể cả khi Sam không đứng gần tủ lạnh.

Tất nhiên, cũng cần dạy Sam chịu nghe câu hỏi “Con muốn gì?” bởi vì chắc chắn sẽ có lúc có người hỏi câu hỏi đó. Rõ ràng là Sam rất khó chịu khi nghe những từ này, có thể là do một việc gì đó Sam không thích đã xảy ra cùng lúc Sam nghe thấy những từ này. VD, có người đã giơ cho xem đồ chơi Sam thích và liên tục hỏi đi hỏi lại “Con muốn gì?” mà không cho Sam lại gần vật đó. Không cần tốn quá nhiều thời gian vào việc làm sao điều này lại xảy ra bởi vì như đã nói ở trên việc tìm lỗi ít khi tạo ra bầu không khí lành mạnh giữa mọi người và trong gia đình. Nhưng mọi người cần hiểu phương pháp dạy khác nhau có tác động khác nhau đến bé. Cần tập trung vào giải quyết vấn đề. Trong trường hợp này, một phần chương trình dạy Sam phải là nhắc Sam yêu cầu những vật Sam muốn và dần dần đan xen câu hỏi này vào giữa những điều Sam thích. Hoặc có thể gắn những từ này với hứng thú của Sam bằng cách nói những từ đó trong khi Sam tham gia vào những hoạt động Sam thích mà không bắt Sam phải hồi đáp. VD, khi cùng Sam xem đoạn băng video Sam thích, có thể nói “Con muốn gì? Video” bằng một giọng bình tĩnh dịu dàng. Cần nói cả câu hỏi và câu trả lời cùng lúc để bé không có thói quen hỏi mà không đáp. Sau đó có thể dừng đoạn băng lại ít giây và nhắc Sam yêu cầu xem băng bằng dạng giao tiếp nào Sam đang dùng (lời nói, tranh, ra dấu, các vật).

Như vậy cơn giận của bé có thể được dập tắt từ gốc, nhưng cũng cần có **kế hoạch xử lý nó nếu tái diễn**. Động lực của bé, đúng như định nghĩa, là cái gì xảy ra sau khi hành vi diễn ra. Dù mỗi người có thể phản ứng khác nhau trong VD trên, nhưng hành vi đó đã được khuyến khích vì nó vẫn tiếp diễn. Thực tế, **nếu mỗi người vô tình khuyến khích một hành vi theo các cách khác nhau, dập tắt hành vi này còn khó hơn**! Vì thế, mọi người cần thống nhất là khi nào Sam lại nổi cáu để đòi vật gì đó, họ sẽ dùng kỹ thuật đếm (sẽ nêu ở phần sau). Ngay khi Sam nín khóc được đến số 10, họ sẽ nhắc Sam nói vật Sam muốn. **Khi bé dùng cơn giận để yêu cầu vật, không cho bé vật đó để bé không bao giờ cáu giận lần nữa**. Nếu bé đã từng được cái bé muốn khi bé cáu, dù chỉ ít lần, bé sẽ dễ cáu lại khi nào bé muốn gì đó. Hãy liên hệ đến máy đánh bạc ở Las Vegas. Nếu máy chưa nhả tiền ra mỗi khi ta cho tiền vào thì ta lại càng cho nhiều tiền vào máy hơn hy vọng rằng lần sau sẽ được bạc. Không phải bé chủ ý làm như vậy, chỉ là **vì bé đã quan sát thấy điều gì xảy ra khi bé cáu để đòi vật bé muốn**. Nếu mọi người đều vô tình khuyến khích cơn giận của bé theo cùng một cách (liên tục củng cố hành vi xấu) trước khi chúng ta xử lý hành vi, sẽ dễ dập tắt hành vi này hơn. Hãy lấy máy bán kẹo làm ví dụ. Nếu lần nào cho tiền vào ta cũng có kẹo thì khi máy không cho ra kẹo, chúng ta sẽ không cho thêm tiền vào đó nữa. Không giống máy đánh bạc, hành vi cho thêm tiền vào máy sẽ chấm dứt nhanh chóng!

**Khi chúng ta mới thôi không khuyến khích bé có hành vi xấu, thường thì bé sẽ gia tăng hành vi xấu**. Hiện tượng này được gọi là bùng phát trước khi tắt và sẽ giảm dần nếu chúng ta kiên quyết không nhân nhượng bé. Cũng giống như hành động bột phát của người muốn lấy kẹo từ máy bán kẹo, họ đập và đá máy vài lần vì đã có lần họ lấy được kẹo theo cách này. **Cần vượt qua được cơn bùng phát này, đừng nhầm tưởng là sự can thiệp của chúng ta không có tác dụng**.

Có khi sau một thời gian bỏ hành vi xấu vì chúng ta đã không khuyến khích nhân nhượng, bé đột nhiên lại tái diễn hành vi này. Khi đó chúng ta lại phải làm theo các bước trên để không khuyến khích nhân nhượng bé. Nếu không hành vi sẽ trở lại và còn khó dập hơn cả lần trước. **Xử lý hành vi xấu của bé cần phải nhất quán, mọi người giao tiếp với bé đều cần phải biết cách đối phó phù hợp với bé**. Cần giảng giải rõ các bước cần làm để mọi người biết cần làm gì. Cần cho mọi người biết tại sao phải làm như vậy và tầm quan trọng của việc nhất quán trong cách xử lý hành vi của bé. Nếu hành vi đó lúc được khuyến khích lúc không, thì càng khó dập. VD, Bố mẹ Sam đã mất rất nhiều công sức để dạy Sam dùng dấu yêu cầu vật, nhưng người trông bé buổi tối không biết trước đó Sam hay cáu giận và cách dập hành vi đó, vì thế khi Sam đến gần tủ lạnh và khóc, cô ấy đưa Sam đủ thứ đến khi cô hiểu ra Sam muốn gì. Tất cả nỗ lực để xóa cơn cáu của Sam trở nên vô dụng và hành vi đó càng khó dập hơn vì đã có người khuyến khích nó!

**Cần dạy bé phải dùng dấu, lời nói và tranh/vật để cho mọi người biết bé muốn gì. Và cũng cần để bé thấy hành vi xấu sẽ không giúp bé có được cái bé muốn**!

1. **DẠY BÉ TRẢ LỜI CÂU HỎI**

Nhiều bé tự kỷ gặp khó khăn trong việc trả lời câu hỏi. Các phụ huynh thường phản ảnh rằng con họ “biết câu trả lời nhưng không hiểu câu hỏi”. Ví dụ như bé có thể chỉ ra (nhận biết) và gọi tên các màu sắc, nhưng khi được hỏi “ Màu gì?”, bé lại trả lời tên vật. Khi chúng ta dạy bé, chúng ta phải “liên kết” các dạng câu hỏi với dạng hồi đáp của bé. Chúng ta phải chắc rằng bé phân biệt được câu hỏi nào sẽ đi với câu trả lời nào.

Thông thường các bé được rất nhiều người hỏi. Đáng tiếc, từ trước tới nay, các bé thường học thói KHÔNG trả lời câu hỏi. Cha mẹ và những người chăm sóc bé hàng ngày và những người khác thường hỏi bé từ khi bé còn bé. Nếu bé không biết cách trả lời, thì họ sẽ không hỏi nữa. Những người hỏi bé thuờng không biết cách nhắc hay dạy bé cách trả lời vì thế mà khi bé không trả lời, họ chẳng biết làm gì. Khi bạn đồng tình với việc bé không trả lời, phần nhiều là bé sẽ không trả lời khi được hỏi. Ví dụ, khi bé ở nhà trẻ, cô hỏi, “Con đang làm gì đấy?” Nếu bé không biết trả lời, bé sẽ lờ giáo viên đi. Khi bé lờ đi, có thể cô sẽ hỏi lại lần nữa to hơn. Nhưng bé vẫn không trả lời. Giáo viên có thể tiếp tục hỏi câu hỏi với chút cáu giận trong giọng nói, vì thế bé có thể không thích kiểu tương tác vô vị này (khó chịu). Cuối cùng giáo viên đành bỏ cuộc và đi mất. Khi giáo viên bỏ đi đồng nghĩa với kiểu tương tác “khó chịu” này được “loại bỏ”, ta có thể đã vô tình củng cố hành vi tiêu cực của bé (lấy đi cái bé ghét). Cách phản hồi này có thể khiến bé sẽ lại hồi đáp tương tự khi đựợc ai đó hỏi vào lần tiếp theo. Trên thực tế, do bé đã có ác cảm từ trước với những lần bị hỏi, bé có thể sẽ tìm cách né tránh tất cả các tình huống bị hỏi (Tạo ra động lực khiến bé chạy trốn). Vì thế rất có thể lần sau nếu có ai hỏi bé, bé sẽ tự bỏ đi.

Để tránh cho bé khỏi “học” những bài học kiểu này, tốt nhất không nên hỏi bé những câu hỏi bé không biết trả lời. Nếu hỏi, phải dạy bé cách hồi đáp phù hợp với kỹ thuật chuyển tiếp, nhắc và sửa lỗi. Cũng như các nội dung học khác, chúng ta có thể làm việc này bằng cách chuyển các hồi đáp bé đã làm được thành các hồi đáp với các câu hỏi.

Các câu hỏi phải là một phần của các tín hiệu đầu vào kích thích phản hồi của bé, chúng ta phải phân biệt rõ cho bé thấy hồi đáp nào của bé thì sẽ được củng cố/khích lệ. Bé phải biết phân biệt tín hiệu đầu quyết đinh trong câu hỏi. Số lượng các ngữ cảnh bé cần phải phân biệt phụ thuộc vào số lượng các vật hiện hữu quanh bé cũng như các tín hiệu đầu vào quyết định trong câu hỏi. Ví dụ, nếu bé được dạy gọi tên các vật, bé sẽ được dạy hồi đáp bằng cách nói tên vật (thưởng cho bé khi bé làm vậy) khi bé nghe thấy từ “gì” trong câu hỏi. Khi ta tiếp tục dạy bé gọi tên các hành động, bé sẽ phải phân biệt giữa câu hỏi có từ “gì” với từ “con đang làm gì” thì phải trả lời sao cho đúng.

Vì lý do này, giáo viên cần chọn lọc kỹ từ hỏi bé (các tín hiệu đầu vào/các câu hỏi/lệnh) khi mới dạy bé gọi tên để chắc rằng bé sẽ hồi đáp với các tín hiệu đó. Tuy nhiên, một khi bé đã phân biệt được các tín hiệu đó, cần nới lỏng việc chọn lọc từ hỏi bé. Nếu không, bé sẽ chỉ hồi đáp nếu ta hỏi bé chính xác câu hỏi đó. Ví dụ, nếu ta chọn lọc từ hỏi bé “quá kỹ”, bé có thể trả lời là “to” khi được hỏi “cỡ gì?“, nhưng không biết trả lời khi ta hỏi “Trông nó như thế nào?” hoặc “Đó là loại nào?” hay “Cái nào?” hoặc “Cái đó là cỡ nào?” Một khi bé đã phân biệt được giữa các cách hỏi khác nhau của cùng một câu hỏi, ta có thể dạy bé khái quát hóa bằng cách đưa câu hỏi bé đã trả lời thạo sang ngữ cảnh mới và “nới lỏng” việc chọn lọc từ hỏi bé.

**Các kỹ năng tiền đề**

Trước khi ta bắt đầu đi thẳng vào phần dạy bé trả lời câu hỏi, bé phải biết yêu cầu được kha khá các vật và hành động. Mục yêu cầu vẫn phải là trọng tâm trong chương trình học. Tiếp tục gia tăng số vật bé biết yêu cầu với mục tiêu 1000 yêu cầu/ngày. Ngoài ra, kỹ năng gọi tên sự vật của bé phải rất vững vàng. Nếu bé chưa đạt được đến mức này, bạn hãy tham khảo lại phần dạy bé yêu cầu và gọi tên.

Nếu bạn đã thực hiện theo cách dạy này rồi thì bé đã có thể trả lời các câu hỏi với từ hỏi bé/tín hiệu đầu vào cho nội dung gọi tên là “Cái gì đây?”, “Cái gì kia?”, và “Cái này ta gọi là gì nhỉ?” đồng thời biết trả lời câu hỏi “Con muốn gì/cần gì?” khi đứa trẻ có động lực thiết lập (EO) với một vật/muốn có một vật.

Tuy nhiên cần lưu ý là, có bé học gọi tên sự vật rất khó khăn nhưng lại chịu hồi đáp với yêu cầu điền tên sự vật khi biết Chức năng, Chủng loại, Đặc tính (viết tắt là FFC). Trong trường hợp này, ta có thể chuyển từ hồi đáp điền tên sự vật khi biết FFC sang gọi tên. Ví dụ, có bé không đáp lại câu “ Cái gì đây?” khi thấy một cái “ bánh quy”, nhưng có thể đáp lại chính xác khi ta nói “Chúng ta ăn cái …” khi nhìn thấy bánh. Trong truờng hợp này, ta có thể chuyển từ điền tên sự vật khi biết FFC sang câu hỏi “Cái gì..?” để dạy bé gọi tên sự vật.

GV : “ Chúng ta ăn một …”

HS: “cái bánh quy”

GV: “Đây là cái gì?”

HS: “cái bánh quy”

Cần nhớ là mục tiêu của chúng ta là tìm ra ngữ cảnh bé hồi đáp đúng và chuyển từ ngữ cảnh đó sang ngữ cảnh khác.

Một điều quan trọng nữa cần nhớ là hãy luôn sửa lỗi sai của bé bằng cách nhắc lại câu hỏi và cho bé luôn câu trả lời đúng. Làm như vậy không những giúp bé học trả lời đúng mà còn giúp bé phân biệt câu hỏi như một phần quan trọng của điều kiện kích thích khích lệ bé trả lời đúng. Ví dụ:

GV: “Cái gì bay trên bầu trời”

HS: “Ô tô”

GV “Cái gì bay trên bầu trời? Máy bay.”

HS: “Máy bay.”

GV Cái gì bay trên bầu trời?

HS: “Máy bay.”

Hãy xem cách nhắc khác thì sao:

GV : “Cái gì bay trên bầu trời”

HS: “Ô tô”

GV: “Không phải, vớ vẩn. Ôtô đi trên đường. Máy bay.”

HS: “Máy bay.”

GV “Đúng rồi ”

Bé đã được nhắc câu trả lời đúng và đã được khen/thưởng nhưng câu hỏi “cách quá xa” sự kiện chính, bé khó lòng nhận biết được câu hỏi này là một phần của các điều kiện kích thích. Không có sự “kết nối” giữa câu hỏi và hồi đáp cũng như khen/thưởng/khích lệ.

**Những câu hỏi đầu tiên**

**\*\*TRÁNH CÂU HỎI CÓ/KHÔNG\*\***

Một số dạng câu hỏinên tránh khi dạy “bé mới học”. Một số chương trình lấy câu hỏi “có/ không” làm câu hỏi đầu tiên dạy bé nhưng trong thực tế cách làm này có thể còn cản trở sự phát triển ngôn ngữ của bé. Có người cho rằng dạy bé trả lời câu hỏi Có/Không để giúp bé có cách nói với mọi người bé muốn gì. VD GV có thể giơ bóng ra và hỏi “ Con có muốn quả bóng này không?” và dạy bé nói “có” nếu bé muốn, không nếu bé không muốn. Đáng tiếc là GV không thể biết bé thực sự có muốn vật đó hay không. Nếu đứa trẻ đã chơi quả bóng một lúc và đi tìm bóng, thì ta có thể đoán được là bé muốn bóng (bé có động lực thiết lập); tuy nhiên, cũng có thể bé lại thích thứ khác. Vì thế, GV không thể chắc chắn là mình có nhắc câu trả lời đúng hay không.

Vấn đề sẽ còn phiền hà hơn nếu bé muốn một vật nhưng không ai hỏi bé! Bé thì chỉ được dạy trả lời “Có” khi hồi đáp với nhu cầu này. Khi đó, bé sẽ chạy đến chỗ người lớn và nói hoặc ra hiệu “có” bằng động tác đầu. Đáng tiếc là người lớn không thể biết bé muốn gì trong trường hợp này. Vì không được khích lệ, bé rất có thể sẽ nổi cáu một cách tự phát hoặc bé sẽ lại có những hành vi đã được ta khích lệ/củng cố trước đó để “giành được một vật/sự chú ý”. Vì thế ta nên dạy bé yêu cầu vật bé muốn chứ không nên dạy bé trả lời câu hỏi “có/không”.

**\*\*Tránh hỏi các câu hỏi bạn không biết câu trả lời \*\***

Nhìn chung, bạn nên tránh hỏi bé về những thứ không hiện hữu trong khi dạy, ta sẽ khó có thể hoặc thậm chí không thể nhắc cho bé. Ví dụ, nếu bạn hỏi bé “Hôm nay con làm gì ở trường? “ bạn sẽ không thể nhắc bé câu trả lời vì bạn không biết câu trả lời. Sau này bé sẽ được dạy trả lời câu hỏi về những sự kiện đã xảy ra nhưng chỉ khi bé đã được hướng dẫn nhiều lần cách trả lời câu hỏi về những sự vật hiện hữu quanh bé. Hơn nữa, khi dạy bé trả lời các câu hỏi về sự kiện đã xảy ra, giáo viên phải luôn “nắm rõ” câu trả lời.

**Ai? (G3)**

Sau khi chúng ta dạy bé gọi tên các sự vật, chúng ta có thể bắt đầu dạy bé gọi tên người. Như vậy là ta đã dạy thêm cho bé một dạng câu hỏi. Ta sẽ dạy bé trả lời câu hỏi “Ai đây?”, “Ai kia?”, “Ai đang ở đây?”. Từ giúp bé phân biệt được dạng câu hỏi này là từ “Ai”. Bé sẽ hiểu rằng khi nghe câu hỏi có từ “Ai?”, bé sẽ phải trả lời bằng cách gọi tên người. Cần biết điều này khi dạy bé nhận biết các hành động trong tranh. Tôi đã từng thấy có GV hỏi “Ai đang trèo đây?” làm câu lệnh/tín hiệu đầu vào cho nội dung nhận biết hành động. GV muốn bé chỉ vào tranh người đang trèo. Trong khi câu trả lời đúng trong trường hợp này là tên người hoặc tên một nhóm người nói chung chẳng hạn như là “bé gái” hay “bé trai”. Để tránh cho bé khỏi lẫn lộn khi phân biệt, hãy nhớ rằng câu bạn hỏi bé phải tương ứng với câu trả lời bạn muốn. Ví dụ, trong ví dụ trên, phải dùng câu lệnh là “chỉ cô tranh người đang trèo” để dạy bé chỉ tranh các hành động.

**… đang làm gì? (G7, G8)**

Khi chúng ta dạy bé gọi tên các hành động là chúng ta đã dạy bé trả lời câu hỏi “ ….đang làm gì”. Chúng ta nên dạy bé những câu hỏi khiến bé phải trả lời bằng cách gọi tên hành động. Đầu tiên nên dạy bé gọi tên các hành động đang xảy ra để bé học cách trả lời câu hỏi “Con đang làm gì đấy? và “Cô đang làm gì đấy?”. Khi bé đã thành thạo việc gọi tên các hành động đang xảy ra, chúng ta có thể dùng tranh dạy bé. Điều này rất quan trọng vì bạn không thể “thấy” động tác thực của hành động trong tranh và đó là cái chúng ta đang dạy bé gọi tên. Ta có thể dạy bé trả lời dạng câu hỏi này bằng cách chuyển từ một mệnh lệnh hoặc yêu cầu đơn giản.

*Chuyển từ mệnh lệnh đơn giản:*

GV. “Vỗ tay”

HS: <Vỗ tay và nói> “vỗ tay”

GV: “Em đang làm gì đấy? Vỗ tay” (nhắc hoàn toàn vì ta đã thay đổi hình thức hỏi)

HS: “Đang vỗ tay”

GV: “Em đang làm gì đấy?”

HS: “Đang vỗ tay”

*Chuyển từ yêu cầu:*

HS: (muốn nước hoa quả và yêu cầu hành động) “Rót”

GV: “Cô đang làm gì? Đang rót nước.” (nhắc hoàn toàn vì ta đã thay đổi hình thức hỏi)

HS: “Đang rót nước”

GV: Cô đang làm gì?

HS: “Đang rót nước”

*Chuyển từ nhận biết sang gọi tên*

Áp dụng với bé nói được tên hành động khi chỉ vào tranh.

GV: “Chỉ cô tranh Đang ăn.”

HS: <chỉ tranh “đang ăn” và nói > “Đang ăn”

GV: “Cậu ấy đang làm gì?”

HS: “đang ăn”

Có một số chương trình học dạy bé gọi tên cả sự vật và hành động nhưng riêng biệt với nhau. Nói cách khác, đầu tiên bé gọi tên các sự vật, sau đó, gọi tên các hành động dùng tranh làm tín hiệu đầu vào kích thích phản hồi của bé. Khi ta làm như vậy, câu ta hỏi bé có thể không còn đóng vai trò là tín hiệu đầu vào kích thích phản hồi của bé. Sau lần hỏi đầu tiên là bé đã “biết tỏng” cách trả lời dạng câu hỏi này mà không cần phải để ý tới câu hỏi nữa.

Để tránh điều này xảy ra, nên xen kẽ các dạng câu hỏi ngay khi bé có đủ khả năng làm việc này. Ví dụ, GV hoặc cha mẹ có thể hỏi bé, “Cái gì?” và sau khi bé trả lời, hãy hỏi tiếp “Cậu ấy đang làm gì?”. Khi mới dạy bé trả lời câu hỏi, hãy luôn nhắc bé đầy đủ và thực hiện đúng kỹ thuật sửa và nhắc nếu bé không chịu hồi đáp. Đừng nên sử dụng mãi cùng một tranh giống nhau để dạy bé gọi tên sự vật và hành động. Nếu không, bé sẽ hồi đáp với tranh hoặc vật chứ không phải câu ta hỏi bé. Ví dụ, nếu lúc nào ta cũng hỏi bé “Cái gì đây?” khi cho bé xem tranh con chó trong một quyển sách và “Cô bé này đang làm gì?” khi cho bé xem tranh một cô bé đang chơi đu, tín hiệu đầu vào kích thích hồi đáp của bé có thể là tranh chứ không phải là câu hỏi. Thay vì làm vậy, ta sẽ hỏi bé cả hai câu “Con này gọi là con gì?” và “Con chó đang làm gì?” nếu như đó là tranh cậu bé đang chơi với một con chó, như vậy bé sẽ phải chú ý tới câu hỏi vì tín hiệu đầu vào kích thích thị giác của bé vẫn không thay đổi.

Đến giai đoạn này, thường thì bé đã có thể trả lời đúng và phân biệt giữa câu hỏi “Gì” để gọi tên sự vật, câu “Ai” để gọi tên người và câu “…đang làm gì?” để gọi tên các hành động.

**Dạy trẻ trả lời các câu hỏi cá nhân (H5)**

Một số câu hỏi đầu tiên trẻ bình thường hay được dạy là trả lời về thông tin cá nhân chẳng hạn như tên và tuổi. Ta có thể dạy bé dạng câu hỏi này bằng cách nhắc âm hoặc bằng cách chuyển từ nhận biết (chỉ/sờ) sang gọi tên.

*Chuyển từ nhận biết sang gọi tên (nếu bé vừa nói vừa chỉ)*

GV: “Con tìm Sam cho cô”

HS <chạm vào ảnh chụp chính mình và nói> “Sam”

GV: “Tên bạn là gì?”

HS: “Sam”

Khi bé đã biết trả lời đúng câu hỏi mà không cần phải chỉ tranh trước, ta có thể bỏ dần phần dùng tranh này đi.

GV: “Tên con là gì ” (để tranh trước mặt)

HS : “Sam”

GV: (cất tranh đi) “Tên con là gì?”

HS : “Sam”

*Dạy bé trả lời câu hỏi “ Con bao nhiêu tuổi?”*

GV: “Tìm số 3.”

HS : (chỉ “số 3” và nói) “3”

GV: “Con bao nhiêu tuổi?”

HS : “3”

*Xóa dần phần nhắc bằng hình ảnh-chuyển sang hội thoại*

GV: “Con bao nhiêu tuổi (để số 3 trước mặt bé)

HS “3” (gọi tên số)

Hướng dẫn: (*cất số 3 đi*) “Con bao nhiêu tuổi?”

HS : “3”

*Nhắc âm:*

GV: “Tên con là gì? Sam”

HS : “Sam”

GV: “Tên con là gì?”

HS : “Sam”

GV: “Con bao nhiêu tuổi? Ba.”

HS : “ Ba.”

GV: “Con bao nhiêu tuổi?”

HS : “Ba.”

**Trả lời các câu hỏi về Tính từ (G13)**

Khi ta xem phần mục tiêu trong cuốn ABLLS™-R, các ví dụ trong mục “gọi tên tính từ” đều là dạng điền vào chỗ trống khi biết FFC. Tuy nhiên, để có thể gọi tên các tính từ trong những ngữ cảnh phù hợp khác, bé phải phân biệt được rất nhiều dạng câu hỏi. Lúc này, câu ta hỏi bé phải là một trong những điều kiện kích thích hồi đáp của bé và ta cần phân biệt cho bé thấy rõ hồi đáp nào thì sẽ được hưởng ứng/khích lệ/củng cố. Vì các câu ta hỏi bé tuy chúng tương ứng với các câu trả lời khác nhau nhưng lại đều na ná giống nhau, cần dạy bé biết phân biệt thành tố quan trọng (biến từ quyết định) trong các câu hỏi. Ta có thể làm việc này bắt đầu từ các câu hỏi đơn giản, ngắn gọn. Ngoài ra, ta có thể nhấn mạnh vào các biến từ quyết định (bằng cách nói từ đó to hơn các từ khác trong câu) để làm nổi bật từ đó giúp bé dễ phân biệt hơn. Việc sử dụng nhiều vật khác nhau để dạy bé trả lời các câu hỏi về tính chất cũng rất quan trọng. Làm như vậy giúp bé vừa biết phân biệt lại vừa biết khái quát hóa các dạng hồi đáp. Một khi bé đã biết hồi đáp đúng với cùng một vật nhưng khác một số đặc tính ta chủ định dạy bé, ta nên chuyển sang dạy bé với các vật không giống nhau.

**Màu gì ? (G13)**

Trong quá trình dạy bé gọi tên các màu, chúng ta sẽ dạy bé trả lời câu hỏi “Màu gì?” với các vật hiện hữu có màu nào đó. Việc này tưởng là dễ, nhưng khi ta điểm lại các câu hỏi yêu cầu bé gọi tên sự vật (VD cái gì đây? Cái gì kia? Cái này gọi là gì?) và câu hỏi yêu cầu bé gọi tên hành động (VD “…đang làm gì?”) thì ta sẽ thấy các câu đó đều có từ “Gì”. Nhiều bé có thể chỉ (nhận biết) và gọi tên các màu, nhưng khi ta hỏi bé nhiều dạng câu đan xen, lại trả lời câu hỏi “màu gì?” bằng cách gọi tên sự vật. Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng tình trạng ta vô tình dạy bé nói “màu” nhưng chỉ khi tên của vật được nêu trong câu lệnh rất hay xảy ra. Ví dụ, nếu ta hỏi bé, “quả bóng màu gì?” bé có thể trả lời được “màu đỏ” nhưng nếu ta chỉ hỏi “Màu gì?” đồng thời giơ quả bóng lên, bé có thể sẽ trả lời là “quả bóng”. Trong trường hợp này, bé có thể cho là hễ có tên sự vật (gọi tên sự vật) trong câu hỏi thì sẽ phải trả lời tên màu chứ không phải là do có từ quan trọng hơn-“màu” trong câu hỏi.

Để dạy bé trả lời câu hỏi “màu gì?” đầu tiên chúng ta phải dạy bé hồi đáp với riêng từ chỉ màu trước rồi từ đó chuyển hồi đáp này của bé sang ngữ cảnh mới. Chúng ta có thể chuyển theo những cách sau:

*Chuyển từ Yêu cầu sang Gọi tên (\* phải chắc là bé biết yêu cầu sự vật có thực rất thạo trước khi dạy bé yêu cầu với tính từ)*

HS (thực sự muốn quả bóng và sẽ đòi) “Quả bóng.”

GV : (Có một quả màu đỏ và một quả màu xanh – mỗi lần giơ một quả) “Đỏ? Xanh?”

HS: “Đỏ.”

GV: “Màu gì?”

HS: “Đỏ.”

*Chuyển từ Nhận biết sang Gọi tên*

Muốn chuyển theo cách này, bé phải chịu gọi tên màu khi bé chỉ. Khi mới dạy, hãy nhắc bé hoàn toàn bằng cách chỉ vào màu đúng sau khi hỏi bé.

GV: “Chỉ cô màu đỏ”

HS: <chạm vào màu đỏ và nói> “màu đỏ”

GV: “màu gì?”

HS: “Màu đỏ”

*Chuyển bằng kỹ thuật điền vào chỗ trống - (áp dụng với bé biết gọi tên màu nhưng có lúc không trả lời được câu “màu gì?”)*

GV: (chỉ vào quả bóng xanh) “Quả bóng này màu xanh” (chỉ vào quả bóng đỏ) “Quả bóng này màu …”

HS: “Màu đỏ”

GV: “Màu gì?”

HS: “ Màu đỏ”

Khi mới dạy bé, điều rất quan trọng là KHÔNG được khích lệ/củng cố bé khi bé nói cả màu và tên vật để trả lời câu hỏi “Màu gì?” hoặc “Cái gì?”. VD, nếu như khi giơ bóng ra và hỏi “Đây là cái gì?” mà bé trả lời là “bóng đỏ”, thì ta KHÔNG nên khích lệ/khuyến khích/củng cố câu trả lời này của bé. Câu trả lời ta cần ở đây là “quả bóng”. Ta thường quên điều này vì quá vui sướng khi bé bắt đầu biết kết hợp từ, vì thế chúng ta thậm chí còn thưởng/khen/khích lệ bé vì đã nói được câu dài hơn như thế.

Điều quan trọng hơn thế là phải dạy cho bé biết phân biệt giữa các dạng câu hỏi khác nhau. Một khi bé đã liên tục trả lời đúng các câu hỏi “Màu gì?” chúng ta có thể chuyển hồi đáp này sang các câu hỏi liên quan như “Cái này màu gì? Quả bóng này màu gì?” …

**Cỡ gì? (G13)**

Khi mới dạy bé về kích cỡ, nên dùng 2 vật giống hệt nhau chỉ khác về kích cỡ.

*Chuyển từ Yêu cầu sang Gọi Tên (\*bé phải biết yêu cầu sự vật thật thạo trước khi thêm các tính từ)*

HS: muốn bánh quy và đòi “bánh quy”

GV: (*có hai cái bánh, một cái to một cái nhỏ-giơ lần lượt mỗi lần một cái và hỏi)*  “To? Nhỏ?”

HS: “To”

GV: “Cỡ nào?”

HS: “To”

*Chuyển từ Nhận biết sang Gọi tên*

Bé phải nói tên cỡ khi bé chỉ. (Thời gian đầu mới dạy, cần nhắc bé hoàn toàn sau 0 giây)

GV: (*có một quả bóng to và một quả bóng nhỏ*) “Chạm vào quả bóng to.”

HS: <Chạm vào quả bóng to và nói > “To”

GV: “Cỡ nào?”

HS: “To.”

*Chuyển tiếp dùng kỹ thuật điền vào chỗ trống*

Sau giai đoạn dạy ban đầu, nhiều trẻ có thể sử dụng các tính từ nghĩa đối lập. Nếu vậy, ta có thể từ hồi đáp này dạy bé trả lời câu hỏi “Kích cỡ gì?”

GV: “ Quả bóng này là nhỏ. Quả bóng này là …”

HS: “To.”

GV: “Cỡ nào?”

HS: “To.”

**Hình gì? (G13)**

Câu hỏi nàynhằm yêu cầu bé nói hình dạng của các đồ vật. Ta có thể sử dụng kỹ thuật chuyển tiếp giống như đã nêu ở phần trên.

**……..cảm thấy thế nào? …….cảm thấy gì? (G11)**

Đây là một câu hỏi yêu cầu bé dùng các tính từ miêu tả cảm nhận bằng xúc giác của mình chẳng hạn như nhiệt độ hoặc chất liệu (nóng, lạnh, nhẵn, gồ ghề, mềm/cứng). Giáo viên có thể tạo ra những “cảm giác này” bằng cách đưa ra hai thứ chỉ khác nhau ở đặc tính ta chủ định dạy bé. Ví dụ, có thể dùng hai cái khăn, một cái ẩm, một cái khô, để dạy bé dùng từ “ ẩm” hoặc “ khô” để trả lời câu hỏi “Con thấy thế nào khi sờ cái khăn này nhỉ?” Ta vẫn có thể sử dụng kỹ thuật dạy/chuyển với các tính từ khác đã nói ở phần trên.

Những câu hỏi này cũng được dùng để yêu cầu bé gọi tên các “cảm xúc”. Rất nhiều bậc cha mẹ bày tỏ mong muốn tột bậc con họ có thể nói ra cảm xúc của chúng. Việc này thường không dễ vì không phải lúc nào chúng ta cũng “biết” câu trả lời đúng để nhắc bé. Cảm xúc là “cảm giác” rất riêng tư của từng bé. Cách duy nhất chúng ta có thể đoán ra cảm giác của một người là để ý những hành vi mà chúng ta thường gắn với một số cảm xúc. Ví dụ, ta dễ dàng có thể biết ai đó đang cảm thấy mệt/ốm nếu người đó đang nôn, hoặc người đó “tức giận” nếu họ đang trong cơn cáu giận. Đáng tiếc là những biểu hiện này thường không xuất hiện đúng lúc ta cần để dạy bé về cảm xúc vì rất khó để khơi gợi được những hành vi này ở bé! Khi chúng ta dạy bé về những cảm xúc, chúng ta có thể dạy bé hồi đáp với một số đặc tính hay hành động cụ thể của cá nhân bộc lộ cảm xúc. Ví dụ, ta có thể dạy bé phân biệt nếu thấy nước mắt hay cau mày thì phải trả lời là “buồn” và thấy ai mỉm cười hoặc bật cười thì trả lời là “vui vẻ” với các câu hỏi “ ……..cảm thấy thế nào? “

**Cái đó có vị như thế nào?**

Câu hỏi này thường được dùng để dạy các tính từ liên quan đến các vị như “mặn”, “ngọt”, “cay”. Cũng như các tính từ khác, nên dùng 2 vật giống hệt nhau và chỉ khác nhau ở tính chất ta chủ định dạy bé. Ví dụ, muối và đường trông thì giống nhau nhưng khác nhau về vị. Bé sẽ nếm và gọi tên các vị đó. Hãy dạy bé trả lời câu hỏi này với kỹ thuật chuyển như đã nói ở trên.

**Cái đó mùi như thế nào?**

Câu hỏi này được dùng để yêu cầu bé dùng các các tính từ liên quan đến mùi như là “thối/hôi”, “hăng”, “xộc mùi” … Thường thì, các tính từ chỉ mùi và vị gần giống nhau nên khi bé đang ăn hoặc ngửi thứ gì, ta nên xác định rõ dạng câu hỏi để dẫn dắt bé trả lời đúng câu bạn muốn.

**Trông nó giống cái gì? Trông nó như thế nào?**

Những câu hỏi này mang tính “chung chung” hơn và có thể có nhiều cách trả lời liên quan đến đặc tính/đặc điểm bề ngoài. Câu trả lời “đúng” không nhất định phải là một đặc tính cụ thể nào mà phụ thuộc vào cảm tính của mỗi người. Câu trả lời “đúng” có thể là về màu sắc, hình dáng, kích cỡ, hoặc thậm chí các bộ phận của đồ vật. Câu hỏi này thường được dùng khi ta dạy bé các tính từ không xếp được vào nhóm tính từ nào như cỡ, màu v.v... (ví dụ, cong/thẳng, xoăn, hẹp/rộng, cao/thấp).

Câu hỏi này còn được dùng để yêu cầu bé chỉ ra vật có đặc điểm bề ngoài tương tự với vật khác. Khi chúng ta dạy bé trả lời câu hỏi theo bé vật đó trông giống cái gì, là chúng ta đã yêu cầu bé gọi tên một hiện tượng “mang tính cảm nhận cá nhân”. Ví dụ, khi nhìn vào đám mây, có người sẽ nói đám mây “trông như” một con thuyền, trong khi người khác có thể nói đám mây đó “giống” con chim. Cả hai câu trả lời đều đúng vì mỗi người có cách gọi tên hiện tượng đó theo cách của riêng họ. Những câu hỏi như “Cái đó vị/mùi/sờ có cảm giác gì?” cũng có thể được dùng để dạy trẻ mô tả các đặc tính nói lên nét tương đồng giữa các vật.

**Loại gì? Loại nào?**

Những câu hỏi “chung chung” hơn kiểu này sẽ khiến bé phải dùng đến một loạt các tính từ. Câu trả lời cho câu hỏi này không liên quan đến cụ thể một loại tính từ nào. Ví dụ nếu hỏi “Con muốn ăn loại bánh gì?” để bắt bé dùng các tính từ khi yêu cầu, câu trả lời “đúng” có thể là màu sắc, hình dáng, mùi vị, loại, hoặc thậm chí là nhãn hiệu. Ta thường hỏi bé câu này để giúp bé hiểu rằng cần “thêm thông tin” hoặc cần cụ thể hóa hơn yêu cầu của bé. Ví dụ, nếu ta giơ 3 quả bóng, và bé đòi “bóng”, bé sẽ phải nói một tính từ để chỉ rõ bé muốn quả bóng nào.

Chức năng, đặc tính, chủng loại (FFC)**-** Khi chúng ta dạy bé gọi tên hành động, các bộ phận của các vật và các tính từ, chúng ta nên dạy luôn bé trả lời các câu hỏi về mối liên hệ giữa hai hay nhiều sự vật. Trong cuốn ABLLS™-R, nội dung này được gọi là “đặc tính, chức năng và chủng loại”.

“Đặc tính” là các thuộc tính/tính chất hoặc các bộ phận cấu thành sự vật. Ví dụ, ta có thể dạy bé đặc tính của một quả bóng là “ tròn” và của xe hơi là “tay lái”, “thắt dây an toàn”, “lốp xe”.

“Chức năng” là việc người ta thường dùng đồ vật đó để làm. Ví dụ, một trong những chức năng của “bóng” là “đập cho nảy lên” và một trong những chức năng của ôtô là “để đi”

“Chủng loại” là cách thức liên kết, chia loại hoặc phân cấp một vật với các vật khác.

Các bé ít tuổi thường phân loại các vật theo chức năng vì thế với các bé này “chủng loại” và “chức năng” có thể đều như nhau. Ví dụ “thứ ta cưỡi” và “thứ ta ăn” là chủng loại nhưng cũng là chức năng.

Sau đó trẻ bình thường ở độ tuổi 4-5 sẽ học phân loại các sự vật theo các phạm trù. Phạm trù đầu tiên mà các bé thường được học là động vật, đồ ăn, đồ chơi, và quần áo. Ngoài ra, cũng nên dạy bé phạm trù màu sắc. Việc này có thể giúp bé biết phân biệt câu hỏi “Màu gì?” với câu “ Đây là cái gì?”

**Choïn chuû ñeà ñeå ñaët caâu hoûi cho beù**

Phöông aùn toát nhaát laø choïn caùc chuû ñeà cho noäi dung Yeâu caàu, Goïi teân vaø FFC döïa theo sôû thích/quan taâm cuûa töøng beù. Yeâu caàu phaûi laø noäi dung ta daïy beù ñaàu tieân vì noù laø khía caïnh ngoân ngöõ duy nhaát cho beù thaáy “söùc maïnh cuûa lôøi noùi”. Do vaäy, chuû ñeà ñaàu tieân cuûa noäi dung nhaän bieát, goïi teân vaø FFC neân laáy töø caùc chuû ñeà cuûa phaàn Yeâu caàu.

Phaûi coâng nhaän laø coù moät soá beù haàu nhö khoâng thích baát cöù ñoà chôi hay troø chôi gì ñeå ta coù theå laáy laøm phaàn thöôûng. Vôùi nhöõng beù naøy, phaûi taäp trung vaøo noäi dung yeâu caàu, nhöng khoâng phaûi vì theá maø ta khoâng ñeà caäp ñeán caùc khía caïnh ngoân ngöõ khaùc. Chuû ñeà cuûa caùc khía caïnh Yeâu caàu, Nhaän bieát, Goïi teân vaø FFC coù theå laø nhöõng thöù beù thöôøng tieáp xuùc haøng ngaøy. Coù theå nhöõng thöù naøy beù khoâng thöïc söï thích nhöng beù coù theå seõ caàn ñeán vaät ñoù ñeå laøm nhöõng vieäc thöôøng ngaøy. Ví duï, neáu beù muoán aên nguõ coác, 1 caùi thìa seõ trôû neân quyù giaù vôùi beù. Neáu beù muoán ñi ra ngoaøi, ñoâi giaøy cuûa beù seõ trôû neân quyù giaù. Neáu beù muoán toâ maøu, giaáy seõ trỏ thaønh quyù giaù.

Ta chæ neân daïy beù FFC vôùi nhöõng thöù beù ñaõ yeâu caàu ñöôïc tröôùc ñoùù. GV coù thể “naém baét” ñoäng löïc thieát laäp cuûa beù ví duï ñeå yù khi beù theå hieän söï quan taâm ñeán 1 vaät hay taïo neân ñoäng löïc thieát laäp theo caùch ñaõ noùi ôû treân. Hôn nöõa, ta neân noã löïc laøm gia taêng theâm nhöõng vaät maø beù thích baèng caùch gaén keát ñoà chôi vaø troø chôi vôùi caùc vaät beù ñaõ thích. Ñoù coù theå laø nhöõng vaät cuûng coá sô caáp nhö ñoà aên, cuø ki, oâm, giaû nhöõng tieáng keâu ngoà ngoä hay nhöõng vaät cuûng coá coù ñieàu kieän khaùc hoaëc ñoà chôi beù ñaõ bieát vaø thích chôi.

Ñeå choïn FFC daïy cho töøng beù, boá meï vaø GV neân quan saùt kyõ beù ñeå xem ñaëc tính hay chöùc naêng naøo thì beù deãõ höôûng öùng. Quan troïng laø caùc chuû ñeà löïa choïn phaûi phuø hôïp vôùi beù chöù khoâng nhaát thieát phaûi ñuùng veà quan heä ngöõ nghóa. Ví duï, neáu beù thích xe ñaïp nhöng chæ thích troø quay peâ-ñan, “peâ-ñan” seõ laø 1 “boä phaän” hay “ñaëc tính” quan troïng ñeå daïy beùù. Beù khaùc coù theå cuõng thích xe ñaïp nhöng laïi khoaùi troø baám chuoâng. Vôùi beù ñoù, chuoâng seõ laø “boä phaän” hay ñaëc tính quan troïng ñeå daïy beù. Beù khaùc coù theå khoâng thích ñi xe ñaïp nhöng laïi ñoøi ngöôøi lôùn ñi xe ñeå beù ñöôïc thaáy baùnh xe quay. Ñoái vôùi beù naøy, “baùnh xe” seõ laø 1 chuû ñeà quan troïng.

Ñoàng thôøi cuõng phaûi xem caùch beù tieáp xuùc baèng tay vôùi caùc vaät. Neáu beù khoâng bao giôø chòu sôø vaøo meøo nhoài boâng hay meøo thaät, “meàm” coù theå khoâng phaûi laø 1 ñaëc tính phuø hôïp ñeå daïy beù. Coøn neáu beù raát hay sôø vaøo caùc vaät khaùc nhau, nhaát laø caùc vaät “meàm”, ñoù seõ laø 1 ñaëc tính phuø hôïp ñeå daïy beù. Vôùi beù thích nhìn nhöõng vaät daøi hoaëc saùng boùng, ñaây seõ laø ñaëc tính quan troïng cuûa “dóa” chöù khoâng phaûi laø ñaëc tính coù raêng.

Khi quyeát ñònh neân daïy beù chöùc naêng naøo, neân löu yù beù thöôøng hay laøm gì vôùi vaät ñoù. Haõy nhôù coù vaät coù nhieàu chöùc naêng cuõng nhö ñaëc tính. Treân thöïc teá, trong ABLLS, muïc tieâu cuûa phaàn hoäi thoaïi veà FFC (H10, H7, H12) lieät keâ caùc tieâu chí laøm thaïo laø “20 hoaëc hôn soá laàn ñieàn vaøo choã troáng vôùi 2 hoài ñaùp. Ví duï, que coù theå duøng ñeå choïc hay quay. Chaên coù theå duøng ñeå troán, uû aám, hay döïng leàu. Con quay coù theå duøng ñeå quay hoaëc xem. Quan troïng laø beù thích laøm gì vôùi vaät naøy?

Ña phaàn beù bình thöôøng hoïc veà chöùc naêng tröôùc tieân. Vieäc naøy coù theå hieåu ñöôïc vì chuùng coù lieân quan ñeán chöùc naêng yeâu caàu cuûa ngoân ngöõ. Neáu beù yeâu caàu 1 vaät gì, veà maët loâgíc beù seõ muoán laøm caùi gì ñoù vôùi vaät ñoùù! Nhöõng haønh ñoäng beù yeâu caàu ñeå laøm vôùi 1 vaät seõ cho baïn yù töôûng veà chuû ñeà baïn coù theå choïn cho muïc “chöùc naêng”.

Löu yù raèng beù neân hoïc phaân loaïi caùc vaät theo nhieàu chöù khoâng chæ moät caùch. Moät trong nhöõng caùch ñaàu tieân thöôøng laø phaân loaïi caùc söï vaät laø döïa vaøo chöùc naêng. “Thöù ta maëc”, “Thöù ta aên”, “Thöù ta chôi” thöôøng ñöôïc daïy tröôùc khi beù phaân loaïi theo phaïm truø nhö “quaàn aùo”, “thöùc aên” vaø “ñoà chôi”. Thöïc teá, ñoái vôùi moät vaøi beù, khi chuùng ñaõ hoïc “thöù ta aên” laøø 1 kieåu phaân loaïi, thì raát deã chuyeån nhöõng hoài ñaùp veà chuûng loaïi naøy sang “thöùc aên” baèng caùch daïy “Thöù ta aên ñöôïc goïi laø (thöùc aên)”. Thöôøng thì khi beù ñaõ naém vöõng moät soá FFC cuûa moät chuû ñeà, khi ta theâm moät ñaëc tính hay chöùc naêng môùi cho chuû ñeà ñoù, ta seõ khoâng phaûi daïy laïi beù caùch hoài ñaùp.

Trong soá caùc FFC khaùc nhau coù theå choïn laøm chuû ñeà daïy beù, khoâng caàn thieát phaûi daïy beù taát caû cuøng 1 luùc. Haõy choïn chuû ñeà naøo phuø hôïp nhaát vôùi sinh hoaït hieän taïi cuûa beù. Khi beù ñaõ tieán boä trong söû duïng ngoân ngöõ vaø beù ñaõ coù theå hoài ñaùp vôùi caùc vaät baèng nhieàu caùch phong phuù hôn, ta coù theå taêng soá FFC naïp cho beù. Ñoái vôùi nhöõng beù ñaõ khaù, chuùng ta seõ söû duïng nhöõng FFC naøy ñeå chuyeån sang daïy beù moâ taû vaø ñònh nghóa caùc vaät. Khi baïn tìm theâm caùc chuû ñeà daïy beù, haõy lieân töôûng ñeán nhöõng gì baïn seõ noùi vôùi 1 ngöôøi nöôùc ngoaøi khi hoï nhôø baïn giaûi thích teân goïi cuûa caùc vaät. Ví duï, neáu hoï hoûi “meøo” laø gì, baïn coù theå noùi vôùi hoï “Ñoù laø 1 loaïi ñoäng vaät ngöôøi ta giöõ laøm vaät nuoâi trong nhaø. Coù ria meùp vaø ñuoâi daøi. Noù coù moùng vuoát vaø bieát caøo. Chuùng ta vuoát ve chuùng. Noù coù boä loâng meàm. Choù ñuoåi chuùng”. Töø ñoù chuùng ta seõ laáy “ñoäng vaät”, “vaät nuoâi”, “meàm”, “boä loâng”, “ria meùp”, “ñuoâi daøi”, “moùng vuoát”, “caøo”, “vuoát ve” laøm chuû ñeà ñeå daïy beù FFC. Neáu baïn thaáy khoù choïn caùi naøo phuø hôïp, haõy hoûi 1 treûû phaùt trieån bình thöôøng cuøng ñoä tuoåi vôùi con baïn ñeå “keå” hay “moâ taû” cho baïn veà vaät ñoù.

Nhieàu phuï huynh noùi coù luùc hoï khoâng taùch baïch ñöôïc caùi naøo laø ñaëc tính hay chöùc naêng. Theo kinh nghieäm thì neáu chuû ñeà ñoù laø ñoäng töø, coù theå coi ñoù laø chöùc naêng. Neáu laø danh töø, coù theå coi laø laø 1 “boä phaän” hay ñaëc tính. Neáu ñoù laø 1 tính töø hay phoù töø, thì coù theå coi ñoù laø 1 ñaëc tính. Nhö ñaõ ñeà caäp tröôùc ñoù, coù theå phaân loaïi caùc vaät theo nhieàu caùch vì vaäy danh töø, ñoäng töø vaø caùc tính töø coù theå ñöôïc daïy nhö laø caùc chuûng loaïi.

Khoâng coù “con soá maøu nhieäm” naøo cho soá löôïng FFC caàn daïy beù moãi laàn vôùi moãi vaät. Vôùi beù coøn beù ta coù theå daïy beù 1 FFC vaø khi beù tieáp xuùc nhieàu hôn vôùi vaät ñoù, ta coù theå daïy theâm FFC. Ví duï, coù theå daïy beù 3 tuoåi traû lôøi “caùi boâ” khi ñöôïc hoûi “Con teø vaøo caùi gì?” hay “Con xaû nöôùc caùi gì theá?”, vieäc choïn FFC cuûa “caùi boâ” laø “caùc ñoà coá ñònh trong nhaø taém” hay ”ñoà söù” khoâng phuø hôïp vôùi löùa tuoåi naøy cuûa beù! Ñoái vôùi nhöõng beù môùi hoïc, moãi vaät chæ neân daïy beù 3 hay 4 FFC moãi laàn. Nhöõng vaät/chuû ñeà naøy neân choïn caùi gì phuø hôïp nhaát sinh hoaït cuûa beù chöù khoâng nhaát thieát laø moãi vaät phaûi daïy 1 chöùc naêng, 2 ñaëc tính vaø 1 chuûng loaïi. Moät vaät coù theå coù nhieàu chöùc naêng phuø hôïp vôùi beù nhöng laïi khoâng coù chuûng loaïi naøo phuø hôïp. Vôùi vaät khaùc, ta coù theå choïn ñöôïcù 1 “chuûng loaïi” vaø nhieàu “ñaëc tính” nhöng khoâng “chöùc naêng” naøo caû. Khoâng neân choïn chuû ñeà naøo ñoù chæ ñeå moãi nhoùm FFC ta coù moät chuû ñeà. (Coù theå xem caùc ví duï veà caùc chuû ñeà FFC trong cuoán caåm nang cuûa Partington vaø Sundburg *“Daïy ngoân ngöõ cho beùû töï kyû vaø caùc treûû chaäm phaùt trieån khaùc”*.)

Baïn seõ nhaän thaáy raèng trong cuoán ABLLS, phaàn hoài thoaïi lieân quan ñeán “caùc chuûng loaïi” lieät keâ baøi H11 “ñieàn chuûng loaïi khi bieát teân vaät” roài môùi ñeán baøi H12 “ñieàn teân vaät khi bieát chuûng loaïi”. Coù yù kieán cho raèng ñaây laø loãi in aán vaø bao giôø cuõng neân ñeå beù baét ñaàu vôùi baøi noùi teân vaät. Nhöng neáu ta ñeå yù laø neáu beù chæ ñöôïc daïy teân 2 chuûng loaïi, beù ñieàn chuûng loaïi “thöùc aên” hay “ñoäng vaät” seõ deã hôn laø ñieàn vaøo caâu “1 loaïi thöùc aên laø 1…..…” vì caâu hoûi sau coù nhieàu caùch traû lôøi hôn. Vôùi beù, ñieàn teân chuûng loaïi khi bieát teân vaät thöôøng deã hôn ñieàn teân vaät khi bieát chuûng loaïi. Haõy quan saùt xem beù cuûa baïn laøm daïng ñieàn naøo toát hôn ñeå quyeát ñònh neân daïy beù daïng naøo tröôùc.

Quan troïng laø beù coù theå goïi teân caùc phaàn (boä phaän) vaø caùc tính töø lieân quan tröôùc khi ta cho nhöõng noäi dung ñoù vaøo phaàn FFC khi thích hôïp ñeå traùnh tình traïng beù traû lôøi veït. Daïy beù goïi teân caùc boä phaän vaø tính töø tröôùc seõ giuùp beù bieát nhaän ra ñuùng töø ñeå hoûi. Ví duï, neân daïy beù bieát nhaän bieát vaø toát nhaát laø caû goïi teân “ria meùp, loâng, ñuoâi, meàm” cuûa 1 con meøo tröôùc khi choïn nhöõng ñaëc tính naøy ñeå daïy beù FFC cuûa “meøo”.

Vì caâu hoûi yeâu caàu goïi teân caùc boä phaän gioáng caâu hoûi yeâu caàu goïi teân caùc söï vaät, vì theá ta khoâng caàn beù phaûi bieát phaân bieät giöõa nhieàu ngöõ caûnh hôn. Beù chæ caàn goïi teân caùi ta chæ hoaëc noùi ñeán khi coù tín hieäu ñaàu vaøo/caâu leänh “Ñaây laø caùi gì?” hay moät kích thích khu bieät töông töï. Ta coù theå söû duïng kyõ thuaät chuyeån nhö ñaõ aùp duïng vôùi phaàn goïi teân caùc söï vaät. Tuy nhieân, neân löu yù coù nôi cuõng söû duïng ABLLs laøm giaùo trình cho raèng khoâng nhaát thieát phaûi daïy beù nhöõng kyõ naêng tieàn ñeà naøy tröôùc khi daïy beù FFC, chæ caàn ta seõ daïy beù veà caùc boä phaän/tính töø naøy luùc naøo ñoù trong chöông trình hoïc.

Baïn seõ thaáy trong cuoán ABLLs caùc muïc tieâu veà FFC coù trong caùc phaàn hoäi thoaïi, goïi teân vaø nhaän bieát; tuy nhieân nhöõng kyõ naêng naøy thöôøng ñöôïc daïy cuøng luùc. Duøng kyõ naêng naøy ñeå daïy kyõ naêng khaùc ñöôïc goïi laø “kyõ thuaät chuyeån”.

Caùc muïc tieâu trong cuoán ABLLS lieân quan ñeán phaàn daïy FFC bao goàm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| NHAÄN BIEÁT  (vôùi vaät ñang hieän höõu) | GOÏI TEÂN  (vôùi vaät ñang hieän höõu) | HOÄI THOAÏI  (vôùi vaät khoâng hieän höõu) |
| C20: Löïa choïn theo chöùc naêng  VD: Sôø vaøo thöù ta aên | G12: Goïi teân khi bieát chöùc naêng  VD: chuùng ta aên caùi gì? | H6: Ñieàn vaøo choã troáng caùc töø moâ taû caùc hoaït ñoäng thöôøng thaáy  VD: Chuùng ta nguû Treân……..……  H7: Ñieàn vaøo choã troáng teân vaät khi bieát chöùc naêng  VD: Chuùng ta aên…..……  H16: Traû lôøi caùc daïng caâu hoûi “Gì”  VD: Caùi gì laø moät thöù ta aên? |
| C21: Choïn theo Ñaëc tính  VD: Choïn thöù coù caùc haït soâ-coâ-la | G13 Goïi teân khi bieát ñaëc tính  VD: Caùi naøo laø thöùc aên? | H10 Ñieàn vaøo choã troáng teân vaät khi bieát ñaëc tính  VD: Thöù coù haït Soâ-coâ-la laø …..  H16 Traû lôøi caùc daïng caâu hoûi “Gì?”  VD: Caùi gì coù haït Soâ-coâ-la? |
| C22 Choïn theo chuûng loaïi  VD: Sôø vaøo thöùc aên | G14: Goïi teân vaät khi bieát chuûng loaïi  VD: Caùi naøo laø thöùc aên? | H12: Ñieàn vaøo choã troáng teân vaät khi bieát chuûng loaïi  VD: ….. laø 1 daïng thöïc phaåm. |
|  | G15: Goïi teân chöùc naêng cuûa moät vaät  VD: Chuùng ta duøng coác ñeå laøm gì? | H8: Ñieàn vaøo choã troáng chöùc naêng khi bieát teân vaät  VD: Chuùng ta duøng chieác coác ñeå..………… |
|  | G16: Goïi teân chuûng loaïi cuûa söï vaät  VD: Con choù laø gì? (con vaät) | H11: Ñieàn vaøo choã troáng chuûng loaïi khi bieát teân vaät  VD: Con choù laø 1 ..……………… |
|  | G10: Goïi teân caùc boä phaän/ñaëc tính cuûa vaät  VD: Con voi coù caùi gì? | H9: Ñieàn vaøo choã troáng ñaëc tính khi bieát teân vaät  VD: Con voi coù…caùi……… (ngaø/voøi) |
|  | G11: Goïi teân caùc tính töø  VD: Kích thöôùc cuûa con voi laø gì? | H9: Ñieàn vaøo choã troáng ñaëc tính khi bieát teân vaät  VD: Con voi thì..…………… (to) |

Khi baét ñaàu daïy beù FFC, haõy baét ñaàu töø noäi dung beù ñaõ laøm ñöôïc. Haõy ñònh ra moät hoài ñaùp beù ñaõ laøm thaïo vaø chuyeån hoài ñaùp naøy sang boái caûnh môùi. Baïn coù theå daïy beù ñieàn vaøo choã troáng tröôùc, sau ñoù chuyeån sang traû lôøi caâu hoûi khi beù ñaõ thaïo ñieàn vaøo choã troáng. Lyù do laø kyõ thuaät ñieàn vaøo choã troáng khoâng ñoøi hoûi phaûi coù “caâu traû lôøi”. Neáu beù khoâng ñieàn vaøo choã troáng töø ta muoán, GV seõ ñieàn. Neáu tröôùc ñoù kyõ thaät ñieàn vaøo choã troáng ñaõ ñöôïc duøng ñeå giuùp beù neâu yeâu caàu, beù coù theå ñaõ hoài ñaùp veà FFC nhieàu laàn khi yeâu caàu, vì theá vôùi beù ñieàn vaøo choã troáng coù theå xem nhö goïi teân. Ví duï, neáu khi daïy beù ñoøi/yeâu caàu “bong boùng” thì GV thöôøng noùi “Thoåi bong boùng, Thoåi\_\_\_…” vaø beù seõ traû lôøi laø “bong boùng” (sau ñoù beù seõ ñöôïc thöôûng bong boùng), seõ deã daøng daïy beù söû duïng hoài ñaùp naøy ngay caû khi beù khoâng muoán bong boùng. Thay ñoåi duy nhaát seõ laø ñoäng löïc thuùc ñaåy (EO)/nhu caàu cuûa beù ñoái vôùi bong boùng ñaõ thay ñoåi.

Sau ñaây laø VD veà kyõ thuaät chuyeån söû duïng khi daïy beù traû lôøi caùc caâu hoûi veà FFC:

*Chuyeån töø Nhaän bieát sang Nhaän bieát FFC*

Neáu beù coù theå chæ moät vaät khi ta noùi teân vaät nhöng khoâng bieát traû lôøi caâu hoûi veà vaät ñoù thì phaûi laøm theá naøo?

Co**ù** ngöôøi choïn caùch baét ñaàu daïy FFC baèng hoài ñaùp veà nhaän bieát. Trong tröôøng hôïp naøy, ta coù theå chuyeån töø hoài ñaùp nhaän bieát söï vaät sang nhaän bieát FFC. Ta coù theå deã daøng taïo ra tình huoáng khieán beù phaûi hoài ñaùp nhaän bieát FFC trong moâi tröôøng töï nhieân. Ví duï, neáu baïn bò öôùt, haõy baûo beù “laáy caùi gì ñeå lau khoâ”. Hoaëc, giaû duï baïn bò öôùt, haõy yeâu caàu beù “laáy caùi gì ñoù ñeå lau”. Hoaëc baïn coù theå giaû boä khaùt nöôùc vaø yeâu caàu beù “laáy caùi gì ñoù ñeå uoáng”. Haõy daïy beù baét ñaàu töø hoài ñaùp beù ñaõ laøm thaïo nhö sôø vaøo vaät khi nghe “teân” vaät.

GV: “Sôø khaên”

Beù: <sôø khaên>

GV: “Caùi naøo chuùng ta coù theå duøng ñeå lau khoâ?”

Beù: <sôø khaên>

ÔÛ laàn ñoái thoaïi thöù 2, phaàn nhieàu laø beù seõ chòu sôø khaên laàn nöõa vì beù vöøa laøm vieäc ñoù ôû laàn 1 xong. Moät caùch daïy khaùc laø nhaéc beù hoaøn toaøn caùch hoài ñaùp veà FFC baèng caùch sôø vaøo vaät/tranh cuøng luùc ra caâu hoûi (nhaéc sau 0 giaây)

*Chuyeån töø Goi teân sang Goïi teân khi bieát FFC* – (AÙp duïng vôùi beù goïi ñöôïc teân söï vaät nhöng khoâng chòu hoài ñaùp caùc caâu hoûi)

GV: “Ñaây laø caùi gì?”

Beù: “Caùi chaên”

GV: “Chuùng ta ñaép baèng caùi gì?”

Beù: “Caùi chaên”

*Chuyeån töø Ñieàn vaøo choã troáng sang Goïi teân khi bieát FFC* – (AÙp duïng vôùi beù hoài ñaùp toát vôùi baøi taäp “ñieàn vaøo choã troáng”)

GV: “Chuùng ta ñaép chaên. Chuùng ta ñaép\_\_\_\_\_”

Beù: “Chaên”

*Chuyeån töø Ñieàn vaøo choã troáng sang Caâu hoûi hoäi thoaïi?* *Chuyeån caâu hoûi (vôùi vaät ñang hieän höõu – goïi teân khi bieát FFC)* - AÙp duïng vôùi beù coù theå ñieàn vaøo choã troáng teân goïi nhöng khoâng hoài ñaùp vôùi caùc caâu hoûi hoäi thoaïi.

GV: “Chuùng ta ñaép baèng\_\_\_\_”

Beù: “Chaên”

GV: “Chuùng ta ñaép baèng caùi gì?”

Beù: “Chaên”

*Chuyeån töø Nhaän bieát FFC sang Goïi teân khi bieát FFC* – (AÙp duïng vôùi beù goïi ñöôïc teân vaät khi chæ vaøo vaät ñoù)

Töø goïi teân/tieáp thu chuyeån sang hoài ñaùp goïi teân khi bieát FFC. Quan troïng laø baïn seõ töø hoài ñaùp cuûa BEÙ daïy beù hoài ñaùp trong boái caûnh môùi. Neáu beù khoâng noùi teân vaät khi chæ vaøo vaät, baïn khoâng coù hoài ñaùp ñeå chuyeån sang boái caûnh môùi

GV: (ñeå 1 con meøo hay tranh meøo tröôùc maët beù) “Sôø vaøo con coù ria meùp”

Beù: <sôø vaøo con meøo VAØ noùi> “meøo”

GV: “Con gì coù ria meùp?”

Beù: “Meøo” (goïi teân khi bieát ñaëc tính/boä phaän)

*Chuyeån sang Hoäi thoaïi* (*veà söï vaät khoâng hieän höõu*) – Neáu beù coù theå goïi teân vaät khi ñöôïc hoûi nhöng khoâng bieát hoài ñaùp khi vaät ñoù khoâng hieän höõu thì laøm theá naøo? Nhieàu beù töï kyû coù theå traû lôøi caùc caâu hoûi khi vaät ñoù hieän höõu nhöng khoâng theå traû lôøi khi khoâng coù noù. Ñoái vôùi haàu heát caùc beù, caàn boû daàn daàn kích thích thò giaùc laø vaät hieän höõu ñeå beù hoïc traû lôøi (hoài ñaùp) chæ vôùi caâu hoûi (kích thích laø lôøi noùi cuûa 1 ngöôøi).

*Chuyeån töø Goïi teân sang Hoäi thoaïi veà vaät khoâng hieän höõu*

GV: *(vôùi chaên ñeå tröôùc maët)* “Chuùng ta ñaép caùi gì?”

Beù: “Caùi chaên”

GV: (giaáu chaên sau löng) “Chuùng ta ñaép baèng caùi gì?”

Beù: “Chaên”

*Chuyeån töø Ñieàn vaøo choã troáng sang Hoäi thoaïi veà vaät khoâng hieän höõu*

GV: (khoâng ñeå chaên tröôùc maët) “Chuùng ta ñaéùp baèng\_\_\_\_”

Beù: “Caùi chaên”

GV: “Chuùng ta ñaép baèng caùi gì?”

Beù: “Caùi chaên”

*Chuyeån töø Nhaùi aâm sang Hoäi thoaïi veà vaät khoâng hieän höõu*

GV: Con noùi “oâ toâ”

Beù: “OÂ toâ”

GV: Chuùng ta ñi baèng gì?

Beù: “OÂ toâ”

**ÔÛ ñaâu?**

Coù theå chuyeån töø caâu hoûi coù/khoâng hoaëc baøi taäp ñieàn vaøo choã troáng beù ñaõ laøm thaïo sang hoài ñaùp vôùi caùc caâu hoûi “ÔÛ ñaâu”.

GV: “ Con caù soáng\_\_\_”

Beù: “ôû döôùi nöôùc”

GV: “Con caù soáng ôû ñaâu?”

Beù: “ÔÛ döôùi nöôùc”

Ta coù theå daïy beù hoài ñaùp vôùi caùc caâu hoûi “ÔÛ ñaâu?” baèng caùch daïy beù yeâu caàu thoâng tin baèng caâu hoûi “ÔÛ ñaâu?” tröôùc.

*Chuyeån töø Yeâu caàu sang Goïi teân*

GV: “Coâ coù 1 caùi baùnh quy cho con. Con noùi ‘Baùnh quy ôû ñaâu?’”

Beù: “Baùnh quy ôû ñaâu?”

GV: “ÔÛ trong hoäp” (laáy baùnh ra vaø ñöa beù)

Khi beù ñaõ thaïo böôùc naøy (nghóa laø beù khoâng caàn nhaéc vaø thöôøng xuyeân yeâu caàu thoâng tin), haõy theâm noäi dung goïi teân nôi choán vaøo yeâu caàu cuûa beù.

GV: “Coâ coù 1 caùi baùnh quy”

Beù: “Baùnh quy ôû ñaâu?”

GV: “ÔÛ trong hoäp” (chæ cho beù baùnh ôû trong hoäp vaø hoûi) “Baùnh quy ôû ñaâu?”

Beù: “ÔÛ trong hoäp. Con coù theå aên baùnh quy ñöôïc khoâng?”

GV: “Taát nhieân roài! Con laáy trong hoäp ñi”

Nhö vaäy, beù hoïc ñöôïc caû caùch traû lôøi caùc caâu hoûi “ÔÛ ñaâu?” khi ñang hoïc goïi teân caùc giôùi töø.

*Chuyeån töø Nhaän bieát sang Goïi teân* – AÙp duïng vôùi beù vöøa goïi teân vöøa laøm theo caùc yeâu caàu veà nhaän bieát.

GV: “Cho giaøy vaøo trong hoäp ñi” (nhaän bieát)

Beù: <Cho giaøy vaøo hoäp vaø noùi> “trong hoäp”

GV: “Giaøy ôû ñaâu?”

Beù: “Trong hoäp”

*(Ñaët 2 caùi baùt tröôùc maët beù, 1 baùt coù quaû taùo ôû döôùi vaø 1 baùt taùo ôû treân)*

GV: “Chæ coâ xem ‘döôùi caùi baùt’” (nhaéc sau 0 giaây neáu laø laàn daïy ñaàu tieân)

Beù: (noùi) “döôùi caùi baùt” (vaø chæ vaøo ñuùng quaû taùo ôû döôùi baùt)

GV: “Quaû taùo ôû ñaâu?”

Beù: “Döôùi caùi baùt”

**Ai/Cuûa ai?**

Beù hoïc traû lôøi caùc caâu hoûi “Ai” khi hoïc goïi teân ngöôøi. Moät trong caùc ngöõ caûnh nöõa ñoøi hoûi beù traû lôøi caùc caâu hoûi “ai” laø khi daïy FFC veà nhöõng ngöôøi laøm ngheà phuïc vuï/chaêm soùc coäng ñoàng hoaëc caùc thaønh vieân trong gia ñình.

GV: “Ai cho con ñi nguû?”

Beù: “Meï”

GV: “Ñaây laø ai?” (ñöa aûnh lính cöùu hoûa ra vaø beù ñaõ bieát goïi teân líùnh cöùu hoûa)

Beù: “Lính cöùu hoûa”

GV: “Ai daäp taét löûa?”

Beù: “Lính cöùu hoûa”

Ñeå daïy beù bieát caùc ñaïi töø sôû höõu nhö “cuûa anh aáy, cuûa coâ aáy, cuûa toâi, cuûa baïn” v.v….. , phaûi daïy beù bieát hoài ñaùp vôùi caùc caâu hoûi “Cuûa ai”.

GV: “Con noùi ‘Ñeán löôït con’”

Beù: “Ñeán löôït con”

GV: “Ñeán löôït ai?”

Beù: “Ñeán löôït con”

Ta cuõng coù theå daïy beù hoài ñaùp naøy baèng caùch daïy beù yeâu caàu thoâng tin vôùi caâu hoûi “Cuûa ai” tröôùc

GV: (Ñaët 1 caùi keïo leân baøn) “Con noùi ‘Keïo cuûa ai?’”

Beù: “Keïo cuûa ai?”

GV: “Cuûa con ñaáy! Ñaây, caàm laáy.”

Khi beù ñaõ bieát yeâu caàu baèng caâu hoûi “Cuûa ai” nhieàu laàn lieân tieáp khoâng caàn nhaéc roài, haõy theâm goïi teân sôû höõu caùch.

(Ñeå keïo treân baøn)

HS: Keïo naøy cuûa ai?

GV: Cuûa boá. Keïo naøy laø…..

HS: Cuûa boá

GV: Keïo naøy cuûa ai?

HS: Cuûa boá

Coù theå daïy beù traû lôøi caâu hoûi “Cuûa ai?” söû duïng “caâu bình luaän ngaãu höùng” (contingent comments)

Daïy beù goïi teân moät söï kieän töông töï nhöng khoâng chính xaùc

GV: (beù vaø GV ñeàu coù buùt maøu) “Buùt cuûa coâ maøu xanh da trôøi”

HS: “Buùt cuûa con maøu ñoû”

GV: “Buùt cuûa ai maøu ñoû?”

HS: “Buùt cuûa con/cuûa con”

**Caùi naøo?**

Beù ñaõ baét ñaàu hoài ñaùp vôùi caâu hoûi “Caùi naøo?” khi hoïc goïi teân tính töø vaø FFC

GV: “Caùi naøo to?”

HS: (sôø vaät to)

GV: “Con naøo bieát bay?” (ñeå chim, chuoät tuùi, boùng tröôùc maët beù)

HS: Sôø/noùi “chim”

Hoài ñaùp naøy coù theå chuyeån sang ñeå daïy beù caâu hoûi hoäi thoaïi (veà vaät khoâng hieän höõu) “Caùi naøo?” nhö ñaõ neâu trong cuoán ABLLS™-R

GV: “Con naøo bieát bay? Chim, chuoät tuùi, hay boùng? (vöøa hoûi vöøa chæ töøng tranh)  
HS: Chim

GV: (caát tranh ñi) “Con naøo bieát bay?” Con chim, chuoät tuùi hay boùng

HS: Chim

**Khi naøo?**

Hoài ñaùp ñaàu tieân vôùi caâu hoûi “Khi naøo?” maø beù bieát thöôøng laø khaùi nieäm chung chung veà “thôøi gian” nhö “vaøo buoåi saùng”, “vaøo buoåi toái”. Sau ñoù, seõ laø khaùi nieäm veà thöù töï, nhöõng khaùi nieäm naøy cuõng thöôøng ñöôïc “kieåm tra” khi ta hoûi beù caâu hoûi “Khi naøo?”

GV: “Chuùng ta nguû vaøo buoåi toái. Chuùng ta nguû…..”

HS: “vaøo buoåi toái”

Khi beù ñaõ ñieàn vaøo choã troáng maø khoâng caàn nhaéc

GV: “Chuùng ta nguû vaøo..”

HS: “Buoåi toái”

GV: Chuùng ta nguû khi naøo?

HS: Buoåi toái

**Baèng caùch naøo/Nhö theá naøo?**

Coù theå chuyeån töø FFC sang moät soá daïng caâu hoûi “nhö theá naøo”

GV: “Con ñeán tröôøng baèng..”

HS: “Xe buyùt”

GV: “Con ñeán tröôøng baèng caùch naøo?”

HS: “Xe buyùt”

Ta coù theå daïy beù yeâu caàu thoâng tin vôùi caâu hoûi “baèng caùch naøo” tröôùc khi daïy beù hoài ñaùp vôùi caâu hoûi “baèng caùch naøo?”

(GV chæ cho beù moät con quay ñang quay maø beù thích, sau ñoù ñöa quay cho beù)

GV: “Con laøm quay quay baèng caùch naøo?”

HS: “Con laøm quay quay baèng caùch naøo?”

GV: “Con cho que vaøo nay vaø keùo” (giuùp beù neáu caàn ñeå khích leä beù)

Khi beù ñaõ bieát yeâu caàu thoâng tin baèng caâu hoûi “baèng caùch naøo” nhieàu laàn lieân tieáp khoâng caàn nhaéc, haõy theâm goïi teân vaøo yeâu caàu cuûa beù.

HS: “Con baät caùi naøy baèng caùch naøo?”

GV: “Baám vaøo nuùt nhoû maøu traéng” (vaãn ñeå ñoà chôi trong taàm kieåm soaùt)

GV: “Con baät caùi naøy baèng caùch naøo?”

HS: “Baám vaøo nuùt nhoû maøu traéng”

Beù cuõng hoïc ñöôïc hoài ñaùp vôùi caâu hoûi “Baèng caùch naøo?” khi beù hoïc goïi teân trình töï cuûa moät hoaït ñoäng naøo ñoù. VD, khi beù ñaõ coù theå goïi teân caùc böôùc ñeå laøm baùnh sandwich, coù theå chuyeån hoài ñaùp naøy sang hoài ñaùp vôùi caâu hoûi “Con laøm sandwich baèng caùch naøo?” Nhö ñaõ noùi ôû treân, beù cuõng coù theå hoïc hoài ñaùp vôùi caâu “Baèng caùch naøo?” khi hoïc goïi teân tính töø.

**Tại sao?**

Một cách để dạy bé hồi đáp với câu hỏi “Tại sao” là “dẫn dắt bé” trả lời đúng.

GV: (cùng bé xem sách) “Nhìn bạn trai này này. Bạn ấy đang ngáp đấy. Bạn ấy cảm thấy thế nào nhỉ?”

HS: “Bạn ấy cảm thấy mệt”

GV: “Bạn ấy đi ngủ rồi! Tại sao bạn ấy đi ngủ nhỉ?”

HS: “Bạn ấy mệt”

GV: (cùng bé xem sách) “Chuyện gì đang xảy ra ở đây nhỉ?”

HS: “Bạn gái này đang đi vào nhà kho”

GV: “Đúng rồi! Bạn ấy đã làm gì ở nhà kho nhỉ?

HS: Bạn ấy dắt ngựa ra

GV: Tại sao bạn ấy vào nhà kho?

HS: Để dắt ngựa ra ạ.

Khi ta dạy bé trả lời những câu hỏi này riêng rẽ, cũng cần bắt đầu dạy bé hồi đáp với nhiều câu hỏi khác nhau về từng vật hay sự kiện. Điều này rất quan trọng vì một số bé tự kỷ gặp khó khăn khi hồi đáp với nhiều gợi ý với một vật (kích thích). Để hồi đáp được theo kiểu này, bé phải biết gắn một câu hỏi cụ thể (kích thích bằng lời nói) với một hồi đáp cụ thể. Khi bạn dạy cách dạng gọi tên khác nhau, cần coi chừng những khó khăn mà bé gặp phải khi trả lời câu hỏi. VD, bé có thể biết trả lời đúng câu hỏi “Màu gì?” nhưng khi được hỏi, “Màu gì?” cùng với “Cỡ gì?” có thể bé lại trả lời sai, khi hỏi màu gì thì lại trả lời cỡ và hỏi cỡ gì thì lại trả lời màu. Nhiều người coi là bé chưa làm thạo hoặc chưa “khái quát hóa” một kỹ năng cụ thể khi họ hỏi cùng một câu nhưng trong ngữ cảnh khác mà không nhận ra rằng họ đã tăng thêm độ phức tạp của bài tập khi yêu cầu bé phải biết phân biệt giữa nhiều thứ hơn. Vì lý do này, cần dạy bé từ nào trong câu hỏi thực sự là kích thích khu biệt để bé biết chọn đúng câu trả lời. Khi chúng ta tiếp tục dùng từ “Gì?” trong câu hỏi, bé sẽ phải chú ý đến hoặc hồi đáp với một từ (kích thích bằng lời) thứ hai trong câu hỏi. Bé buộc phải phân biệt thêm ngữ cảnh dựa vào câu hỏi cụ thể. Hãy xem các ví dụ sau để sử dụng làm kích thích khu biệt khi dạy bé gọi tên hành động, tính từ và các bộ phận của vật. Bé trả lời được từng câu hỏi riêng biệt không có nghĩa là bé sẽ trả lời đúng tất cả các câu hỏi về cùng vật đó, nhất là nếu xuất hiện nhiều vật khác ở đó khiến bé phải phân biệt giữa nhiều vật hơn.

VD, ta để nhiều phương tiện giao thông đồ chơi, một con búp bê và “bố”. Kích thích khu biệt bằng lời hay các nhân tố yêu cầu phân biệt ngữ cảnh được **in đậm**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |  |
| Cái này gọi là **gì**? | Ôtô | (gọi tên sự vật) |
| **Ai** đây? | Bố | (gọi tên người) |
| Bố đang làm **gì?** | Lái xe | (gọi tên hành động) |
| **Ôtô màu gì**? | Xanh da trời | (gọi tên tính từ) |
| **Ôtô có** những **gì** | Tai lái, lốp, cần lau kính, dây thắt lưng | (gọi tên các bộ phận) |
| **Ôtô cỡ gì**? | To | (gọi tên tính từ) |
| Chúng ta đang **đi** trên cái **gì?** | Ôtô |  |
| **Ôtô của ai**? | Của bố |  |
| **Ai đang lái xe?** | Bố |  |
| Chúng ta dùng **ôtô để làm gì?** | Lái, đi |  |
| **Ôtô đi ở đâu**? | Trên đường |  |
| **Ai sửa ôtô?** | Thợ cơ khí |  |
| Chúng ta **khởi động ôtô bằng gì?** | Chìa khóa |  |
| Chúng ta **đeo gì** trên **ôtô**? | Dây thắt lưng |  |
| **Tại sao** chúng ta **đeo dây thắt lưng**? | Để an toàn/bảo vệ chúng ta |  |

Qua VD này, ta đã thấy bé càng học nhiều về một vật nào đó, để trả lời đúng các câu hỏi khác nhau về vật đó, bé càng phải biết phân biệt giữa nhiều ngữ cảnh/điều kiện hơn. Cần phải luyện nhiều lần chuyển ngữ cảnh cho các câu hỏi khác nhau và ghi nhận những lỗi phân biệt của bé. VD, nếu khi được hỏi “Chúng ta đeo cái gì trên ôtô?” (What do we wear in the car?) bé trả lời là “ở trên đường”, phải nhận ra là bé không phân biệt được giữa từ “Where” chỉ nơi chốn và từ “wear” chỉ hành động. Và bé cũng không nhận ra từ “đi” không có trong câu. Ta có thể tạo cơ hội để dạy bé phân biệt giữa những câu hỏi cụ thể. Và nhớ để bé trả lời được!

Nhớ là khi chơi và tương tác với bé, đừng dồn dập hỏi bé hết câu này đến câu khác. Nên xen kẽ các câu hỏi với các dạng hồi đáp khác trong khi chơi với bé. Để bé luôn cảm thấy vui vẻ khi tương tác với bạn! Nếu bạn thấy bé nhấp nhổm bỏ đi (chạy trốn) thì đó có thể là dấu hiệu cho thấy bạn đang hỏi bé quá nhiều câu hỏi đấy! Nếu rơi vào trường hợp này, hãy rút các câu hỏi lại và chuyển sang các dạng hồi đáp khác như điền vào chỗ trống, nhận biết và bắt chước khi chơi với bé.

1. **CÁCH CHỌN CHỦ ĐỀ CHO NỘI DUNG HỌC CỦA BÉ**

Do tính chất đặc thù của chương trình ngôn ngữ ứng xử, việc chọn chủ điểm cho các bài tập phải song hành với việc lưu giữ thông tin. Khi bé đã làm thạo một kỹ năng rồi, thông thường ta sẽ chuyển sang một chức năng ngôn ngữ ứng xử khác. VD, nếu bé yêu cầu thạo một chủ điểm rồi, ta có thể chuyển chủ điểm đó sang phần gọi tên. Nếu bé cố với lấy một vật thì ta có thể chuyển sang thành tiếp thu mệnh lệnh (sờ, lấy vật đó). Với những động tác bé đã bắt chước thạo, ta có thể chuyến sang dạy tiếp thu lệnh làm những động tác đó (Xem phần hướng dẫn dạy từng kỹ năng trong từng chức năng ngôn ngữ ứng xử để tham khảo gợi ý về cách chuyển nội dung dạy).

**Chọn chủ điểm**:

Khi đề ra mục tiêu cho từng chủ điểm cũng như từng hồi đáp, cần lưu ý những điểm sau:

1. Chủ điểm đó phải có ý nghĩa với bé.
2. Sử dụng kỹ năng bé đã làm thạo để dạy kỹ năng mới.
3. Chủ điểm đề ra phải phù hợp với mức độ phát triển của bé.
4. Chủ điểm đó phải phù hợp với những mục tiêu ưu tiên của gia đình với bé.
5. Trộn lẫn các lĩnh vực/chức năng ngôn ngữ chứ không nên học từng lĩnh vực/chức năng một.
6. Cần biết chắc là bé đã có những kỹ năng tiền đề để học kỹ năng ta định dạy bé

Xác định mục tiêu:

Khi bạn bắt đầu dùng tài liệu ABLLs, chúng tôi khuyên bạn nên đánh giá bé thật chặt theo các tiêu chí của ABLLs. Nếu bạn không chắc bé có làm thành thục một kỹ năng nào đó không (nghĩa là làm nhanh và dễ không cần nhắc), hãy trắc nghiệm. Thà đánh giá thấp kỹ năng của bé và dạy bé bài dễ còn hơn là đánh giá quá cao kỹ năng của bé rồi làm bé bực bội trong quá trình học. Cần lưu ý là đôi khi bé có thể thực hiện một số hành vi ta muốn nhưng lại không chịu làm khi yêu cầu. VD, bé có thể bắt chước trẻ khác khi xem băng nhưng lại không bắt chước theo bạn khi bạn nói “làm như vậy”. Cần quan sát và ghi nhận xem một tín hiệu đầu vào (câu hỏi/mệnh lệnh) có khiến bé thực hiện hành vi ta muốn không. VD, khi bé nhìn thấy đoàn tàu, bé có thể nói “Tàu xanh da trời đang đi chệch đường ray” nhưng không hồi đáp khi ta hỏi “Cái gì đây?”, “Tàu màu gì?” hoặc “Tàu bị làm sao?”

Khi bạn đã đánh giá bé xong theo các tiêu chí của ABLLs, hãy lấy 2 bài tập kế tiếp nội dung khó nhất bé làm được trong từng mục kỹ năng để lập giáo án mới. Sau đó xem tất cả các lĩnh vực/kỹ năng khác để xem bé đã làm thạo kỹ năng nào mà từ đó ta có thể chuyển tiếp sang dạy bé kỹ năng mới. VD nếu bé đã biết yêu cầu khi ta hỏi “Con muốn gì?” ta có thể từ kỹ năng này dạy bé gọi tên sự vật khi ta hỏi “Cái gì đây?” Cũng cần xem có sự mất cân đối nào giữa các mục ABLLs không và tập trung vào dạy bé những phần bé làm kém. Nếu các kỹ năng gọi tên của bé rất tốt, còn kỹ năng yêu cầu thì không có mấy thì bạn cần tập trung hướng dẫn cho bé những kỹ năng yêu cầu còn yếu.

Phải chắc chắn là kỹ năng dạy bé phù hợp với mức độ phát triển của bé. Sẽ có một số kỹ năng bé không thể làm được vì bé chưa phát triển đến mức độ đó. Đơn giản bé vẫn chưa có đủ kỹ năng tiền đề thực hiện kỹ năng đó. VD, không nên dạy bé chưa biết bắt chước nói theo 3 từ phải làm bài tập G29 “Dùng cụm từ để gọi tên danh từ kèm với động từ và tính từ”. Nếu cứ cố dạy bé những kỹ năng bé chưa có đủ kỹ năng tiền đề, cả GV và bé sẽ có thể rất khó chịu.

**Chọn từng chủ điểm cho nội dung học:**

Kỹ năng yêu cầu sẽ là phần đầu tiên ta dạy bé vì nó giúp bé nhận ra một chức năng ngôn ngữ cho bé quyền lực với môi trường quanh bé. Hãy xem lại phần yêu cầu để từ đó chọn chủ điểm cho phần này. Điểm chính bạn cần nhớ là ta không thể dạy bé yêu cầu vật bé không muốn. Phần việc chính của giáo viên khi bé mới học yêu cầu là liên tục tìm thêm những vật bé thích và dạy bé yêu cầu chúng. Chủ điểm của những phần kỹ năng khác có thể gần với vật bé đã yêu cầu. VD, nếu bé yêu cầu ôtô, cá hoặc khoai tây, ta nên dùng luôn những chủ điểm này để dạy bé nghe hiểu C3 “Nhìn vào vật bé thích theo yêu cầu” hoặc “Sờ vào vật bé thích ở các vị trí khác nhau” (C6). Nếu bé gặp khó khăn với một kỹ năng nào đó, và không hồi đáp kể cả khi đã được nhắc, ta có thể lấy hồi đáp này làm chủ điểm cho bài tập kỹ năng khác. VD, nếu bé chưa biết gọi tên được một vật và không hồi đáp khi được nhắc bằng lời, ta có thể chọn vật này làm chủ điểm cho bài tập bắt chước. VD bé gọi “tủ lạnh” là “ủ lạnh”. Đây rõ ràng là một lỗi phát âm chứ không phải bé không biết gọi tên tủ lạnh, ta có thể chọn bài tập bắt chước âm để tập trung dạy bé phát âm từng âm tiết một sao cho gần giống với âm “tủ lạnh” nhất. Hãy xem lại toàn bộ chương trình của bé để xem nên chọn từ, câu nào để dạy bé bắt chước âm chứ không nên chọn ngẫu nhiên bất cứ từ hay câu nào để bé bắt chước. Cũng như vậy, nếu bé giao tiếp bằng ra hiệu, nội dung bắt chước động tác nên lấy chính những động tác ra dấu chứ không nên lấy ngẫu nhiên một động tác bất kỳ nào. Tất cả những chủ điểm của bài học phải có ý nghĩa với bé và liên quan chặt chẽ đến cuộc sống hiện tại của bé.

Cách bạn lưu giữ thông tin có thể hỗ trợ hoặc cản trở quá trình chuyển từ hồi đáp này sang một dạng chức năng ngôn ngữ khác. GV cần phải có được cái nhìn bao quát cũng như có thể theo sát được mức độ tiếp thu của bé với từng chủ điểm. GV cần hiểu rằng những chủ điểm này là riêng rẽ, nhưng chúng phải được dạy từ ở những kỹ năng bé đã thạo chứ không nên liên tục luyện bài và sửa lỗi cho bé. Cách lưu giữ thông tin phải đảm bảo GV có thể tập trung vào việc dạy chứ không phải kiểm tra. Việc lưu giữ thông tin không nên làm gián đoạn việc dạy. Mục đích của việc lưu giữ thông tin là:

1. Kiểm soát được tính hiệu quả của quá trình dạy bé
2. Là công cụ liên lạc trao đổi giữa các GV
3. Xác định chủ điểm nào bé đã làm thạo
4. Góp phần xác định mục tiêu nào ta đã đạt được
5. Kiểm soát việc lưu giữ những chủ điểm cần củng cố
6. Cho ta một bức tranh toàn cảnh quá trình học của bé để có thể nhìn ra những thụt lùi của bé và sửa chữa kịp thời.

**Dữ liệu trắc nghiệm**

Hầu hết những người đề xướng ra Ngôn ngữ Ứng xử (VB) đều khuyên ta nên lấy số liệu theo chủ điểm dạy bé chứ không nên theo từng dạng hồi đáp. Thực chất trắc nghiệm là kiểm tra. Ý tưởng là nếu bé hồi đáp nhanh, chuẩn xác không cần nhắc với một kích thích khu biệt cụ thể nào (điền vào chỗ trống/hỏi/yêu cầu/hướng dẫn và kích thích bằng hình ảnh) vào lần kiểm tra đầu tiên trong ngày, thì hồi đáp đó được coi là “làm được không cần nhắc” hoặc đúng. Nếu không, cần sửa cho bé bằng kỹ thuật sửa lỗi như đã bàn ở phần trước. Kết quả kiểm tra này sẽ được dùng để xác định xem ta sẽ dạy tiếp bé cái gì. Sau khi trắc nghiệm, ta sẽ dạy bé những hồi đáp bé chưa tự làm được cũng như những chủ điểm mới. Những chủ điểm này sẽ được đan xen với các chủ điểm bé đã làm thạo trong các chức năng khác nhau. Làm vậy cốt để bé luôn thành công khi học. Qua trắc nghiệm, ta sẽ biết chủ điểm nào vẫn còn khó và cần dạy thêm cho bé.

Mục tiêu của cách dạy không lỗi là giúp bé làm được hồi đáp ta muốn một cách thành công, sau đó khi thấy bé lặp lại hồi đáp đó một số lần, đưa dần bối cảnh mới mà ta biết bé sẽ chịu hồi đáp và được củng cố. Sau đó ta sẽ tách dần bối cảnh mới ra khỏi bối cảnh ta dùng để chuyển tiếp hay nhắc bé. Ta sẽ chỉ chuyển khi bé đã làm đúng, không cần nhắc trong bối cảnh hiện tại. Ta tiếp tục chuyển sang các mục chức năng khác khi bé hồi đáp đúng kể cả khi mục tiêu thực sự của ta không phải là những kỹ năng đó. Bằng cách này, khi ta thêm chủ điểm vào một chức năng ngôn ngữ, bé đã có nhiều lần hồi đáp đúng với chủ điểm này, trước cả khi ta đưa chủ điểm đó vào lĩnh vực/mục chức năng đó.

VD, nếu bé biết yêu cầu bóng và chủ điểm hiện giờ là bé biết yêu cầu bóng khi ta hỏi “Con muốn gì?”. Trong giờ đầu của ngày hôm đó (trắc nghiệm) bé cần ta nhắc âm. Giờ còn lại, ta chuyển tiếp từ lặp âm sang yêu cầu. Đến lần trắc nghiệm thứ 3, bé không cần ta nhắc âm nữa, và có thể yêu cầu bóng bất cứ khi nào bé muốn. Sau đó, ta bắt đầu chuyển sang dạy gọi tên.

GV: “Cái gì đây?”

HS: “Bóng”

GV: “Con muốn gì?”

HS: “Bóng”

Hồi đáp này vẫn là yêu cầu (bé muốn vật đó) và “bóng” vẫn là một chủ điểm yêu cầu nhưng GV đã tập cho bé hồi đáp khi được hỏi “Cái gì đây?”

Tại thời điểm này, số liệu thực tế vẫn chưa được ghi nhận. Khi bé đã đạt những tiêu chí “làm thạo”, ta sẽ thêm chủ điểm này vào bối cảnh mới để trắc nghiệm. Dù ta đã dạy bé nhiều, nhưng mục tiêu của chúng ta là xem bé có thể hồi đáp trong bối cảnh mới mà không cần chuyển. Trong VD trên, khi ta đã chọn “bóng” làm chủ điểm cho mục gọi tên, GV sẽ hỏi “Cái gì đây?” trong lần trắc nghiệm đầu tiên trong ngày, trước khi chuyển hoặc nhắc. Nếu bé hồi đáp đúng, ta sẽ ghi là “làm đúng không cần nhắc” và GV tự hiểu là họ không cần phải dành nhiều thời gian dạy bé phần này (dùng kỹ thuật chuyển) để gọi tên quả bóng. Nếu bé trả lời sai hoặc còn phải nhắc, ta sẽ ghi là “còn phải nhắc” và GV tự hiểu là họ sẽ phải dạy thêm phần này.

Chúng ta muốn giờ học của bé phải vui vẻ! Chúng ta đều thích làm việc chúng ta thạo nên cần chắc chắn là bé sẽ cảm thấy bé học được (củng cố thường xuyên). Để làm việc này, cần liên tục đan xen những nội dung bé đã làm thạo từ trước trong quá trình trắc nghiệm. Xét về tâm lý ứng xử, chúng ta biết bé sẽ chịu làm bài tập khó nếu sau đó là nhiều bài tập dễ. Trong ngôn ngữ cũng vậy, bé sẽ chịu trả lời câu khó nếu trước đó là các câu dễ. Cần xây dựng tâm lý này trong quá trình dạy và trắc nghiệm. Ta sẽ trộn lẫn nội dung dễ và khó theo tỷ lệ 80/20 hoặc 70/30 tùy vào tâm tính của bé. Những nội dung đang dạy được coi là khó, còn nội dung bé đã làm thạo thì coi là dễ.

Với một số bé, có thể trắc nghiệm tất cả các nội dung cùng một lúc hoặc một mục kỹ năng cụ thể trong những ngày khác nhau trong tuần. Tùy này còn tùy thuộc vào khả năng học kỹ năng mới và tâm tính của bé. Không nên làm như vậy với bé hay cáu.

Số lần trắc nghiệm và các tiêu chí để được coi là làm thạo còn tùy thuộc vào chương trình học và tùy thuộc nhiều vào nhu cầu của từng bé cũng như GV. VD, nếu cha mẹ là GV duy nhất của bé, sẽ dễ theo dõi họ đã dạy bé những gì mà không cần phải ghi chép nhiều. Nhưng nếu có thêm người khác dạy bé, việc trao đổi thông tin về nội dung dạy bé và hồi đáp của bé là vô cùng quan trọng.

Việc xác định tiêu chí “làm thạo” cho bé phải dựa trên quá trình học trước đó. Có bé làm thạo một nội dung trong một bối cảnh và dễ dàng lưu giữ nó trong thời gian dài. Với những bé này, chỉ cần 2 lần trả lời đúng khi trắc nghiệm là đủ. Với bé khác, cần phải có nhiều thời gian chuyển tiếp và đầu tư dạy bé hơn thì bé mới trả lời đúng. Cũng có bé thường quên những nội dung đã làm thạo trước đó. Với những bé này, phải 5 lần trả lời đúng thì mới được coi là làm thành thạo (hồi đáp tức thì không cần nhắc).

Mỗi khi trắc nghiệm mà bé không hồi đáp trong 2-3 giây, cần cho bé câu hỏi đúng, gợi ý hành vi đúng và đưa ra kích thích/lệnh đó lần nữa. (Xem “kỹ thuật sửa lỗi”). Kể cả khi GV chắc rằng bé biết câu trả lời, cũng đừng nên đợi lâu hơn rồi mới nhắc bé câu đúng. Câu trả lời đúng thì phải tức thì, không chần chừ, và cần tiếp tục luyện cho bé đến thành thạo. Như vậy thì bé mới lưu giữ câu trả lời đúng được lâu.

**Củng cố hồi đáp**

Chủ điểm phù hợp với bé phải là những thứ bé thường xuyên tiếp xúc hàng ngày và như vậy bé mới có cơ hội thường xuyên luyện tập chủ điểm đó. Khi chương trình của bé đã tiến triển và các giờ học tập trung tiếp diễn, số lượng các nội dung bé làm thạo sẽ trở nên đông đảo. Những nội dung này sẽ được đan xen vào với những nội dung mới để bé luôn thành công. Việc này cũng nhằm củng cố các nội dung bằng cách ôn lại và tiếp tục động viên/khích lệ bé trả lời đúng.

Nếu bé không trả lời đúng các nội dung làm thạo, phải tập trung vào những phần này và dạy lại cho đến khi bé có thể trả lời đúng. Cần xem lại cả câu ta hỏi và câu bé trả lời để xem tại sao bé lại không phân biệt nhận biết được. Bé càng biết nhiều về một vật hoặc một chủng loại, thì bé càng phải có khả năng phân biệt cao hơn để trả lời đúng. Từ những kết quả trắc nghiệm và quá trình học, bạn sẽ biết cần phải dạy bé phân biệt cái gì.

**23. CHỌN PHƯƠNG TIỆN GIAO TIẾP ĐẦU TIÊN CHO BÉ**

1. **Bằng lời nói** - dành cho bé có tật nhại âm, có sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp nhưng không có ý nghĩa. Vì bé đã có lời nói rồi thì chúng ta sẽ dạy bé sử dụng lời nói có ý nghĩa.

2. **GIAO TIẾP BẰNG CÁCH TRAO ĐổI ẢNH (PECS) –** dành cho bé có kỹ năng xử lý hình ảnh tốt, kỹ năng xử lý âm thanh kém và chưa có ngôn ngữ. PECS cũng có thể được sử dụng khi mới dạy bé có ngôn ngữ biết yêu cầu nhưng không biết bắt chước để dạy bé chức năng giao tiếp nhưng cần giảm ngay việc dùng phương tiện này khi bé bắt đầu dùng lời để yêu cầu. PECS cũng có thể là một lựa chọn tốt cho những bé có khó khăn về khả năng bắt chước hoặc khó khăn trong việc thực hiện một loạt các động tác ra dấu hoặc không ưa lối nhắc bằng tay. Trong trường hợp này, có thể sử dụng các biểu tượng, đồ vật, hoặc tranh ảnh.

3. **Bảng giao tiếp tranh** – dành cho bé có kỹ năng xử lý hình ảnh tốt, kỹ năng xử lý âm thanh kém và chưa có ngôn ngữ. Bảng giao tiếp tranh chủ yếu xoay quanh các hoạt động cụ thể và giúp ta dạy bé được nhiều dạng giao tiếp khác nhau hơn là dùng ra hiệu.

4. **Ra hiệu** – Dùng độc lập hoặc kết hợp với PECS giúp bé có được phương tiện giao tiếp trong mọi hoàn cảnh. Đây cũng là lựa chọn tốt cho bé có kỹ năng xử lý hình ảnh kém hoặc tập trung nhìn ảnh. Phương pháp này cũng có thể là sự lựa chọn tốt cho bé có khả năng bắt chước động tác tốt. Cách giao tiếp này cũng có thể là lựa chọn tốt cho các gia đình cảm thấy khó tạo ra, tổ chức và theo dõi PECS trong những hoàn cảnh khác nhau.

5. **Các thiết bị phát ra giọng nói** – dành cho bé có kỹ năng xử lý hình ảnh tốt và xử lý âm thanh kém. Cần lưu ý để bé không sử dụng thiết bị làm vật tự kích thích mà không giao tiếp.

6. **Trao đổi vật** – dành cho bé không có khả năng nhận biết phân biệt từ tranh ảnh.

*Ưu điểm của phương pháp trao đổi đồ vật*

1. Bé có thể dễ dàng liên hệ vật mẫu với vật bé thích bởi vì chúng có điểm tương tự.

2. “Người nghe” không cần phải gì đào tạo đặc biệt ngoài việc làm thế nào khi trẻ em đưa cho họ các đồ vật.

*Nhược điểm của phương pháp trao đổi đồ vật*

1. Khó tìm được chỗ để vật mà bé luôn lấy được

2. Khó tìm được vật mẫu cho nhiều vật

3. Khó có thể chuyển tiếp sang dạy bé một khía cạnh chức năng khác của ngôn ngữ

4. Chỉ giới hạn trong thời gian đầu dạy bé yêu cầu các danh từ

*Ưu điểm của hệ thống tranh ảnh*

1. “Người nghe” không cần phải được đào tạo đặc biệt

2. Việc ghép giống vật mẫu vốn đơn giản nên việc học kỹ năng trở nên dễ dàng hơn.

3. Không cần phải đào tạo đặc biệt cho từng loại hồi đáp, chỉ cần chụp hình và chỉ, hoặc đưa là được.

4. Tranh vốn tĩnh hơn – Chúng hiện hữu trong thời gian dài hơn.

5. Có thể dùng để nhắc hình cho bé nói khi bé mới bắt đầu học nói.

6. Khi đã dạy bé những hồi đáp ban đầu rồi thì không cần nhắc bằng động tác nữa.

7. Bé có thể giao tiếp với bạn cùng lứa hoặc anh chị em nếu như những đối tượng này hưởng ứng khi bé cố gắng giao tiếp .

*Nhược điểm của hệ thống tranh ảnh*

1. Phải ở môi trường đặc biệt – có tranh ảnh thì mới có giao tiếp

2. Khó có thể “nắm bắt” được ý thích hay mong muốn hiện thời khi dạy bé yêu cầu vì đầu tiên phải làm tranh.

3. Khi bé chỉ, “người đối thoại” phải ở gần quanh bé. Nếu bé chỉ nhiều lần mà ta không để ý thì việc chỉ sẽ không được củng cố/khích lệ vì bé không được vật bé muốn. Với PECS vấn đề này có thể được khắc phục vì ta dạy bé trao tranh đến tay người đối thoại.

4. Khó có thể tìm tranh ảnh/ký hiệu/biểu tượng cho các khái niệm trừu tượng để day bé.

5. Với một số bé, khó có thể kết hợp các ký hiệu để diễn tả các cụm từ kết hợp khác nhau.

6. Trừ chức năng yêu cầu, dùng phương tiện này ta khó có thể chuyển tiếp sang dạy bé các khía cạnh chức năng còn lại của ngôn ngữ

7. Phải làm, lưu giữ trật tự các ảnh để bé luôn lấy được mà trẻ khác lại không thể lấy đi, làm mất hoặc làm hỏng chúng.

*Ưu điểm của ngôn ngữ ra hiệu*

1. Dễ nhắc, đặc biệt nếu bé bắt chước động tác tốt.

2. Lệnh/Kích thích và hồi đáp thường giống nhau nhưng không khớp với nhau tạo ra a built in prompt.

3. Dùng ra hiệu thường không cần phải có môi trường hỗ trợ – Bé lúc nào cũng có phương tiện để giao tiếp (là tay)

4. Với cách ra dấu, mối tương quan giữa kích thích và hồi đáp là 1:1, giống lời nói. Nói cách khác, mỗi động tác ra dấu đều khác biệt trong khi dùng PECS, các động tác yêu cầu đều giống nhau.

5. Đã có nghiên cứu chỉ ra rằng trẻ bắt đầu học bằng ra dấu thường nhanh nói hơn là trẻ dùng PECS. Cũng khó kiểm nghiệm điều này vì mỗi bé mỗi khác. Tác giả đã từng thấy các bé khi mới biết nói tự nhắc mình bằng cách làm số động tác tương ứng với số âm tiết.

6. Sundberg và Sundberg (Phân tích ngôn ngữ ứng xử, 1990) phát hiện ra rằng hoặc các bé học ra dấu nhanh hơn, nên bé sử dụng ra dấu cũng chuẩn xác hơn khiến bé chịu nói nhiều hơn và cách giao tiếp này dễ duy trì và khái quát hóa hơn cách chỉ vào một trong số các tranh.

*Nhược điểm của ngôn ngữ ra hiệu*

1. Cha mẹ và giáo viên phải được đào tạo đặc biệt về ngôn ngữ ra hiệu

2. Cha mẹ và giáo viên phải sử dụng dấu hiệu khi họ nói với trẻ

3. Cha mẹ và giáo viên phải tạo ra từng dấu hiệu riêng biệt

4. Các dấu hiệu thoáng qua không lưu giữ lại – Không giống như tranh ảnh, các dấu hiệu được tạo ra và biến mất.

5. Trẻ có khó khăn về các vận động tinh có thể gặp nhiều khó khăn trong việc học cách ra hiệu

6. Các dấu hiệu cho các đồ vật và hoạt động ưa thích có thể sẽ cần phải được “bịa ra, sáng tạo ra”.

7. Bé khó có thể tương tác với các trẻ khác hoặc những người không học ngôn ngữ ra hiệu

8. Với bé không thích ta chạm vào người để nhắc, khó có thể nhắc những bé này.

9. Với một số bé không bỏ được thói quen “đưa tay” cho người đối thoại khi bé muốn thứ gì, việc giảm nhắc có thể khó thực hiện.

10. Nếu mọi người quanh bé không hiểu được dấu hiệu của bé, hành vi yêu cầu bằng dấu của bé sẽ không được củng cố/khích lệ. Như vậy khó có thể chi phối được hành vi yêu cầu của bé.

**Các câu hỏi cần xem xét**

1. Trẻ sẽ đáp lại /phản ứng như thế nào khi ta chạm vào người bé? Nếu có thể làm bé bớt nhạy cảm với việc nhắc bằng tay khi dạy bé ra dấu và dùng PECS, cần kiên nhẫn dành nhiều thời gian cho quá trình này. Quan trọng là GV phải gắn kết mình với vật củng cố/phần thưởng để quá trình giúp bé bớt nhạy cảm diễn ra từ từ.

2. Trẻ có khả năng bắt chước các động tác dễ dàng không?

3. Môi trường quanh bé có hỗ trợ hình thức hồi đáp đã lựa chọn cho bé không?

4. Trẻ học nhanh đến mức nào những yêu cầu mới? Liệu cha mẹ bé có điều kiện thu xếp để tạo ra các tranh ảnh cần thiết cho bé không?

5. Liệu những yêu cầu hiện tại của trẻ vẫn chủ yếu là đồ ăn và đồ vật hay bé thích các hoạt động khó có thể biểu hiện bằng tranh?

6. Hàng ngày bé sống trong những môi trường nào và bé thường nêu yêu cầu với những ai?

7. Liệu hình thức giao tiếp ta chọn có tiện dụng cho bé trong mọi môi trường bé tham gia không?

8. Tương tác với các bạn cùng lứa có phải là một phần trong chương trình của bé không, nếu vậy, có thể dạy các bạn bé các giao tiếp ta chọn cho bé không?

9. Liệu những ai tham gia giao tiếp với bé hàng ngày có sẵn lòng học và sử dụng phương tiện giao tiếp ta chọn cho bé không?

10. Bé phản ứng thế nào với âm thanh? Nếu ta chọn thiết bị phát ra giọng nói làm phương tiện giao tiếp cho bé, liệu bé có biến thiết bị này thành vật tự kích thích mình không?

11. Bé thích những đồ chơi và trò chơi nào?

12. Bé có thể mang theo phương tiện giao tiếp ta chọn đến các môi trường giao tiếp khác nhau của mình không?

Nếu ta không xác định rõ được phương tiện giao tiếp nào là là tốt nhất cho bé và gia đình, tác giả khuyên phụ huynh nên lấy 2 vật để dạy bé ra hiệu và 2 vật để dạy bé dùng PECS. Cần lưu ý chọn những vật bé hay yêu cầu (có tác dụng củng cố như nhau/bé thích các vật đó như nhau). Giới thiệu cho bé cả hai phương tiện và quan sát xem bé học dùng phương tiện nào nhanh hơn. Rồi chọn phương tiện đó cho bé giao tiếp.

Dù chọn phương tiện nào, ta vẫn có thể dùng các phương tiện hỗ trợ giao tiếp khác để tăng thêm nhận biết và mối quan tâm của bé đến những gì mọi người nói hoặc làm. Ví dụ, có bé có thể tập trung nhìn bảng bài hát với biểu tượng hoặc các placemats với các biểu tượng biểu thị lịch ăn trong ngày.

Khi bé “nói” bằng những phương tiện này, bố mẹ sẽ dùng tay “chỉ”. Các bức tranh thực ra được sử dụng để “nhắc” lời bố mẹ nói còn bé thì không cần phải trả lời. Có bé sẽ làm lại hành vi này và bắt đầu sử dụng tranh để bày tỏ và và yêu cầu một cách có ý nghĩa.

Nếu bé dùng PECS làm phương tiện giao tiếp chính, cũng nên dạy bé ra dấu để diễn đạt những từ tranh khó diễn tả như giới từ và động từ. Với những loại từ này, ra hiệu mô tả hành động hay địa điểm sát thực hơn tranh và bé dễ tiếp thu hơn.

Dù bạn lựa chọn phương tiện giao tiếp nào, bạn vẫn phải luôn gắn kết các từ, âm và lời nói với các vật mà bé thích/vật củng cố.

**Lựa chọn từ đầu tiên**

1. Phải dựa vào ý thích và động cơ khuyến khích để chọn từ đầu tiên dạy bé.

2. Chọn các từ bé sẽ thường sử dụng.

3. Đối với trẻ mới tập nói, chọn các từ mà trẻ có thể phát âm dễ dàng hoặc phát âm gần giống hoặc người nghe có thể suy đoán được.

4. Đối bé học ra hiệu, chọn những từ có biểu tượng (các dấu hiệu trông giống như các vật).

**5. Tránh chọn các từ đầu tiên quá chung chung hoặc giá trị biểu đạt thấp (ví dụ: hơn nữa, có, không, làm ơn)**

6. Đối với bé ra hiệu, tránh sử dụng những từ tương tự/đồng nghĩa (ví dụ: ăn, uống)

1. **DẠY BÉ ĐẶT CÂU HỎI**

***Các kĩ năng tiền đề***

Bé phải biết yêu cầu một số lượng kha khá các đồ vật và hành động. Có người đợi đến khi bé đã biết gọi tên các tính từ và giới từ cũng như biết dùng các câu để yêu cầu. Một số người đã thành công với việc sử dụng kỹ thuật dạy bé đặt câu hỏi (yêu cầu thông tin) để dạy bé các giới từ và tính từ vì làm như vậy sẽ tăng động cơ thúc đẩy bé sử dụng tính từ và giới từ một cách có ý nghĩa. Có lẽ điều quan trọng nhất là xác định khả năng phân biệt các ngữ cảnh phù hợp để hỏi (yêu cầu thông tin) của bé và sau đó dạy theo trình tự nào mà bé có thể hồi đáp tốt nhất. Nếu ta định dạy bé đặt câu hỏi mà bé bắt đầu có những nhầm lẫn khi phân biệt, hãy thử dạy bé biết phân biệt ngữ cảnh thích hợp. Nếu cách này vẫn không ổn, ta nên tạm hoãn việc dạy bé đặt câu hỏi (yêu cầu thông tin) và tiếp tục dạy bé các kĩ năng cần thiết khác.

***Tại sao người ta đặt câu hỏi?***

Chức năng trước tiên của việc đặt câu hỏi là để có được thông tin người ta muốn. Tất nhiên, với người lớn, hỏi cũng là vì lịch sự và vì bạn bè chúng ta thích được hỏi (chẳng hạn ‘Bạn có khỏe không? Kỳ nghỉ vừa rồi thế nào?’). Nếu chúng ta quan tâm và thích tương tác với người đối thoại / chủ đề bàn luận, câu hỏi còn đóng vai trò duy trì hoặc tiếp tục cuộc bàn luận.

Trẻ phát triển bình thường hay hỏi câu “gì?” đầu tiên. Có người giải thích đây là hành vi bé yêu cầu thông tin. Bé muốn học và tìm hiểu môi trường xung quanh. Theo thuật ngữ ứng xử, khi đó từ này đã trở thành từ bé yêu thích. Có người lại giải thích theo cách khác là người xuất hiện khi bé hỏi ‘“gì?” đã trở thành nhân tố củng cố có điều kiện và bé muốn người đó chú ý đến mình. Hiện tượng này xảy ra sau một quá trình dài bé thấy người đó luôn gắn kết với những vật bé thích và bé có được thứ bé thích khi bé dùng từ “gì?” trước mặt người đó.

***Con tôi/học trò của tôi đã yêu cầu thông tin chưa?***

Nên nhớ rằng muốn tìm ra vật củng cố cho một hành vi nào đó của bé, chúng ta phải xem bé thích cái gì. Bé có thể làm hành động giống với việc “yêu cầu thông tin” bằng cách chỉ hoặc chạm vào một vật/bức tranh mà không cần giao tiếp mắt với người lớn đang có mặt ở đó. Hành vi này đã được củng cố trong một thời gian dài khi những người lớn có mặt ở đó luôn cho bé biết tên vật bé chạm vào.

Ví dụ, bé rất thích chữ, hoặc số và rất hay chỉ vào những chữ và số đó. Hễ bé chỉ là người lớn lại nói tên chữ hoặc số đó. Bé có thể nhận biết phân biệt (sờ vào/lấy/chỉ vào) chữ và số khi ta yêu cầu nhưng sẽ không sử dụng ngôn ngữ. Cách duy nhất giúp bé yêu cầu đồ vật là kéo bố mẹ đến chỗ đồ vật bé muốn lấy hoặc nơi diễn ra hoạt động bé thích. Thay vì “yêu cầu thông tin”, bố mẹ đã trở thành thứ đồ chơi “V-Tech” riêng cho bé (một thứ đồ tự kích thích của bé). Làm như vậy tuy gắn kết được bố mẹ với vật bé thích đúng mục đích mong muốn của ta, nhưng sẽ không dạy cho bé được cách yêu cầu đồ vật và hành động nào đó bằng hình thức giao tiếp khác phù hợp hơn.

Với những bé này, chúng tôi đã thành công trong việc nạp thêm cho bé một số kỹ năng xuất phát từ những hành vi bé đã làm được (sờ) tận dụng chính ý muốn của bé được nghe ai đó nói tên chữ và số.

Đầu tiên, chúng tôi bắt đầu từ chính những gì bé đã được dạy trước đó (bé chỉ/người lớn nói). Chúng tôi sẽ im lặng một vài giây sau khi bé chỉ và đợi cho đến khi bé quay sang nhìn vào người lớn rồi mới nói tên số đó. Bé của bạn sẽ nhanh chóng chuyển sang giao tiếp mắt trước khi chỉ. Sau đó, chúng tôi viết các số vào thẻ nhỏ và bảo bé phải đưa cho chúng tôi số bé muốn chúng tôi nói tên (giống Hệ thống giao tiếp bằng cách trao đổi tranh – PECS). Chúng tôi sẽ dạy bé biết đưa tranh vẽ vật bé thích để có được vật đó. Về sau, khi bố mẹ không có mặt ở đó, bé sẽ vẫn biết đưa tranh cho bố mẹ. Khi bé làm như vậy, bố mẹ sẽ lấy chữ/số ra chơi với bé. Kỹ năng này đã có ý nghĩa hơn vì bé có thể yêu cầu một hoạt động/trò chơi bằng tranh mà trước đó bé chỉ có thể yêu cầu bố mẹ làm một hoạt động nào đó khi có chữ hoặc số đó. Bé sẽ khái quát hóa kỹ năng sử dụng PECS để yêu cầu các đồ chơi, thức ăn và các hoạt động khác bé thích. Chúng tôi cũng áp dụng việc gắn kết sở thích chữ và số này của bé với các hình khối, trò chơi đố chữ và các bài hát để gắn kết các hoạt động này với những thứ bé thích (tạo ra các vật củng cố có điều kiện mới).

Ngay cả khi bé nói những từ nghe như câu hỏi, chúng ta phải tìm ra được đâu là vật củng cố duy trì hành vi này của bé trước khi chúng ta tìm hiểu bé đang yêu cầu thông tin hay một vật hay hoạt động cụ thể nào. Ví dụ: bé có thể nhắc lại câu “Ông/bà/bố mẹ/cô chú/anh chị... có muốn xem TV không?” nhưng không hề quan tâm người đối thoại có muốn vậy hay không! Chức năng của câu hỏi này thực ra là để bày tỏ “*Con* muốn xem TV”. Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra điều này. Thói quen này được hình thành vì hễ khi nào bé muốn xem TV, bé liền kéo mẹ đến cái TV và đặt tay mẹ vào nút bật TV. Ngay trước khi bật TV, mẹ hỏi bé “Con có muốn xem TV không?”. Bé lặp lại “Con có muốn xem TV không?” và TV được bật lên. Việc bé nói theo câu “Con có muốn xem TV không?” đã được củng cố nhiều lần. Vấn đề là bé đã sử dụng mẫu câu “chưa chuẩn xác” để yêu cầu việc này. Nhẽ ra, bố mẹ phải nhắc bé “Con muốn xem...” và để bé điền tiếp từ “TV” rồi mới bật TV. Với bé chưa chịu nói theo từng từ khi yêu cầu hoặc lúc có lúc không nhưng lại hay điền từ vào những bài hát bé thích, ta sẽ dùng bài hát để dụ bé nói từ “TV” rồi thưởng.

Với những bé này, chúng ta sẽ nhắc bé nói “Con muốn xem TV” trước khi ta dạy bé dùng các từ riêng lẻ với nhiều chức năng bởi bé có thói quen hay nhắc lại lời nói. Chúng ta sẽ nhắc bé dùng những câu khác nhau như “Con muốn xem TV”, “Bật TV đi”, “Chúng ta xem TV nhé” v.v... để xin bật TV nhưng chỉ khi bé đã biết gọi tên một số lượng đáng kể các đồ vật khi được hỏi “Đây là cái gì?” và biết tự nói câu này để thu hút sự chú ý của người khác. Lúc đó việc bé biết nói cả câu “Con muốn xem TV” là rất quan trọng vì người nghe không phải lúc nào cũng biết được bé nói từ TV vì bé muốn bật TV hay bé gọi tên TV để thu hút sự chú ý của chúng ta.

Có bé hỏi nhưng không phải để lấy thông tin. Ví dụ: bé có thể hỏi “Quả bóng của con đâu?” khi quả bóng ở ngay trước mặt. Điều này thường xảy ra vì khi bé nói những từ nghe giống như câu hỏi “….ở đâu?”, bé thường được nhận những vật đó/vật bé thích kể cả khi vật đó ở ngay trước mặt bé. Hoặc, bé có thể đã được dạy cách đặt câu hỏi qua những hoạt động bắt chước mà không có vật củng cố bé muốn/thích hợp (được thông tin mình chưa biết). Ví dụ, bé có thể đã được khen/thưởng khi nói “Đó là ai?” lúc xem album ảnh gia đình. Nếu bé biết gọi tên những người trong album thì thực sự bé đâu cần thông tin đáp lại từ câu hỏi “Đó là ai?”. Khi đó, tốt nhất là nên nhắc bé dùng từ đúng ngữ cảnh rồi thưởng, tạo ra nhiều cơ hội thực hành, giảm nhắc dần, và đồng thời đưa bé vào những tình huống thích hợp để dạy bé phân biệt giữa hai ngữ cảnh. Ví dụ, trong trường hợp trên, người ta có thể nhắc (nhái âm và đặt ngón tay bé vào bức ảnh), “Nhìn này, bố đây này!” “Bà đấy” v.v... và giảm dần việc nhắc. Đồng thời dạy bé hỏi câu “Ai” khi bé cần thông tin theo cách chúng tôi miêu tả sau đây.

***Làm thế nào để dạy bé dùng câu hỏi đúng ngữ cảnh?***

Trước tiên, cần xem “thông tin” nào sẽ khích lệ bé dùng các dạng câu hỏi.

1. “Có thể” dùng để hỏi thông tin về khả năng tham gia vào một hoạt động cụ thể của một vật hoặc một người. Câu trả lời thường là “Có” hoặc “Không”. Ví dụ:

Con lừa có thể bay được không?

2. “*Con* có thể/xin phép….được không?” để xin phép tham gia vào một hoạt động mà bé mong muốn hoặc lấy một vật bé thích. Ví dụ:

*“Con có thể ra ngoài được không?”*

*“Con xin phép ăn một cái bánh qui được không?”*

3. “Liệu”/“Phiền anh làm…được không?” dùng để hỏi thông tin về sự sẵn lòng hoặc khả năng một người tham gia vào hoạt động cụ thể nào đó (với từ “anh” nếu bạn đang nói với người bạn muốn rủ tham gia hoạt động đó, “anh ấy, cô ấy” nếu người đó đang có mặt nhưng bạn không đối thoại với họ và tên cụ thể của một người nếu người đó không có mặt). Ví dụ:

*“Ông sẽ đến đón con chứ?”*

*“Cô có thể giúp con giải ô chữ này được không?*

*“Cô có thể lấy hộ con đôi giày được không ?”*

*“Phiền cô mang giúp rác ra ngoài được không?*

*“Anh ấy sẽ lấy xe tải của con à?*

*“Hôm nay bố có đi làm không?”*

*“Bà Smith có đưa con đi công viên cùng không?*

4. “Gì/cái gì kia? “  dùng để hỏi thông tin về tên gọi của một vật. Ví dụ :

*“Trong túi có cái gì?”*

*“Cái gì kia?” (chỉ vào một vật/một bức tranh bé chưa biết)*

5. “Loại gì?” dùng để hỏi thông tin cụ thể về thuộc tính của một vật hoặc để yêu cầu thông tin cụ thể hóa hơn. Ví dụ :

*Giảng viên: “Cô mới có một con chó!”*

*Học trò: “Loại gì?”*

*Giảng viên: “Loại ...A Boxer.”*

*“Bạn muốn khoai tây rán loại nào?”*

6. “Ai?” dùng để hỏi thông tin về tên gọi của một người. Ví dụ:

*“Đó là ai?” (một học sinh mới trong lớp)*

*“Ai lấy chiếc xe tải của tôi rồi?”*

*Mẹ: ““Hôm nay sẽ có người đến chơi”*

*Học trò: “Ai thế?”*

7. “Ở đâu?” dùng để hỏi thông tin về địa điểm/nơi chốn của một vật, một người hoặc một hoạt động.

Ví dụ:

*“Mẹ đâu? (khi mẹ không có ở đó)*

*“Đôi giày của con đâu?” (Giày không có ở đó)*

*“Chúng ta đi đâu đây?”*

8. “Khi nào?” dùng để hỏi thông tin về thời gian. Ví dụ:

*“Khi nào con có thể ăn trưa?”*

*“Khi nào cô đi nghỉ?”*

*“Khi nào chúng ta có thể gặp nhau?”*

9. “Tại sao?” dùng để hỏi thông tin về lý do một việc gì đó đang hoặc đã xảy ra. Ví dụ:

“Tại sao côlại để cái ví lên đầu?”

“Tại sao cô *lại đánh con*?”

“Tại sao anh ấy lại nói to như vậy?”

10. “Cái nào?” dùng để phân biệt giữa 2 hay nhiều vật. Ví dụ:

Bố*: “Bố ăn một cái bánh qui được không?” (có 3 cái bánh qui)*

*Con: “Cái nào?”*

11. “Như thế nào?” dùng để thu thập thông tin về một quy trình hoặc quá trình hoàn tất một việc. Ví dụ:

*“Cô chị mở cái này như thế nào?”*

*“Cái này hoạt động như thế nào?”*

12. “Có phải?” kết hợp với đại từ hoặc tên cụ thể để hỏi thông tin về sở thích, các hoạt động thông thường hoặc các sự kiện đã xảy ra. Ví dụ :

*“Cô đã lấy mấy cái bánh qui à?”*

*“Cô có thích chơi đố chữ không?”*

*“Bà có thích xem video của Thomas không?”*

Tiếp theo là tìm cách để bé muốn có được những thông tin này. Đây là yếu tố quan trọng của quá trình dạy bé bởi vì khi ta dạy bé “đặt câu hỏi”, nếu bé không quan tâm đến các thông tin nhận được, bé sẽ khó lòng tự động đặt câu hỏi. Nói cách khác, dạy bé hỏi thì cũng phải dạy bé “quan tâm” đến thông tin nhận được. Ta có thể làm việc này bằng cách gắn kết việc nhận thông tin với một vật bé thích. Một khi việc nhận thông tin đã gắn kết với vật bé thích sau một thời gian dài, rất có thể là bé sẽ hỏi ngày càng nhiều câu hỏi hơn. Tôi thường dạy các bé từng “từ để hỏi” trước tiên để đảm bảo bé hiểu đó là từ “quan trọng” (kích thích khu biệt) tương ứng với từng dạng hồi đáp hay thông tin cụ thể. Sau đó mới dạy bé các dạng khác nhau của từng loại câu hỏi.

Ví dụ về cách dạy:

**Cái gì?**

*(Bé rất thích cuốn “Thomas” và nhưng không biết nó ở đâu)*

Giảng viên: “Cô có cái này cho em! Hãy nói, ’Cái gì?’”

Học trò: “Cái gì?”

Giảng viên: “Một cuốn Thomas mới!”

Lưu ý: Bé phải được dạy hồi đáp lặp âm mỗi khi ta bảo bé “hãy nói”. Nếu bé không phân biệt được giữa yêu cầu lặp lại câu hỏi với yêu cầu trả lời câu hỏi, tốt hơn ta nên cho bé tập nói theo các từ khác trước để “tạo đà” rồi mới nói đến từ để hỏi. Ví dụ:

Giảng viên: “Hãy nói ‘Nhà’”

Học trò: ‘Nhà’

Giảng viên: “Hãy nói ‘trẻ em’.”

Học trò: ‘trẻ em’

Giảng viên “Hãy nói ‘cái gì”

Học trò: “Cái gì”

*(Vật bé ưa thích được đặt trong một cái túi giấy bóng mờ)*

Giảng viên: (chỉ vào túi) “Hãy nói ‘Cái gì đây?’”

Học trò: ‘Cái gì đây?’”

Giảng viên: “Đồ chơi đấy – Đây là con quay! Nào cùng chơi nào!”

*(Trẻ định mở khóa túi đựng vật bé thích)*

Giảng viên: “Hãy nói ‘Cái gì ở trong túi?’”

Học trò: ‘Cái gì ở trong túi?’”

Giảng viên: “Một băng video mới để chúng ta xem. Nào!”

Một khi câu hỏi đã được gắn kết với vật bé thích đủ một số lần, hãy dạy bé hỏi thông tin về tên vật mà bé chưa biết

Giảng viên: *(nhìn vào cuốn sách về Sinh vật biển có nhiều loại bé đã biết tên, một số vẫn chưa biết)*

Giảng viên: “Con gì đấy?”

Học trò: “cá voi”

Giảng viên *(chỉ vào một con vật bé không biết và thử không nhắc bé hỏi “Con gì đấy?” để hỏi thông tin về tên gọi)*

Học trò: “Bạch tuộc cá mập“

Giảng viên: (chỉ vào một con vật bé không biết và nhắc ngay) “Hãy nói ‘Con gì đấy?”

Học trò: “Con gì đấy?”

Giảng viên “Đó là con sư tử biển” *(Tùy từng bé, phần thưởng cho việc tham gia đặt câu hỏi này có thể là việc nhận được thông tin (nếu bé thích sinh vật biển) hoặc có thể phải gắn kết với lời khen như “Ôi, con biết nhiều sinh vật biển quá”.*

Lời khen đã trở thành nhân tố củng cố có điều kiện hoặc có thể dùng khi nhu cầu của bé đã giảm (chỉ thích đọc và thưởng thức đoạn cuối của quyển sách cùng nhau), hoặc một vật củng cố khác (như là nhận được một chú sư tử biển sau khi bé đặt câu hỏi nếu bé thích nghịch các sinh vật biển).

**Ai?**

*(Bố trí cho một số người bé thích đến phòng bé)*

Giảng viên “Có người đứng ngoài cửa kìa! Hãy nói ‘Ai đấy’”

Học trò: “Ai đấy”

Giảng viên: (mở cửa) “Bà đấy!” *(tiếp tục làm vậy với những người bé thích)*

*(Mọi người lần lượt trốn dưới ga giải giường, không để bé nhìn thấy)*

Giảng viên: “Nhìn kìa! Ai đó đang trốn dưới ga giải giường! Hãy nói “Ai đấy?”

Học trò: “Ai đấy?”

Giảng viên: (Nói tên người vừa thò ra khỏi ga giường)

Giảng viên: “Có người muốn thơm con” ! Hãy nói, ‘Ai đấy?”

Học trò: “Ai đấy?”

Giảng viên: “Cô!” (rồi thơm bé)

*(bố trí người bé thích gọi điện thoại đến)*

Giảng viên: “Có người muốn nói chuyện điện thoại với con này”. Hãy nói “Ai đấy?”.

Học trò: “Ai đấy?”

Giảng viên: “Bố đấy! Bố muốn nói chuyện với con!”

*(nhìn vào album ảnh)*

Giảng viên: “Ai đây?”

Học trò: “Mẹ”

Giảng viên: (Tiếp tục chỉ vào tranh và chỉ vào một ai đó bé không biết)

Giảng viên: Hãy nói “Ai đây?”

Học trò: “Ai đây?”

Giảng viên: “Bill.” (nhớ thưởng và khen bé khi bé chịu đặt câu hỏi)

**Ở đâu?**

*(Woody là một nhân vật bé rất thích)*

Giảng viên: “Cô biết Woody đang ở đâu! Hãy nói, ‘Ở đâu?’”

Học trò: “Ở đâu?”

Giảng viên: “Ở dưới ghế ý!” (giúp trẻ tìm nếu cần thiết)

Khi bé đã thạo dạng câu hỏi “Cái gì?”, hãy kết hợp với câu hỏi “Ở đâu?”

Giảng viên: “Cô có cái này cho cháu!”

Học trò: “Cái gì vậy?”

Giảng viên: “Một quả bóng mới! Hãy nói, ‘Nó ở đâu?’”

Học trò: “Nó ở đâu?”

Giảng viên: “Nó ở trong túi này!”

Học trò: (lấy quả bóng ra)

Khi đã bé biết hỏi “Ở đâu” đúng ngữ cảnh mà ta dàn dựng, khi có một kích thích khu biệt cụ thể, hãy dạy bé hỏi “Ở đâu” kết hợp với việc gọi tên để xin những vật còn thiếu.

(chơi lâu đài bằng bóng – GV giấu bóng ở nhiều nơi trong phòng)

GV: (thu hút sự chú ý của bé đến rổ bóng trống không)

GV: Hãy nói “Bóng đâu rồi?”

HS: : Bóng đâu rồi?

GV: Ở dưới cái hộp ý

(cho bé ngũ cốc mà không đưa thìa)

Cô giáo: Hãy nói “Thìa của con đâu?”.

Học trò: Thìa của con đâu?

Cô giáo: Thìa của con ở trong ngăn kéo ý. Chúng ta ra đó lấy thìa đi!

(Bé phải thường xuyên yêu cầu những vật còn thiếu. Hãy nhớ tiếp tục củng cố nhu cầu của bé với vật đó. Cũng có thể giấu vật củng cố sơ cấp (đồ ăn) cùng chỗ với cái thìa vì bé đã phải chờ mới được lấy cái thìa).

**Tại sao?**

*(Cô và bé cùng tham gia một hoạt động bé không thíchlắm)*

GV: Bây giờ chúng ta phải ngừng việc này thôi. Hãy nói “tại sao?”.

Học trò: Tại sao?

Cô giáo: Vì chúng ta sẽ đi công viên! (một hoạt động mà bé rất thích)

*(bé đang xem một đoạn video bé không thích lắm. Cô giáo vào và tắt đi)*

Cô giáo: Hãy nói “Tại sao cô tắt?”.

Học trò: Tại sao cô tắt?

Cô giáo: Để xem cuốn phim Dora mới này (một cuốn phim bé thích hơn)

*(Cô giáo đeo mũi chú hề)*

Cô giáo: Hãy nói “Tại sao cô đeo cái mũi đó?”.

Học trò: Tại sao cô đeo cái mũi đó?

Cô giáo: Vì hôm nay chúng ta sẽ chơi trò làm xiếc (là một trong những trò bé thích)

**Cái nào?**

Cô giáo: Cho con lấy một cái trong số kẹo này. Hãy nói “Cái nào?”

Học trò: Cái nào?

Cô giáo: Cái màu cam ý (màu bé thích)

Cô giáo: (giơ hai nắm tay ra) Trong tay cô có một kẹo này. Hãy nói “Tay nào?”.

Học trò: Tay nào?

Cô giáo: Tay này (cô xòe tay và đưa bé cái kẹo)

(Có thể dạy bé hỏi cụ thể bằng câu “tay bên nào?”)

(Để 2 hộp - 1 hộp đựng Woody).

Cô giáo: Cô để Woody trong một cái hộp đấy. Hãy nói “Hộp nào?”

Học trò: Hộp nào?

Cô giáo: Hộp bóng ý.

Khi bé đã biết thường xuyên đặt câu hỏi, hãy dạy bé yêu cầu thông tin để làm rõ một yêu cầu.

Cô giáo: (có 2 quả bóng bay) Đưa cho cô một quả bóng. Hãy nói “Quả nào?”

Học trò: Quả nào?

Cô giáo: Quả dài ý.

Học trò: (Đưa bóng cho cô và cô thổi bóng rồi chơi với bé.)

Khi bé đã dùng thạo dạng câu hỏi “Cái gì?” và “Ở đâu?”, hãy kết hợp với câu hỏi “Cái nào?”.

Cô giáo: Cô có cái này cho con.

Học trò: Cái gì?

Cô giáo: Một quả bóng mềm.

Học trò: Đâu?

Cô giáo: Trong túi ý (có 2 cái túi). Hãy nói “Cái nào?”.

Học trò: Cái nào?

Cô giáo: Túi to.

**Của ai?**

Cô giáo: Cô có kẹo của một người này. Hãy hỏi “Của ai?”.

Học trò: Của ai?

Cô giáo: Của con đấy (đưa kẹo cho bé)

GV (để kẹo trước mặt bé) Hãy nói “Của ai?”

HS Của ai?

GV Của con

Khi bé đã biết thường xuyên hỏi “Của ai?” không cần nhắc, thỉnh thoảng hãy xen vào tình huống kẹo là của người khác.

(đặt kẹo trước mặt bé)

Học trò: Kẹo của ai đấy?

Cô giáo: Của mẹ đấy (rồi mẹ cầm lấy kẹo)

**Khi nào?**

Học trò: Con ăn bánh được không?

Cô giáo: Bây giờ thì không được. Hãy hỏi “Khi nào thì được?”.

Học trò: Khi nào thì được?

Cô giáo: Khi chúng ta rửa tay xong (nhớ là lúc đầu chỉ nên bắt bé chờ đợi ít thôi)

GV Chúng ta đi công viên đi! Hãy nói “Khi nào?”

HS Khi nào?

GV Khi chúng ta đọc xong quyển sách này

Khi bé đã nắm vững câu hỏi “Ở đâu?”, hãy kết hợp với câu hỏi “Khi nào”.

Cô giáo: Hôm nay chúng ta sẽ đến một nơi đặc biệt!

Học trò: Chúng ta sẽ đi đâu?

Cô giáo: Đến sở thú! Hãy nói “Khi nào chúng ta sẽ đi sở thú?”.

Học trò: Khi nào chúng ta sẽ đi sở thú? (nơi bé thích)

Cô giáo: ngay sau khi ăn trưa xong (hãy nói chuyện này khi đang ăn trưa, đừng nói sau khi vừa ăn sáng)

**Thế nào?**

Cô giáo: (có một đồ chơi mới mà bé chưa biết cách làm nó chạy). Cô biết cách làm nó chạy đấy. Hãy nói “Làm thế nào?”.

Học trò: Làm thế nào?

Cô giáo: Như thế này này (bật lên cho chạy nhưng giữ bí mật không cho bé biết để có thể làm thêm vài lần nữa)

Khi bé đã tự hỏi không cần nhắc, hãy nhắc bé nói “Làm thế nào để bật nó lên?” rồi làm cho bé xem.

Cô giáo: (có một cái hộp có chốt khóa đựng một vật bé thích ở trong. Đưa cái hộp cho bé).

Cô giáo: Hãy nói “Làm thế nào để mở hộp?”.

Học trò: Làm thế nào để mở hộp?

Cô giáo: Con xoay nó thế này này. (mở hộp ra và đưa cho bé vật bé thích)

**Có thể**

(Bé thích xem cô giáo làm những việc buồn cười và tự đưa ra những nhận xét ngẫu hứng mà không cần nhắc)

Cô giáo: Chúng ta chơi một trò chơi nhé. Con có biết làm cái này không? (cô làm một hành động buồn cười để bé bắt chước)

Học trò: Có, con biết (rồi bé bắt chước cô giáo)

Cô giáo: Trông buồn cười quá. Bây giờ đến lượt con.

Học trò: Cô có biết làm thế này không? (rồi bé làm một hành động buồn cười để cô bắt chước)

Cô giáo: Có, cô biết (hoặc “không, cô không biết” tùy tình huống)

**…. có… không ?**

Cô giáo: Chúng ta có thể ra ngoài chơi nếu mọi người đều muốn. Hãy nói “Bạn có muốn ra ngoài chơi không?” (bảo bé hỏi một bé nữa trong nhóm 3 người)

Học trò: Bạn có muốn ra ngoài chơi không? (tiếp tục hỏi những bé khác, hy vọng các bé đều nói có)

Cô giáo: Cháu có thể chơi bóng nếu cháu tìm được bạn chơi cùng. Hãy nói “Bạn có muốn chơi bóng không?” (hướng dẫn bé tìm một người để hỏi)

Học trò: Bạn có muốn chơi bóng không? (tiếp tục hỏi cho đến khi tìm được người nói có)

Đây chỉ là một số ví dụ trong số rất nhiều hoạt động có thể dùng để dạy bé hỏi. Những điều quan trọng cần nhớ là:

1. Bé phải chưa biết thông tin đó

2. Thông tin phải có giá trị với bé

**25. DẠY BÉ HIỂU VÀ SỬ DỤNG NGÔN NGỮ TRÌU TƯỢNG**

Một số bé bị tự kỷ có thể học cách hỏi (hay yêu cầu), xác định (tiếp thu) và gọi tên các vật và hành động cụ thể một cách khá dễ dàng nhưng lại tỏ ra khó khăn trong việc học các phần khác trong ngôn ngữ mà được coi là trừu tượng hơn về bản chất, thí dụ tính từ, bổ ngữ, trợ từ và từ chỉ vị trí. Có nhiều giả thuyết về việc tại sao bé tự kỷ lại khó học những loại từ này hơn nhưng có thể là do những từ này mang tính “tương quan” hay “tương đối”. Nói cách khác, những từ này sẽ thay đổi tùy thuộc vào việc cái nào đang được so sánh, phụ thuộc vào người nói hoặc vào việc người ta đang nói với ai. Ví dụ khi đặt cạnh một cái xe buýt thì một cái cây có thể được coi là to nhưng khi đặt cạnh tòa nhà thì lại là nhỏ. Một quả bóng có thể nằm trên sàn nhưng lại ở cạnh cái ghế nhưng phụ thuộc vào vị trí của người quan sát mà quả bóng có thể không phải là ở cạnh cái ghế nữa. Nếu tôi nói chuyện với phụ nữ tôi có thể gọi cô ấy là chị nhưng nếu tôi nói về cô ấy với một người khác tôi lại gọi là cô ấy/chị ấy. Như vậy cũng dễ hiểu là tại sao các bé lại dễ nhầm lẫn. Về mặt hành vi, khó có thể kiểm soát được yếu tố kích thích khi các yếu tố này luôn thay đổi.

Cũng như giống như các thành tố khác của lời nói, GV sẽ thành công nhất nếu biết sử dụng ý muốn hay động năng của bé (Động cơ thiết lập) khi dạy bé dùng thành tố này của ngôn ngữ để yêu cầu. Khi bé đã sử dụng từ ngữ để yêu cầu mà không cần nhắc, có thế dạy bé nhận biết và xác định và gọi tên dễ dàng hơn thông qua việc sử dụng các kỹ thuật chuyển. Hãy xem xét từng phần trong lời nói đễ xác định xem chúng ta có thể sử dụng nhu cầu đặt yêu cầu của bé để buộc bé sử dụng những từ trừu tượng. Cần nhớ rằng các câu hỏi được sử dụng để buộc bé đáp lại cũng như các vật tham khảo đều là một phần trong các điều kiện kích thích mà những điều kiện này sẽ xác định là cần củng cố câu đáp nào của bé.

**Tính từ-**Sau khi đã bỏ đi danh từ và động từ, tính từ là bộ phận lời nói tiếp theo mà chúng ta dạy bé. Tính từ là những từ miêu tả danh từ, kể cả các từ miêu tả xem sự vật có âm thanh gì, cảm thấy gì, có mùi vị gì khi nếm và ngửi. Cần nhớ một số điều cơ bản khi dạy tính từ cho trẻ bị tự kỷ. Thứ nhất, cần dạy bé từ để miêu tả cách bé đang cảm nhận sự rung động. Cũng cần đảm bảo rằng bé đang có những biểu hiện thích hợp trên mặt. Cuối cùng, cần dạy bé theo phương pháp sao cho tránh tình huống bé thay đổi câu trả lời hoặc sử dụng tính từ một cách không thích hợp. Cần sử dụng động cơ hoặc ham muốn của bé đối với các vật để dạy bé đưa ra các yêu cầu có sử dụng tính từ rồi chuyển sang các chức năng khác.

Cần hiểu rằng trẻ bị tự kỷ có thể cảm nhận vật theo cách không giống ai. Ví dụ một vật gì đó thể có vị ngọt với bạn nhưng lại có vị đắng với trẻ. Do đó khi dạy về tính từ, cần biết trẻ phản ứng thế nào với một vật nào đó và gọi tên phản ứng của trẻ cho phù hợp. Cần nhớ rằng khi dạy trẻ tính từ, chúng ta cũng có thể dạy trẻ cách yêu cầu môi trường của trẻ thay đổi bằng cách nói cho chúng ta biết trẻ đang cảm thấy như thế nào. Cũng giống như người lớn có thể nói “tôi lạnh” như một yêu cầu gián tiếp để ai đó tăng nhiệt độ lên, cũng có thể dạy trẻ nói “to quá” như một yêu cầu những người xung quanh nói nhỏ đi. Cái ôm mà bạn thích có thể làm bé đau. Khi bé có khả năng gọi tên những cảm giác này hay yêu cầu thay đổi, nó cho phép bé kiểm soát tốt hơn môi trường của mình và có thể giảm nhu cầu cần có những hành vi tiêu cực thường thấy khi trẻ không giao tiếp được.

Khi bắt đầu dạy trẻ về tính từ, các vật cần phải giống nhau trừ ngừoi mô tả mục tiêu. Nhiều trẻ tự kỷ gặp khó khăn trong việc đáp lại những đặc điểm khác nhau của cùng một vật và nếu chúng ta sử dụng các vật có nhiêu điểm khác nhau để dạy cho bé một khái niệm nào đó thì chúng ta sẽ không chắc chắn được rằng bé đang tập trung vào đúng khía cạnh của vật. Ví dụ nếu ta dùng một quả bóng sọc lớn và một quả bóng nhỏ có các ngôi sao trên đó để dạy về lớn và nhỏ thì bé có thể cho là lớn là những thứ có sọc và nhỏ là những thứ có sao. Thay vào đó, chúng ta nên dùng 2 quả bóng có cùng màu và cùng chất liệu nhưng có cỡ khác nhau.

Cần sử dụng nhiều vật khác nhau và kết hợp chúng theo nhiều kiểu khác nhau khi dạy trẻ về tính từ để đảm bảo rằng trẻ không học cách sử dụng những tính từ đó để yêu cầu một vật hay gắn tính từ với vật thành tên của vật mà trẻ muốn một cách ngẫu nhiên. Ví dụ chúng ta không muốn trẻ nói “xanh” để đòi “bóng xanh” hoặc đòi tất cả các vật có màu xanh bằng cách nói “bóng xanh”. Để tránh điều này, chúng ta cần dạy trẻ yêu cầu bóng xanh, bóng đỏ, bóng vàng, vv và dạy trẻ yêu cầu cốc xanh, cốc đỏ, cốc vàng. Thực ra chúng ta cần theo sát câu trả lời của bé nhanh chóng bằng những kết hợp từ mới. Một cách khác để tránh trẻ nhầm lẫn như vậy là bắt đầu bằng cách kết hợp tính từ với yêu cầu mạnh mẽ nhất của trẻ mà thôi hoặc với các yêu cầu mà trẻ thường xuyên đưa ra mà không cần nhắc. Cũng cần dạy trẻ biết là khi nào thì cần dùng tính từ. Ví dụ nếu có 2 cái cốc khác nhau thì sẽ cần dùng tính từ để miêu tả cái cốc mà bé muốn nhưng nếu chỉ có 1 cái cốc thôi thì dùng tính từ lại là không thích hợp. Chúng ta không muốn bé luôn luôn sử dụng tính từ để yêu cầu và gọi tên sự vật xung quanh mình vì như thế câu nói của bé sẽ rất mất tự nhiên. Thử hình dung ra khi bút chì của bé gãy mà bé yêu cầu bé ngồi cạnh mình đưa cho mình “cái bút chì dài, sắc và màu vàng” thì sẽ như thế nào! Trong trường hợp này chỉ cần yêu cầu một cái bút chì là được rồi.

Để sử dụng ước muốn hay nhân tố ngoại cảnh tác động đến phản ứng nhất thời của bé với vật yêu thích để dạy bé yêu cầu có sử dụng tính từ, hãy bắt đầu bằng cách đưa ra 2 sự lụa chọn hay nhiều hơn thế của cùng một vật mà bé thích và yêu cầu bé dùng tính từ để nói rõ yêu cầu của bé. Khi bé đã có thể yêu cầu và sử dụng các tính từ trong các yêu cầu đó hãy chuyển bé sang gọi tên các câu trả lời. Khi chuyển sang gọi tên câu trả lời cần dùng cảm nhận đã dùng khi nói đến tính từ trong SD hoặc trong câu hỏi đặt ra cho bé. Ví dụ sau khi bé đòi “bóng cứng” mà không cần nhắc, hãy hỏi bé “quả bóng như thế nào?” và “nó như thế nào?” để dạy bé gọi tên là “cứng”. (Lưu ý rằng bạn muốn bỏ danh từ khỏi SD vì kèm theo danh từ thì cho bé một gợi ý là bạn đang hỏi tên của vật). Sau đó dùng SD hoặc câu hỏi “bóng như thế nào?” hoặc “hãy miêu tả quả bóng này” để dạy bé kết hợp tính từ và danh từ thành một từ có 2 chữ.

Có thể dạy bé các câu trả lời nhận thức bao gồm danh từ khi dọn đồ chơi hay khi cần một vật để hoàn thành một yêu cầu. Ví dụ cô giáo có thể yêu cầu “cái khăn to” khi lau tay hay bảo bé tìm “cái ô tô nhỏ” khi dọn đồ chơi. (Lưu ý: chỉ khi có nhiều vật mới cần xác định). Người khác có thể thích dạy tính từ như các câu trả lời nhận thức (chỉ, đưa, sờ mó) trước, sau đó chuyển sang gọi tên. Thứ tự mà bạn dạy các chức năng không quan trọng bằng việc cần xác định chức năng mà bạn có nhiều khả năng nhận được câu trả lời đúng của bé khi chuyển câu trả lời sang các chức năng khác.

Khi dạy bé đáp lại những đặc điểm của các câu trả lời về chức năng, đặc tính, chủng loại, đôi khi chúng ta cũng dạy về tiính từ. Một số người cho rằng không cần đảm bảo rằng bé đã ọc qua phần yêu cầu và/hoặc gọi tên tính từ trước khi dạy tính từ đó như một đặc điểm nhưng có thể cần đảm bảo rằng ta làm điều này để tránh những câu trả lời máy móc. Ví dụ có lẽ sẽ là tốt hơn nếu dạy bé yêu cầu hay gọi tên “nóng/lạnh” trước khi dạy bé cách đáp lại “cái lạnh là kem”. Khi bé được học tính từ đối lập nhau, bé sẽ trả lời với các tính từ mà không cần có vật ở đó. Để sử dụng ví dụ trên, nếu bé được học cách trả lời cho câu hỏi “Kem như thế nào?” là “lạnh” và không có kem ở đó, thì đó là câu trả lời tự nhiên. Bé cần có khả năng gọi tên “lạnh” trước để không trả lời máy móc.

Các chuyên gia có một số ý iến khácnhau liên quan đến việc có nên dạy tính từ theo từng cặp đối lập không. Một số người cho rằng dạy như vậy dẫn đến nhiều sự nhầm lẫn cho bé và một số người khác lại cho rằng nó giúp bé biết được khái niệm tương quan của từ. Những từ có nghĩa đối lập rõ ràng như to/nhỏ, khô/ướt, nóng/lạnh, ngắn/dài có vẻ là dễ dạy theo cặp nhưng không nhất thiết phải như vậy. Một số tính từ không có tính từ đối lập rõ ràng như “mờ mịt” hay “lấp lánh”. Có thể dạy tính từ độc lập với các ví dụ hoặc không cần ví dụ nếu bé gặp khó khăn trong việc học các mục tiêu. Nếu ta nghĩ kỹ thì phần lớn các vật mà bé thích đều có thể được tìm thấy dưới nhiều hình thức cho phép ta dạy tính từ. Sau đây là một số cách ghép tính từ với các vật yêu thích:

* Bóng lớn/nhỏ, ngắn/dài, sọc/trơn, căng/xẹp, nhiều màu sắc khác.
* Cát ướt/khô, nhiều màu
* Bóng mềm/cứng, dễ bóp, ghồ ghề/mịn, nhiều màu
* Que vải ngắn/dài, bóng/xỉn, nhiều màu
* Các bánh xe nhiều cỡ và màu sắc khác nhau có thể quay được
* Áo thun nhiều cỡ và màu sắc khác nhau
* Các con vật và nhân vật trong phim hay trong sách béo/gày, to/nhỏ, cao/thấp, mềm/cứng, dễ bóp, dính
* Các cỡ và màu sắc của cốc đựng nước trái cây hoặc các lọai nước trái cây và nhiệt độ của nước trái cây
* Nhiệt độ khác nhau của nước khi tắm hay rửa tay. Dùng các viên màu để thay đổi màu sắc của nước tắm.
* Bút sáp, bút vẽ, giấy và đất sét nhiều màu khác nhau đối với trẻ thích nghệ thuật
* Các lọai bánh/kem khác nhau

Không thể dạy cả số và nhiều ví dụ để khái quát hóa câu trả lời đúng đối với tính từ. Cần dùng nhiều vật khác nhau. Có thể cung cấp các trình tự dạy về nhận thức và gọi tên để đảm bảo là cô giáo đưa ra đủ ví dụ. Trước tiên dùng 2 vật giống hệt nhau và yêu cầu bé xác định và gọi tên các thí dụ khác nhau đó. Sau khi bé đã nắm vững các vật giống hệt nhau đó, hãy dạy bé gọi tên bằng cách sử dụng các tính từ với các vật không giống nhau.

Cũng cần đảm bảo rằng bé được dạy nhiều cung bậc khác nhau của một tính từ. Ví dụ khi dạy bé tính từ đỏ, hãy dạy bé nhiều sắc đỏ khác nhau để bé có thể khát gọi tên đúng. Khi dạy bé về khái niệm kích cỡ, cần dạy bé rằng một vật có thể được coi là lớn nếu đứng cạnh một vật khác nhưng lại có thể là nhỏ nếu so sánh với một vật khác nữa.

Chúng ta bắt đầu bằng cách dạy tính từ càng khác nhau càng tốt (đối nghĩa nhau), sau đó bắt đầu so sánh các khác biệt nhỏ hơn. Có thể dạy các tính từ so sánh (to, to hơn) và so sánh hơn (to, to hơn, to nhất) khi bé đã có thể gọi tên các tính từ đối lập nhau.

**Định tố-**định tố là các từ miêu tả vị trí của danh từ và luôn liên quan đến một vật thể. Địn tố là một trong những thành phần khó nhất của ngôn ngữ để dạy trẻ tự kỉ. Có thể là do một từ có thể trông rất khác tùy thuộc vào việc vật thể nào đang được sử dụng và vào vị trí của người nói và người nghe. Thêm vào đó, cùng một vị trí có thể được miêu tả bằng nhiều định tố khác nhau. Về thuật ngữ hành vi, rất khó đạt được sự kiểm soát kích thích vì nhiều kích tố (ví dụ vật mà bạn đang nói đến, các vật khác cũng có mặt ở đó, câu hỏi mà bạn dùng) kiểm soát câu trả lời và nhiều trong số các kích tố này có thể rất khác nhau.

Để biết được là trẻ tự kỉ khó học định tố như thế nào, hãy thử nghiệm ở nhà xem. Hãy đặt một vật ở một vị trí nào đó rồi cho nhiều người khác nhau vào phòng và miêu tả vị trí của vật đó. Bạn sẽ thấy rằng mỗi người miêu tả vị trí của vật tương quan với các vật khác nhau nên một người có thể miêu tả vị trí của vật đó là trong góc, người khác lại nói là nó ở cạnh cái ghế và người khác nữa lại nói nó ở giữa cái ghế và bức tường. Tất cả các câu trả lời này có thể đều đúng cả nhưng chúng rất khác nhau! Một nguyên nhân khiến lầm lẫn nữa là các chúng ta dùng định tố. Nhiều người nói là đi (trên) xe đạp hoặc trên xe ô tô nhưng đối với một cái xe thùng thì chúng ta đi trong nó hay trên nó? Còn đối với tàu hỏa thì sao? Hay cái đu? Chúng ta đi trong cỏ hay đi trên cỏ? cá bơi trong hay dưới nước? Nhiều người không nhất quán trong việc dùng định tố và bé có thể nghe nhiều từ khác nhau để chỉ cùng một vị trí.

Một cách để giúp bé học cách hiểu và sử dụng đúng định tố là phải có sự nhất quán với tât cả các giáo viên hướng dẫn. Nhóm Gviên này cần nhất trí về từ ngữ dùng với các vật khác nhau ví dụ với các vật nêu trên. Một điều nữa là phải luôn luôn dạy định tố cùng với các vật thể mà bạn đang dùng để dạy về vị trí. Ví dụ dạy bé “ở trong hộp” và “ở ngoài hộp” thay vì “trong” và “ngoài” thôi. “Trong” có thể khá rõ khi dạy một mình, một vật “ở ngoài” cũng có thể “ở trên sàn” nếu vật tham khảo cũng được bao gồm ở trong câu trả lời.

Một trong những cách dễ nhất để giúp bé về định tố là dùng các vật mà bé thích và đặt ở vị trí nào đó. Khi bé yêu cầu vật đó, hãy nói cho bé biết vị trí của vật đó (ban đầu thì nhắc bé sau rồi không nhắc nữa). Ví dụ nếu bạn đang dạy từ “ở dưới” thì hãy dùng 1 cái hộp úp ngược và khi bé đòi Pooh thì hãy nói với bé là nó ở dưới cái hộp. Khi đang chơi với Pooh bạn có thể bảo bé để Pooh ở dưới cái hộp và bảo bé nhảy lên hộp. Sau đó mang các vật khác ra ví dụ cái bát và quyển sách và để bé yêu cầu Po oh hoặc các nhân vật hoạt hình khác nhảy lên quyển sách hay dưới cái bát. Bằng cách kết hợp các vị trí và các vật thể, bạn có thể đảm bảo rằng bé học các đáp lại một cách mềm dẻo. Cũng cần chuyển sang tất cả các chức năng (vebal operant) kể cả yêu cầu, xác nhận, gọi tên và liên ngôn ngữ (phản ứng lại hành vi ngôn ngữ của những người khác).

Nếu bé thích đi lại, chỗ tốt nhất để dạy về định tố là trên sân chơi. Hãy trèo dưới và trên các thanh, nhảy lên nhảy xuống các thanh cân bằng, trèo lên trèo xuống các máng trượt và nhảy vào và nhảy ra các công trình người ta xây ở chỗ chơi để chơi trốn tìm. Hãy đi qua và xung quanh các đường hầm. Một số bé thích sai khiến người lớn nên hãy đế bé ra lệnh cho bạn đi (yêu cầu). Khi bé đã dùng các định tố để phục vụ cho mục đích này, hãy chuyển sang các chức năng khác.

Một số bé thích chơi “tìm đồ chơi” với người lớn. Để chơi trò này, hãy lần lượt giấu một đồ chơi bé ưa thích. Một người giấu đồ chơi và người kia có thể đưa ra 3 phỏng đoán về nơi đồ chơi được giấu. Nếu không đoán ra được chỗ giấu thì người giấu sẽ chỉ cho người khác chỗ giấu. Trò chơi này có thể khá khó và nên chơi với trẻ có khả năng yêu cầu thông tin về địa điểm sử dụng các câu hỏi “ở đâu” và “có” và có thể đáp lại những câu hỏi “có/không” nhưng vẫn nhầm lẫn định tố.

Một tò chơi khó hơn để dạy địn tố ở mức cao hơn là để chướng ngại vật giữa 2 bé, cả 2 đều có giấy và chì màu. Một bé là sếp và bảo bé kia vẽ gì và vẽ ở đâu. Ví dụ, bé này có thể bảo bé kia vẽ một ngôi nhà ở giưa trang, một ông mặt trời ở góc trang và một cái cây cạnh nhà. Đây là một trò chơi bổ ích cho cả 2 bé vì nếu bé không lam sếp có câu hỏi thì bé sẽ phải hỏi bé làm sếp nói rõ hơn. (yêu cầu thông tin) Khi bé vẽ xong, hãy để 2 bé so sánh các bức tranh và xem các bé vẽ khác nhau như thế nào. Trò chơi này cũng chỉ nên sử dụng cho các trẻ có khả năng yêu cầu thông tin bằng cách dùng câu hỏi “ở đâu”.

**Đại từ nhân xưng –** Đại từ nhân xưng cũng rất khó với trẻ tự kỷ vì từ được dùng phụ thuộc vào người dùng và việc ngườ nghe có biết gì về người được nói đến không. Ngoài ra, nhiều trẻ tự kỷ thích gán một tên cho mỗi đồ vật nên việc mẹ cũng được gọi là chị ấy, em/chị là rất rắc rối. Đại từ nhân xưng cũng khó dạy vì nếu chúng ta muốn nhắc bé đáp lại đúng cách thì chúng ta thường phải đảo lại Đại từ nhân xưng. Ví dụ nếu ta đang dạy bé đáp lại câu hỏi “mũi của ai?” bằng cách trả lời “mũi của cháu” khi nhắc bé, thì chúng ta phải nói “mũi của cô” mặc dù chúng ta sẽ nói như vậy khi nói đến mũi của chúng ta. Nhiều người có xu hướng để cho trẻ nói “mũi của cháu” bằng cách nói là “đúng rồi, đó là mũi của cháu” mà điều này càng làm cho trẻ dễ nhầm lẫn hơn.

Cuối cùng, khi dạy bé dùng đại từ nhân xưng, chúng ta cần dạy bé dùng đúng cả trong tình huống gọi tên (gọi tên khi có sự xuất hiện của một người) và trong ngữ cảnh hội thọai (dùng đại từ nhân xưng để nói về những thứ không hiện hữu) và dùng thêm các hành vi trao đổi ví dụ như chỉ trỏ để xác định vật được nói đến. Hãy xét trường hợp bé đến gặp cô giáo trong một lớp có nhiều bé và nói: “Nó lấy bóng của cháu”. Đứa bé có trong lớp nhưng cô giáo không biết “nó” là ai. Điều quan trọng là cần dạy bé chỉ tay hay ít ra thì cũng nhìn về phía người mà bé đang nói tới khi bé chỉ tên ai đó.

Một ví dụ khác là bé về nhà và mẹ bé hỏi “Hôm nay con làm gì ở trường?” Bé đáp “Con xây một tòa lâu đài với nó”. Mẹ không biết “nó” là ai. Cần dạy bé dùng tên của người bé đang nói đến để “thiết lập người nói đến” trước khi dùng đại từ nhân xưng trong một mẩu hội thọai.

Một trong những sai lầm thường xảy ra do những khó khăn khi dạy trẻ tự kỉ dùng đại từ nhân xưng là việc tránh không dùng một đại từ nhân xưng nào cả. Ví dụ, bốmẹ bé có thể nhắc “Kevin muốn đi ra ngoài”. Tât nhiên sau nhiều năm được củng cố để nói “Kevin muốn đi ra ngoài”, sẽ rất khó có thể dạy bé dùng từ “con” đúng chỗ khi bé nói về mình. Hoặc là khi nhìn qua một cuốn album ảnh, bố mẹ có thể dạy bé dùng tên mình để đáp khi được hỏi “ai đó” khi nhìn vào ảnh bé. Câu trả lời phải là “con” chứ không phải là tên của bé.

Không nên dùng các đại từ nhân xưng như “anh ấy, chị ấy, nó, vân vân” trong giai đoạn đầu khi dạy bé nói mà cần bắt đầu dạy bé gọi mình là “con” và “tôi” ngay từ ban đầu để sau này không phải dạy lại bé nữa.

**Con/Tôi**

Những đại từ nhân xưng đầu tiên mà bé học là “tôi” và “con”. Những đại từ này thường được dạy trong yêu cầu khi bé bắt đầu yêu cầu với “con muốn…”. “Con” ó thể được dạy khi bé yêu cầu một hành động. Ví dụ khi bé yêu cầu đẩy thì ta hỏi “Cô nên đẩy ai đây?” và nhắc bé đáp là “con”. Cần có thêm người khác hoặc các con búp bê để đẩy để bé không nghĩ rằng khi yêu cầu đẩy thì chỉ có “đẩy con” thôi. Khi đã được dùng trôi chảy trong các yêu cầu thì các đại từ nhân xưng này có thể chuyển thành gọi tên khá đễ dàng bằng cách hỏi “cô sẽ đẩy ai?” và nhắc bé nói là “con” hoặc “ai muốn uống nước quả?” và nhắc bé đáp là “con”.

**Của con/của tôi**

Những đại từ dễ nhất để dạy bé tiếp theo là “của con” hay “của tôi”. Trước tiên hãy dạy những câu trả lời này như yêu cầu để giữ một vật mà ai đó đang cố lấy đi của bé. Ví dụ, khi nhẹ nhàng có lấy đi một cái xe đồ chơi, nhắc bé nói là “xe của con” và kéo cái xe đi (giống như hầu hết các bé khác). Cần dạy bé cách giữ đồ vật của mình theo cách này, nhất là khi bé đi nhà trẻ hay đi học. Như vậy thì tốt hơn nhiều so với đánh nhau với đứa trẻ khác hay để chúng lấy đi đồ chơi của mình. Khi bé đã biết đáp lại khi bạn muốn lấy đồ chơi của bé, hãy hỏi bé “xe của ai?” Bé sẽ nói “của con” như là một câu trả lời gọi tên vì bé vừa nói như vậy xong. Hãy giả vờ là bạn ngớ ngẩn. Hãy đi giày của bé khi chuẩn bị đi chơi và đưa giày của bạn cho bé đi để bé nói là “giày của con”. “Của con” cũng có thể dạy theo cách tương tự. Trong trường hợp đó chỉ dạy bé nói “của con” mà không cần ghép với vật.

**Của con/của mẹ**

Không nên dạy bé “của con” và “của mẹ” bằng cách cách đưa ra các hướng dẫn nhận thức. Thường thì chúng tôi gợi ý dạy cả các câu đáp nhận thức (chỉ trỏ/sờ mó) và gọi tên cùng một lúc. Điều này là do bé sẽ thường gọi tên vật/hành động khi bé đang xác định. Để chuyển từ câu trả lời nhận thức, tên gọi phải được kèm theo khi bé đang chỉ. Nhớ là chúng ta đang chuyển hành vi của bé sang một tình huống mới mà không thể làm được đối với đại từ “của con” và “của mẹ”. Thay vào đó, việc này sẽ đòi hỏi phải đảo ngược đại từ. Ví du, một trong những mục tiêu ban đầu trong ABLLS là dạy bé gọi tên các bộ phận cơ thể của bé và của người khác. Nhiều người dung SD “sờ vào mũi của tôi” và “sờ vào mũi của con” để dạy kỹ năng này. Tuy nhiên khi được hỏi là “sờ vào mũi cô đi” và bé đáp lại bằng cách sờ vào và nói “mũi của cô” thì như vậy là sử dụng không đúng đại từ và không thể chuyển được sang việc gọi tên “mũi của ai”. Thay vào đó hãy để bé gọi tên các bộ phận cơ thể của búp bê, các bức tranh động vật và người. Mục tiêu chuyển đổi sang cần bao gồm tên gọi cua vật sở hữu và dạy tên gọi của người sở hữu. hãy đọi để dạy đại từ nhân xưng sau khi bé đã nắm vững các kỹ năng khác.

Cô giáo: “hãy sờ vào mũi con chó”

Học trò: (đang sờ) và nói “mũi chó”

Cô giáo: Đúng rồi, cái mũi này là…

Học trò: của con chó

Cô giáo: Mũi của ai?

Học trò: Của con chó

Cô giáo: Kể cô nghe về cái này đi

Học trò: Mũi chó

Sau đó, khi bé đã sẵn sàng để học đại từ nhân xưng thì có thể dùng cùng họat động đó để dạy bé các đại từ sở hữu khác như ‘của anh ấy”, “của chị ấy” và “của nó” mà không cần đảo ngược đại từ.

Các quy trình giảng dạy khác dùng cho việc dạy từ sở hữu “của con” và “của mẹ” có thể bao gồm cả các nhận xét. Với các nhận xét, bé được học cách gọi tên một vật trong môi trường xung quanh bằng cách theo mô hình của cô giáo mà không cóp py trực tiếp. Đây thường là cách thành công để dạy trẻ tự kỉ vì chúng thường có xu hướng bắt chước.

Cô giáo: Đèn của cô màu vàng (Chỉ vào đèn của bé)

Học trò: Đèn của con màu xanh

Cô giáo: Kể cho cô về cái đèn này đi (chỉ vào đèn của bé)

Học trò: Đèn của con màu xanh

Sau đó, nói với bé “kể cho cô nghe về cái đèn này” và nhắc “Đèn của cô màu vàng”. Học trò: Đèn của cô màu vàng”. Tiếp tục cho đến khi bé có khả năng miêu tả từng vật và sử dụng đúng các đại từ. Khi dùng “kể cho cô nghe về” làm SD làm giảm ảnh hưởng của việc đảo ngược đại từ. Cũng có thể dạy “của tôi” và “của cô” một cách dễ dàng khi chơi game. Dạy bé xác định đến lượt ai. Bắt đầu bằng cách để cả cô giáo và bé nói “đến lượt tôi” vào những thời điểm thích hợp nhưng chỉ hỏi “đến lượt ai” sau khi bé đã nói “lượt con”. Sau khi bé đã nắm vững cái này, bắt đầu nói “đến lượt ai?” sau khi bé đáp lại lần đầu tiên. Cuối cùng, khi bé đã nắm vững cả hai, hãy trộn 2 cái với nhau.

Đến một lúc nào đó, bé cần học đảo ngược đại từ nhân xưng nhưng chỉ nên làm sau khi bé đã nắm vững nhiều đại từ khác. Chỉ nên dạy bé mỗi lần 1 đại từ thôi. Khi dạy, cần nhắc bé đầy đủ trước khi bé trả lời. Ví dụ, hãy bảo bé “sờ vào đầu gối cháu” rồi hãy hỏi “đầu gối của ai” và nhắc “của cháu”. Chờ để bé bắt chước bạn rồi hỏi lại để bé đáp mà không cần nhăc. Khi bé đã đáp lại với từ “của con” thường xuyên mà không cần nhắc thì hãy giới thiệu từ “của cháu”.

Cô giáo: hãy sờ vào mũi cô đi

Học trò: (sờ mũi)

Cô giáo: Mũi của ai? Cháu hãy nói là “của cô”

Học trò: Của cô

Đối với một số trẻ, dễ nhất là chờ đến khi bạn đã dạy chúng cách yêu cầu thông tin bằng cách dùng “của ai?” và “ai?” sau đó hãy dạy các đại từ nhân xưng đồng thời với các yêu cầu này. Ví dụ, bỏ một miếng kẹo mà bé ưa thích trên sàn nhà và nhắc bé hỏi “kẹo của ai?”, bảo bé nói “của cháu” hoặc “kẹo của cháu”. Như thế bé sẽ học nghãi của từ “của cháu” rất nhanh. Sau đó, hãy bắt đầu hỏi bé “kẹo của ai đây?” sau khi bạn đã đáp lại câu hỏi của bé va nhắc bé nói “của cháu”. Thỉnh thoảng, khi bé hỏi “kẹo của ai?”, hãy nói “kẹo của mẹ” và lấy cái kẹo hoặc bảo bé đưa kẹo cho bạn. (Cẩn thận, có thể là kẹo rất ngon). Hãy hỏi “kẹo của ai?” và nhắc bé đáp “của mẹ”. Tất nhiên nếu bé không thích kẹo, có thể dùng các vật khác.

**Của anh ấy/của chị ấy/của nó**

Cũng có những đại từ nhân xưng sở hữu và lợi thế của việc dạy các đại từ này là thưừong chúng không cần đảo ngược giữa người hướng dẫn và trẻ. Có nhuwngx ĐTNX được dùng để gọi tên hoặc để đáp lại các trạng thái sở hữu. Như đã miêu tả ở trên, các ĐTNX này có thể được dạy với các bộ phận trên cơ thể. Nếu sử dụng cách dạy này, nên dạy bé chỉ vào các bộ phận.

(một bức ảnh một bé trai, bé gái và một con chó)

Cô giáo: hãy sờ vào áo của bạn trai đi (nhắc không chậm trễ)

Học trò: (sờ vào áo bé trai)

Cô giáo: hãy sờ vào áo của bạn trai đi (thôi không nhắc nữa)

Học trò: (sờ vào áo bé trai)

Cô giáo: “cái áo đó là…”

Học trò: của nó

Cô giáo: áo của ai?

Học trò: của nó

Tiếp tục với các ĐTNX sở hữu khác cho bé gái và con chó.

**26. DẠY BÉ NÓI CẢ CÂU**

***Khi nào chúng ta bắt đầu để trẻ làm quen với câu ?***

Câu trả lời phụ thuộc vào từng trẻ, nhưng nhìn chung, nên áp dụng dạy cho trẻ kết hợp 2 từ ngay khi trẻ đã biết được ít nhất khoảng 50 từ dùng để hỏi, nêu yêu cầu, và khi trẻ có thể phân biệt và gọi tên sự vật mà không cần bất cứ sự nhắc nhở nào cả. Dựa vào những kỹ năng hiện có của trẻ, ta có thể quyết định khi nào và những từ nào được kết hợp thành cụm từ và câu.

Ví dụ:

Trẻ đã có thể nhại lại một cách thành công bao nhiêu từ ? Liệu trẻ đã có thể nhại lại một cách tự nhiên các câu dài chưa? Trẻ có khả năng sử dụng những từ đơn để nêu yêu cầu mà không cần ai nhắc chưa? Trẻ có thể nhại lại 2 hay nhiều từ mà không cần nhắc không ?

Như đã trao đổi ở trên, một số trẻ tự kỷ không hề gặp khó khăn gì khi sử dụng câu hoàn chỉnh theo kiểu nhại lại hay bắt chước người khác. Những trẻ này có thể sử dụng câu theo kiểu “cắt và dán” nhưng lại gặp khó khăn trong việc kết hợp nhiều từ thành câu một cách linh hoạt. Đối với những trẻ này, điều quan trọng là cần dạy trẻ sao cho khi “chia nhỏ” những câu nói của trẻ thành các “phần nhỏ” thì trẻ vẫn có thể hiểu và sử dụng đúng chức năng của từng “phần nhỏ” này, cũng như có thể ghép lại sau đó để trở về câu ban đầu. Cần tiếp tục thỉnh thoảng đặt những câu hỏi để trẻ có cơ hội trả lời bằng những từ đơn.

Ví dụ:

Cho dù trẻ có thể nói "*Con nhìn thấy một chiếc tất đỏ nhỏ trên sàn nhà*" thì khi trẻ đến để nhặt chiếc tất, điểm cốt yếu vẫn là liệu trẻ có khả năng trả lời những câu hỏi như thế này hay không: “*Đó là cái gì ?*” (chiếc tất), "*Chiếc tất màu gì ?*" (Đỏ), "*Chiếc tất ở đâu ?*" (trên sàn nhà), "*Chiếc tất cỡ nào ?*" (nhỏ). Thêm vào đó, điều quan trọng nữa cần phải biết, liệu trẻ có thể sử dụng mẫu câu tương tự để gọi tên các kích cỡ và màu sắc của những chiếc tất khác mà nó nhìn thấy trên sàn nhà hoặc ở những vị trí khác không.

Những trẻ khác có thể sử dụng các từ đơn để nêu yêu cầu và gọi tên sự vật mà không cần ai nhắc nhưng lại gặp khó khăn rất lớn trong việc kết hợp các từ này. Có thể có một sự tổn thương nào đó ở khả năng phát âm từ vựng khi trẻ cố gắng sử dụng những từ có nhiều âm tiết hoặc khi có 2 hay nhiều từ nối lại với nhau. Đối với nhưng trẻ này, điều quan trọng là phải từ từ tăng độ dài của câu vì trẻ sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc dùng chính xác từ khi độ phức tạp của chuỗi phát âm tăng lên.

Cũng như ở các kỹ năng cần dạy khác, nếu trẻ tỏ ra trốn tránh không muốn tiếp tục hoặc tự ý ngừng đưa ra yêu cầu cũng như gọi tên sự vật, khi đó ta cần xem lại độ khó trong nội dung giảng dạy để có sự điều chỉnh thích hợp. Đừng đánh mất công sức của cả quá trình chỉ vì cố gắng bắt trẻ kết hợp từ quá sớm.

***Có nên dạy trẻ sử dụng tất cả các "tiểu từ"(từ ngắn, ít âm tiết, đơn âm), ví dụ như các từ “con, cái” để lập câu đúng ngữ pháp hay là bằng lòng với việc dạy những từ ghép (từ dài, nhiều âm tiết), như “khuyên, đỏng đảnh...v.v” ?***

Đây là một câu hỏi thường gặp và có một số bất đồng giữa các chuyên gia để đưa ra một câu trả lời đúng. Có lẽ cách tốt nhất để ra quyết định dạy theo kiểu nào trước là nên dựa vào nhu cầu và quá trình học tập của từng trẻ từ xưa đến nay cũng như tuỳ thuộc vào lứa tuổi của trẻ.

Đối với trẻ phát triển bình thường, lúc đầu thường nói những câu không đúng ngữ pháp rồi dần dần mới học và nói những câu hoàn chỉnh và đúng ngữ pháp. Vấn đề nằm ở chỗ là đối với một số trẻ tự kỷ, khi đã quen với một “quy tắc” hoặc một cách nói cụ thể nào đó, thì thường khó thay đổi về sau. Đối với những trẻ này, điều quan trọng là phải dạy những mẫu câu đúng ngữ pháp hoặc những mẫu câu thích hợp với ngữ cảnh ngay từ đầu. Quy tắc chủ đạo là nếu trẻ có thể nhại lại mẫu câu đúng ngữ pháp một cách dễ dàng thì nên dạy trẻ như vậy, nhưng không quá chú trọng vào việc dạy trẻ nói những câu dài hơn.

Mặt khác, nếu trẻ gặp khó khăn trong việc kết hợp các từ thành câu cũng như trong phát âm khi độ dài và độ phức tạp của từ và câu gia tăng thì việc dạy trẻ nhiều câu theo lối "vắn tắt/ghép" sẽ có lợi hơn. Mục tiêu của chúng ta trong giai đoạn này của trẻ là dạy trẻ giao tiếp càng nhiều càng tốt. Các "tiểu từ" không hoặc ít ảnh hưởng tới nghĩa của câu thì có thể bỏ đi để trẻ có thể truyền đạt được những ý nghĩ phức tạp hơn.

Ví dụ:

Đối với một trẻ không có khả năng bắt chước hơn 4 âm tiết. Nếu trẻ cố gắng nói bất cứ cụm từ hoặc câu nào dài hơn 4 âm tiết thì những gì trẻ phát âm ra sẽ trở nên khó hiểu với người nghe. Đối với trẻ này, khi trẻ muốn có cuốn sách Cliffors, thì việc dạy trẻ nói: "*đọc con chó đỏ lớn*" có thể sẽ dễ dàng hơn là cố gắng dạy cho trẻ nói "*Con muốn đọc cuốn sách Cliffors*". Bởi vì cụm từ "*Con muốn*" mang rất ít giá trị giao tiếp nhưng lại tăng thêm một độ dài đáng kể cho câu, đồng thời "*Cliffors*" là một từ khó bởi vì phải uốn lưỡi khi phát âm vần "*Cl*".

Cái chính cần lưu ý, điều gì là quan trọng đối với trẻ để trẻ có thể giao tiếp với bạn và hãy dạy trẻ cách nói với bạn dựa trên những kỹ năng hiện tại của trẻ. Nếu một câu trả lời cần phải nhắc liên tục thì có nghĩa là nó quá khó đối với trẻ ở thời điểm đó và gần như chắc chắn là trẻ trả lời không đúng câu hỏi. Nên nhớ rằng, chúng ta muốn trẻ giao tiếp với chúng ta suốt ngày và nói cho ta biết những gì trẻ muốn.

***Nên dạy trẻ cách kết hợp từ theo trật tự nào ?***

Đây là một lĩnh khác nữa mà giữa các chuyên gia lại có những ý kiến không đồng nhất. Tiến sĩ Partington và Tiến sĩ Sundberg khuyến cáo nên tuân theo một chuỗi phát triển liên tiếp, họ gợi ý trật tự như sau:

Danh từ + Danh từ (2 danh từ gọi tên của vật mà trẻ nắm vững - *bóng, ôtô*)

Danh từ + Động từ (*quả bóng đang lăn*)

Lưu ý rằng sự kết hợp Động từ + Danh từ được đưa ra ở nhiều ví dụ trong tài liệu này.

Danh từ + Tính từ (*quả bóng to, xe tải nhỏ*)

Danh từ + Tính từ + Động từ (*quả bóng màu đỏ đang nảy lên*)

Trong khi đó, Tiến sĩ Carbone thì lại đề nghị trật tự sau nên áp dụng trong khi dạy trẻ gọi/nói ra tên sự vật:

Danh từ + Danh từ (*bóng và giày*)

Các động từ

Cụm từ chuyển tải + danh từ (*đó là một quả bóng*)

(Cụm từ chuyển tải - trong tiếng Việt tạm coi là những cụm từ “*Đó là.../Đấy là.../Kia là...* – giải thích của người dịch)

Danh từ + Động từ (*quả bóng đang lăn*)

Các tính từ

Nói ra hoặc gọi tên sự vật khi được nghe mô tả về đặc điểm, chức năng, chủng loại

Mô tả được các đặc điểm, chức năng, chủng loại khi tên sự vật được nói ra

Danh từ + Tính từ + Động từ (*con gấu trắng đang chạy*)

Gọi tên/mô tả các đặc điểm

Gọi tên với cụm từ chuyển tải, các tính chất và động từ (*đó là một quả bóng màu đỏ đang lăn*)

Gọi tên với cụm từ chuyển tải, các tính chất và động từ (với 2 tính chất) (*đó là một quả bóng nhỏ, màu đỏ đang lăn*)

Trong mô tả về thứ tự nên tuân theo khi dạy trẻ, tiến sĩ Carbone gợi ý như sau:

Từ đơn dùng gọi tên các sự vật, hoạt động, hành động

Nêu yêu cầu về các hành động khác

Nêu yêu cầu có kết hợp với cụm từ chuyển tải

Nêu yêu cầu đối với những người khác đang làm một việc nào đó dừng lại và giúp đỡ

Nêu yêu cầu để gây sự chú ý của người khác

Nêu yêu cầu để có thông tin (hỏi ai, cái gì, ở đâu, khi nào, như thế nào, cái nào, của ai, các câu hỏi về lý do)

Nêu yêu cầu về những việc xảy ra trong tương lai

Nêu yêu cầu có sử dụng các tính từ, giới từ, trạng từ, đại từ

Tóm lại, khi nhìn vào cách mà trẻ phát triển bình thường học cách kết hợp từ (Bloom and Lahey, 1978, Brown, 1973), chúng ta phát hiện ra rằng, đầu tiên trẻ kết hợp một chuỗi các từ đơn lẻ mà không chú ý đến trật tự từ. Những từ đơn lẻ này có thể trẻ nói cùng với biệt ngữ khác hoặc không.

Ví dụ:

Trẻ có thể nói "*mẹ ơi*" (nhìn vào mẹ), "*con chó*" (chỉ vào con chó) để lôi cuốn sự chú ý của mẹ vào con chó. Ở đây có sự ngắt quãng giữa các từ, ngữ điệu như nhau và cách hạ giọng tách 2 từ thành những chuỗi phát âm riêng biệt. Khi trẻ bắt đầu kết hợp từ trong câu nói, chúng thường làm theo cách chỉ ra mối quan hệ giữa các từ.

Ví dụ:

Khi "danh từ" đang làm chủ một hành động, thì danh từ đi trước động từ (*mẹ ngồi, con chó cắn*). Khi danh từ là đối tượng được tác động thì danh từ theo sau động từ (*đá quả bóng, uống nước quả*).

Ở trẻ phát triển bình thường, nói chung lúc đầu trẻ thường sử dụng các cách kết hợp hay các mối quan hệ có ý nghĩa như sau:

Tác nhân + hành động - danh từ + động từ (*mẹ đẩy*)

Hành động + bổ ngữ - động từ + danh từ (*ăn chuối*)

Tác nhân + bổ ngữ - danh từ + danh từ (*cậu bé (đá) bóng*)

Hành động + vị trí - hành động + danh từ (*nhảy giường*)

Thực thể + vị trí - danh từ +danh từ (*mẹ bếp*)

Chủ sở hữu + vật sở hữu - danh từ +danh từ (*giày (của) mẹ, mũi (của) bố*)

Thực thể + thuộc ngữ - tính từ + danh từ (*ôtô màu đỏ, cốc vỡ*)

Đại từ chỉ định + thực thể - đại từ + danh từ (*bếp kia, bupbê này*)

Ngoài ra, việc nghiên cứu cách mà trẻ phát triển bình thường học ngôn ngữ cho thấy rằng: khi trẻ bắt đầu làm quen với các câu dài hơn, chúng thường hoặc là kết hợp những tổ hợp từ đã học trước đấy, hoặc mở rộng từ một cụm từ.

Ví dụ như khi học cụm từ "*bố ném*" và "*ném quả bóng*", trẻ thường kết hợp thành "*bố ném quả bóng*". Hoặc khi đang học "*quả bóng to*", "*ném bóng*", trẻ sẽ kết hợp thành "*ném quả bóng to*".

Nhưng như chúng ta đã biết, trẻ tự kỷ không phát triển tư duy theo cách thông thường, tuy nhiên việc tìm hiểu các tài liệu về sự phát triển của trẻ nói chung, kết hợp với tìm hiểu các chức năng cụ thể của ngôn ngữ, có thể mang lại cho chúng ta những thông tin bổ ích, cần thiết cho việc quyết định xem, đối với trẻ tự kỷ, nên dạy cái gì, dạy như thế nào về cách kết hợp các từ để nói thành câu.

Nếu chúng ta chấp nhận rằng, việc nêu được câu hỏi là chức năng ngôn ngữ duy nhất đáp ứng trực tiếp cho nhu cầu của trẻ, thì có vẻ như là, đầu tiên nên dạy trẻ các từ để nêu yêu cầu, coi đó là những từ đầu tiên cần dạy.

Trước hết, trẻ cần được dạy phân biệt các yêu cầu bằng việc sử dụng 2 từ kết hợp. Sau đó, cũng dùng 2 từ này, chuyển dạng nêu yêu cầu sang dạng gọi tên sự vật .

Trật tự từ cần dạy lúc này (ví dụ: danh từ + động từ, danh từ + tính từ, ….) sẽ phụ thuộc vào yêu cầu mà trẻ đưa ra cũng như phụ thuộc vào sự kết hợp đúng ngữ pháp khi chuyển sang dạng gọi tên sự vật.

Ví dụ:

Thay vì trẻ chỉ yêu cầu một cái cốc, ta nên dạy trẻ nêu yêu cầu 1 trong 2 cái cốc có sẵn, trong đó trẻ phải sử dụng một tính từ để phân biệt cái cốc mà trẻ muốn. Lúc đầu, giảng viên có thể nói từng lựa chọn ở thể câu hỏi: "*Cốc đỏ ? hay cốc xanh ?*" hoặc có thể đợi để trẻ hướng tới một cái cốc cụ thể nào đó, nhắc để trẻ lặp lại, rồi dần dần không nhắc nữa. Cuối cùng, câu trả lời có thể được chuyển sang dạng SD "*Con muốn cái cốc nào ?*".

*(Khi đọc đến đoạn này, cũng như ở một số kỹ năng khác cần dịch, người dịch không biết dạng SD là dạng gì, chắc chắn đã được tác giả định nghĩa ở những phần đầu của tài liệu, có thể đó là dạng câu hỏi đầy đủ.)*

Khi chuyển sang dạng câu mô tả sự vật, ngay khi trẻ vừa sử dụng 2 từ kết hợp để có câu trả lời (có dạng như) mô tả một sự vật thì giảng viên chỉ cần nói đơn giản: "*Nói cho cô biết về cái đó*" hoặc "*Con hãy mô tả cái này*". Sau đó, giảng viên cần tạo tình huống để trẻ lặp đi lặp lại câu trả lời dạng mô tả sự vật, nhằm tạo cho trẻ phân biệt được với dạng nêu yêu cầu.

Giả sử trẻ yêu cầu ai đó thực hiện một hành động cụ thể, với mẹ chẳng hạn, ví dụ như "*mẹ đi*", thì chuyển đổi sang dạng mô tả sẽ là "*mẹ đang đi*" (danh từ + động từ). Mặt khác, nếu trẻ yêu cầu làm một cái gì đó ngay lập tức, chẳng hạn như trẻ nói "*mở nước cam*", thì khi chuyển sang dạng mô tả sẽ là câu hỏi "*Mẹ đang làm gì ?*"và câu trả lời là "đang mở nước cam" (động từ + danh từ).

Trong mỗi trường hợp như thế này, giảng viên cần nhắc cho trẻ nhại lại theo mình với điều kiện là dạng thức của động từ phải thay đổi.

Như vậy, khi lựa chọn các nội dung dạy, cần lưu ý đến các lập luận nêu trên nhằm tránh tập trung quá vào cách kết hợp các từ cụ thể theo kiểu rập khuôn, thay vào đó, nên tập trung vào cách kết hợp các từ khác nhau một cách đa dạng, tùy thuộc vào các đối tượng và các hành động mà trẻ quan tâm.

Các danh từ, động từ, tính từ, giới từ và trạng từ, tất cả có thể được chọn để kết hợp với nhau.

***Dạy các kỹ thuật kết hợp từ và lập câu***

1. Dạng nêu yêu cầu chuyển sang dạng mô tả

Như đã nêu ở trên, một trong những kỹ thuật kết hợp từ là chuyển từ dạng yêu cầu sang dạng mô tả. Ban đầu, dạy trẻ phân loại các yêu cầu của mình, sau đó các câu trả lời được chuyển sang dạng mô tả.

Ví dụ:

Mẹ: "*Con thích quả bóng nào ?*"

Trẻ: "*Bóng màu xanh*"

Mẹ: "*Hãy nói cho mẹ biết về nó*"

Trẻ: "*Đó là một quả bóng màu xanh*"

2. Dạng nêu yêu cầu kết hợp với dạng mô tả: dạng này liên quan đến việc sử dụng các câu trả lời mà trẻ đã nắm vững để tạo nên các câu nói dài hơn.

Ví dụ:

Mẹ: "*Cậu bé đang làm gì ?*"

Trẻ: "*đá bóng*" (nắm vững câu trả lời)

Mẹ: "*Cậu ấy đá gì ?*" (sờ quả bóng)

Trẻ: "*Quả bóng*" (nắm vững câu trả lời)

Mẹ: "*Đúng rồi. Cậu bé đang đá quả bóng. Điều gì đang diễn ra ?*"

Trẻ: "*Cậu bé đang đá quả bóng*" (nhái âm)

Mẹ: "*Giỏi ! Hãy nói cho mẹ biết điều gì đang diễn ra ?*"

Trẻ : "*Cậu bé đang đá quả bóng*"

Khuyến khích hoặc có phần thưởng cụ thể cho trẻ.

Một khi trẻ có thể sử dụng các cụm từ để trả lời một cách thuần thục, những cụm từ này có thể được kết hợp với nhau để hình thành nên một câu nói dài hơn.

Ví dụ:

Mẹ: "*Điều gì đang xẩy ra ?*"

Trẻ: "*Xe trượt tuyết đang bay*"

Mẹ: "*Xe nào ?*"

Trẻ: "*Chiếc xe nhỏ*"

Mẹ: "*Nó đang bay ở đâu ?*"

Trẻ: "*Trên bầu trời*"

Mẹ: "*Hãy nói cho mẹ biết về điều đó*"

Trẻ: "*Xe trượt tuyết nhỏ đang bay trên bầu trời*".

3. Phát triển lời nói: Một biện pháp thường được áp dụng đối với trẻ phát triển bình thường là khuyến khích hoặc có phần thưởng cụ thể khi trẻ nói được những câu đúng ngữ pháp, hoặc khi trẻ tự thêm những từ hay nhóm từ để mô tả những sự vật ở môi trường xung quanh. Kỹ thuật này cũng có thể áp dụng đối với trẻ tự kỷ và đặc biệt thành công đối với trẻ bị tật nhái âm nặng.

Ví dụ:

Trẻ: "*Ôtô*" (chỉ vào một bức tranh ôtô trong một cuốn sách)

Mẹ: "*Đúng rồi ! Ôtô màu đỏ*"

Trẻ: "*Ôtô màu đỏ*".

Kỹ thuật này cũng có thể được dùng cùng với bài tập điền vào ô trống.

Ví dụ:

Mẹ nằm trên gường, giả vờ như đang ngủ

Mẹ: "*Hãy nói cho mẹ biết về mẹ*"

Trẻ: "*Mẹ đang ngủ*"

Mẹ: "*Đúng rồi ! mẹ đang ngủ…*"

Trẻ: "*...trên giường*"

Mẹ: "*Giỏi ! Hãy nói cho mẹ biết về điều đó*"

TRẻ: "*Mẹ đang ngủ trên giường*"

4. Nhận xét ngẫu nhiên: Một khi trẻ đã được học cách nói một câu theo kiểu nói nối tiếp với câu của bạn để thành câu hoàn chỉnh, khi đó sẽ có nhiều dạng câu như vậy để dạy trẻ. Bạn có thể bắt đầu dạy những mẫu câu này cùng với những yêu cầu đơn giản.

Ví dụ:

Mẹ: "*Mẹ muốn một con mèo*" (ý là muốn nuôi một con mèo)

Trẻ: "*Con muốn một con chó*" (được gợi ý nên nuôi một con chó)

Mẹ: "*Mẹ có một cái bút màu đỏ*"

Trẻ: "*Con có một cái bút màu xanh*"

***Những điều cần biết khi dạy trẻ cách kết hợp từ thành câu***

1. Tiếp tục ôn lại những câu trả lời bằng từ đơn khi thích hợp. Cần liên tục ôn luyện để đảm bảo rằng trẻ đã có thể đưa ra câu trả lời bằng từ đơn và có khả năng đưa ra câu trả lời thích hợp.

2. Hãy dạy cho trẻ biết hoàn cảnh nào cần có thêm thông tin. Chúng ta cần dạy cho trẻ biết khi nào thì cần thiết phải sử dụng và khi nào thì không cần sử dụng thêm các từ nhằm để mô tả hay loại trừ.

Ví dụ:

Có một khu vườn nơi có hàng trăm con bướm rất đẹp và ở khi khu vườn này, trẻ muốn mẹ đưa trẻ đi xem 1 con bướm cụ thể. Trong tình huống này, nếu trẻ nói "*Mẹ ơi, hãy nhìn vào con bướm kìa*" thì sẽ không có đủ thông tin, nghĩa là không thể biết trẻ đang nói về con bướm nào . Do đó, trẻ cần được dạy để có thể nói về một con bướm cụ thể, ở một vị trí cụ thể, ví dụ "*Mẹ ơi, hãy nhìn vào con bướm xanh và trắng ở trên đỉnh cái lồng kia kìa !*".

Mặt khác, nếu tình huống chỉ có một con bướm duy nhất đậu ở trong sân, trẻ muốn chỉ cho mẹ xem và nói: "*Mẹ ơi, hãy nhìn con bướm có màu cam và đen đậu trên cái hoa màu tím kìa*", thì nghe có vẻ hơi "kỳ cục" bởi vì câu này thừa thông tin cần thiết cho tình huống đó.

3. Hãy chú ý khuyến khích, động viên và có thưởng khi trẻ thực hiện được những dạng kết hợp từ một cách đúng đắn. Ngay cả khi trong quá trình dạy trẻ, có những lúc bạn thấy cách kết hợp đó của trẻ không đúng như bạn nghĩ, thì bạn cũng nên chú ý, nếu không điều này rất dễ dẫn đến việc bạn quá tập trung vào mục tiêu cụ thể bạn muốn dạy cho trẻ, mà lại quên đi việc cần phải chú ý lắng nghe xem trẻ đã nói gì.

Ví dụ:

Bạn muốn dạy trẻ cách kết hợp theo mẫu câu bao gồm “danh từ + màu sắc”, khi hỏi trẻ “*Con thích chiếc kẹo nào ?*”, mặc dù trẻ trả lời “xanh kẹo”, bạn vẫn phải duy trì sự khuyến khích, động viên trẻ và nhất là không được cười (có thái độ coi thường). Hình thức là hơi sai về trật tự từ trong câu, nhưng bản chất là trẻ vẫn biết, phân biệt và nói được yêu cầu mà trẻ muốn.

4. Đảm bảo dạy trẻ các từ trong nhiều sự kết hợp khác nhau, ngữ cảnh khác nhau, như vậy để tránh những câu trả lời máy móc

Ví dụ:

Dạy nhiều câu để kết hợp một tính từ với nhiều danh từ (quả bóng to, ngôi nhà to, chiếc áo to,...v.v), và dạy cách kết hợp nhiều tính từ với một danh từ (chiếc áo to, chiếc áo mầu xanh, chiếc áo ấm, chiếc áo ngắn,...v.v).

5. Cần lưu ý, trong quá trình dạy, bạn không nên đòi hỏi quá nhiều khiến cho trẻ nản, không muốn cố gắng nữa. Khi bắt đầu chuyển sang dạy cách kết hợp từ để nói thành câu, nếu bạn thấy trẻ không còn hứng thú học nữa thì điều đó có nghĩa là nội dung đó tạm thời là quá khó đối với trẻ.

Ví dụ:

Nếu một trẻ đang quen sử dụng các từ đơn mà không cần đến bất kỳ một sự nhắc nhở nào, bỗng dưng trẻ dừng lại và có dấu hiệu giảm đáng kể việc nêu yêu cầu khi được dạy thêm 1 tính từ vào câu (bản chất ở đây là sự kết hợp). Khi đó bạn cần chậm lại một chút về tiến độ so với với nội dung bạn đang muốn dạy trẻ hoặc phải khuyến khích động viên trẻ đối với mỗi câu trả lời, cho dù chỉ là bằng một từ đơn hay một cách kết hợp từ kiểu trẻ con (như ví dụ ở phần 3. nói trên) mà không nhất thiết phải nhắc nhở để có được một câu kết hợp đúng đắn hay hoàn chỉnh.

Trẻ: “*Bánh quy*”

Mẹ: “*Chiếc nào ?*”

Trẻ: “*To*”

Mẹ: “*Chiếc bánh to*” (khi đó mẹ đưa cho trẻ chiếc bánh)

Nếu trẻ nêu yêu cầu một chiếc bánh với từ “To”, phải đảm bảo rằng bạn đã nghe thấy từ “bánh quy” trước đó của trẻ, rồi khi đó mới đưa bánh quy cho trẻ.

6. Một số chuyên gia gợi ý nên bắt đầu bằng các cụm từ chuyển tải để tăng độ dài của câu / lời nói. Tuy nhiên, đối với những trẻ gặp khó khăn trong việc nhại lại những câu nói dài thì cần dạy trẻ cách nhấn từ để tăng độ dài (chuỗi phát âm) của lời nói.

**27. XÂY DỰNG KỸ NĂNG XÃ HỘI MỚI CHỚM NỞ CỦA BÉ**

Nhiều phụ huynh rất coi trọng việc con họ biết chơi cùng và thích chơi cùng các trẻ khác. Đặc biệt nếu họ là những người thích giao du và hòa đồng, họ sẽ thật đau lòng khi thấy con mình đơn độc và cô lập. Có lẽ họ sẽ có cảm giác là con mình “cảm thấy cô đơn” và cảm giác của từ “cô đơn” không phải là cảm xúc họ muốn con mình trải qua.

Khi chúng ta ngồi nghĩ xem ai là người chúng ta muốn dành thời gian để giao lưu với, thường chúng ta sẽ chọn được ở bên những người làm chúng ta thích. Những người đó làm ta thích vì họ cũng thích làm những việc ta thích, nói những chủ đề ta ưa. Họ có thể tán dương ta, hỗ trợ khi ta cần, hoặc đem lại hứng thú cho ta bằng những cách khác nữa. Chúng ta cũng làm điều đó đối với họ. Thường, chúng ta không chọn ở bên những người chúng ta ghét hay nghiêm khắc. Chúng ta có thể chấp nhận làm việc cùng hoặc tham gia cùng vào các tổ chức với những người chúng ta không thích, nhưng nếu không buộc phải như vậy, chúng ta sẽ không muốn gần họ. Trong trường hợp này, tính hấp dẫn của hoạt động hay công việc có thể bù đắp cho sự “khó ưa” của người đó. Đôi khi, những người ban đầu ta thấy “đáng ghét” lại trở nên hấp dẫn sau một thời gian đủ dài “gắn kết” họ với các điều kiện củng cố/khích lệ chúng ta.

Nếu chúng ta đã thông suốt nguyên nhân tại sao chúng ta kết giao và làm thân với ai, chúng ta sẽ nhìn ra được cách dạy bé “các kỹ năng xã hội”. Bước quan trọng đầu tiên là phải **gắn kết các trẻ khác với hứng thú của bé**/ vật củng cố. Đây cũng là cách để ta dạy bé chịu giao lưu với người lớn. Chúng ta phải tìm ra kích thích nào (chạm vào người, âm thanh, chuyển động, vị và hình ảnh) bé thích và làm vậy cho bé mà không chờ bé đáp lại. (Củng cố hành vi/phần thưởng vô điều kiện).

Vấn đề là **trẻ khác có thể không thích và cũng không đủ kỹ năng để tạo ra những tác nhân củng cố vô điều kiện này**. Thực tế, bản chất thường thấy của trẻ là thích ồn ào, hiếu động, ngổ ngáo và rất khó lường. Bé thường thích coi mình là “trung tâm vũ trụ” và thích nhận hơn là cho. Hành vi vốn dĩ trẻ con này **có thể khiến bé tự kỷ cảm thấy ghét trẻ khác do khác biệt về giác quan cảm nhận**. Trong trường hợp này, việc bị buộc phải ở cùng với những trẻ phát triển bình thường trong thời gian dài có thể làm cho bé gắn kết các trẻ khác với những tình huống đáng ghét hoặc hình phạt, làm cho việc dạy kỹ năng xã hội trở nên khó hơn.

**Kỹ năng kết giao không phù hợp có thể làm gia tăng những hành vi tự kích thích ngoài việc làm cho trẻ lảng tránh các trẻ phát triển bình thường khác**. Cần ghi nhớ là bé tự kỷ có thể cảm thấy bị tổn thương nếu kích thích quá độ các giác quan cảm nhận của bé. Khi bé cảm thấy tổn thương, những hành vi tự kích thích sẽ có xu hướng gia tăng để chống lại sự quá tải này. Như chúng ta đã biết, hành vi tự kích thích bản thân chúng đã làm cho bé thích. Bé càng làm nhiều các hành vi này, thì bé sẽ càng có xu hướng lặp lại trong tương lai. Vì vậy **không được để trẻ “ngồi tự kích thích mình” trong lớp học, bỏ mặc tất cả những gì đang diễn ra xung quanh bé**. Trong mắt những người chưa có kiến thức về lĩnh vực này, bé có vẻ rất biết tự giải khuây, tuy nhiên, đối với những người đã biết rồi, họ có thể phân biệt đâu là hành vi “tự kích thích” và đâu là chơi một mình.

Khi đó, chúng ta phải làm gì? Có nên để bé cô lập nếu việc chơi với trẻ khác làm bé khó chịu không? Theo tôi không nhất thiết phải làm như vậy và cần xác định **nên thay đổi môi trường như thế nào để có thể dần dần giúp bé tự kỷ bớt nhạy cảm với môi trường**. Mục tiêu của chúng ta không phải là cách ly xã hội mà là **giúp bé dần dần chấp nhận môi trường và học cách vui vẻ chơi với trẻ khác**. Trước mắt, hãy gắn kết **một trẻ với hứng thú của bé trong những lần chơi chung hoặc trong những bối cảnh có sắp đặt và kiểm soát kỹ lưỡng**.

*1. Thay đổi*

Tìm xem ta có thể thay đổi môi trường theo cách nào để bé thoải mái hơn. Dưới đây là một số gợi ý: Nếu bé nhạy cảm với một số loại ánh sáng, thì nên thay đổi ánh sáng. Các trung tâm có cho phép các bé được chuyển từ trung tâm này sang trung tâm khác không, hay có giới hạn nào về số lượng bé ở một trung tâm không? **Thường thì càng ít trẻ thì bé càng dễ thích nghi**. Việc giới hạn số lượng trẻ được dùng gậy hoặc dụng cụ khác cũng có thể hữu ích. Trong thời gian sinh hoạt nhóm, có lẽ nên cho bé ngồi xa nhóm nếu bé thấy khó chấp nhận cự ly “gần” như vậy. Nếu thời gian chuyển tiếp có thể làm bé nhầm lẫn và trở nên khó điều khiển, ta nên để bé chuyển trước hoặc sau trẻ khác. Mỗi bé cần những thay đổi khác nhau vì các bé tự kỷ có thể và không thể chấp nhận/chịu đựng những điều khác nhau.

Đáng tiếc là bé không thể nói cho ta biết bé không thích điều gì, vì thế chúng ta có thể chỉ suy luận từ hành vi của bé trong các tình huống trước đây. Chúng ta không muốn đặt bé vào tình huống bé không thích, nhưng cũng phải cẩn thận không khuyến khích những hành vi xấu bằng cách loại bỏ các tình huống bé ghét khi bé có hành vi xấu (khuyến khích hành vi tiêu cực). Vì vậy, tốt hơn là nên lập kế hoạch trước để tránh các tình huống bé không thích chứ không nên phản ứng sau khi bé “cho ta biết” bé không thích bằng cách duy nhất bé biết.

*2. Giúp bé bớt nhạy cảm*

Để bé bớt phản ứng với môi trường lớp học có nhiều bạn, hãy **đưa bé vào phòng học trong thời gian thật ngắn, thưởng/khích lệ/tạo hứng thú cho bé thật nhiều trước khi trẻ có dấu hiệu “buồn chán”, và cho trẻ rời lớp ngay sau khi thưởng**. Khi bé đã bắt đầu quen với môi trường mới này, tăng dần thời gian ở lớp lên. Thông thường, việc **đem những thứ bé thích vào lớp** để gắn kết môi trường học với ý thích của bé rất có tác dụng. Nhiều phụ huynh nghiệm thấy nên đến lớp khi không có các bạn khác. **Bé và bố mẹ sẽ chơi ở lớp những đồ chơi bé thích và cho bé thật nhiều phần thưởng bé thích**. Khi đã gắn kết “nơi học” với hứng thú của bé, bé sẽ dễ chấp nhận môi trường lớp học hơn khi các bạn khác đến.

*3. Gắn kết*

Để gắn hứng thú của bé với một bạn chơi, tốt nhất nên có sự có mặt của một trẻ khác. Có thể **chọn một trẻ lớn hơn bé một chút để giúp ta dạy bé**. Một số trẻ rất thích được làm “người giúp cô” và sẽ vui vẻ đảm nhận vai trò này. **Cần thưởng/khuyến khích những trẻ đã tham gia**. Đầu tiên, hãy để trẻ bình thường mang những thứ trẻ thích tới mà không cần phải yêu cầu. Rủ cả bé và trẻ bình thường chơi trò bé thích. Cho trẻ bình thường biết bé thích và không thích những gì khi nói chuyện, vuốt ve, và chơi đùa, v.v. và động viên trẻ bình thường lưu ý những điều này khi chơi với bé.

Hãy chọn một hoặc hai trẻ tham gia trong lớp nếu bé hòa nhập trong một lớp bình thường. Nếu bé học lớp biệt lập, hãy chọn một trẻ cùng bậc trong trường. Có thể trước toàn lớp, thưởng một số trẻ vì hoàn thành công việc hoặc có hành vi phù hợp bằng cách cho trẻ được tham gia. Hãy nhớ động viên khuyến khích trẻ bình thường thật “hậu hĩnh”.

Bằng cách này, chẳng mấy chốc mà các trẻ bình thường trong lớp sẽ tìm cách để trở thành “người bạn đặc biệt”! Hình thức “hòa nhập ngược” này thường có tác dụng với bé khó chấp nhận các môi trường khác nhau hoặc nơi đông người.

Các giáo viên có thể giúp bạn chọn trẻ phù hợp nhất để làm việc này. Hãy nói chuyện với cha mẹ của trẻ bạn chọn trước khi nói chuyện với trẻ. Mặc dù một số cha mẹ có thể lo ngại có đảo lộn mà họ không thấu hiểu, phần đông cha mẹ sẽ sẵn lòng giúp đỡ. Hãy cho họ biết cái lợi cho cả trẻ bình thường và cho con bạn. Hãy cho phụ huynh đó biết rằng giáo viên gợi ý chọn con họ bởi vì thái độ nhiệt tình giúp đỡ của con họ và ghi nhận rằng thái độ này là do cha mẹ đã truyền cho con họ giá trị của lòng nhiệt thành sẵn sàng giúp đỡ! Hãy đề nghị gặp gỡ cha mẹ trẻ trước một thời gian và tạo cơ hội để họ gặp con bạn. Cho họ những thông tin chung về tự kỷ và tình trạng cụ thể của con bạn. Đôi khi, công chúng hiểu rất sai lệch về bản chất của tự kỷ và mỗi bé một khác nên họ không “hiểu” con bạn chỉ dựa trên thông tin từ các phương tiện truyền thông. Người ta thường sợ nhất những gì họ không hiểu hết nên bạn càng cung cấp nhiều thông tin, thì càng ít khả năng cha mẹ trẻ tỏ ra lo ngại.

Trẻ bình thường tham gia trợ giúp như vậy sẽ trở nên vô cùng tự tin và tự hào khi giúp đỡ người khác. Hơn nữa, đây cũng là bước đầu tiên để trẻ hiểu tại sao mỗi người đều là một cá nhân khác biệt. Khi đó, việc thuyết phục cha mẹ và giáo viên về tầm quan trọng phải hiểu và nhận thức được sự khác biệt giữa chúng ta sẽ trở nên dễ dàng! Trẻ bình thường sẽ giúp bé ở lớp, trong căng-tin hoặc ở sân chơi. Ví dụ, trẻ có thể thông báo cho bạn khác hoặc cho giáo viên rằng bé “không thích tiếng động lớn” hoặc không cần“nghỉ giải lao”. Điều này rất có ích cho lớp học vì giáo viên thường có rất nhiều việc cần phải chú ý nên có thể không “điều chỉnh” theo được tất cả các nhu cầu đặc biệt của bé. Càng có nhiều người ý thức và để ý đến hành vi của bé, thì chúng ta càng dễ loại bỏ được các vấn đề trước khi bé “ăn vạ”! Những mối quan hệ bạn bè duy trì lâu dài và nhanh chóng thường được hình thành khi trẻ cùng trưởng thành, tạo cơ hội cho bé có cơ hội để tham gia các hoạt động xã hội như sinh nhật hoặc những buổi đi chơi chung.

4. *Yêu cầu*

Một khi bé tự kỷ chịu tiếp cận bạn bè vì hứng thú, hãy dạy cho trẻ bình thường biết cách nhắc bé yêu cầu thứ bé thích. Hãy dạy cho trẻ cách nhắc chuẩn xác và luyện tập với trẻ. Hãy động viên khuyến khích trẻ nhắc đúng cách.

Trẻ có thể học rất nhanh và trở thành giáo viên cừ khôi! Những yêu cầu ban đầu nên là những thứ trẻ thích nhất và nên tạo thật nhiều tình huống trong thời gian ở trường.

Ví dụ, để trẻ bình thường mang đồ ăn nhẹ khi đến bữa phụ và mang đồ chơi khi đến giờ chơi.

Đối với bé “mới chịu” hoặc mới bắt đầu quen ở bên trẻ khác, quá trình học kết giao nên diễn ra từ từ. Mặc dù mục tiêu cuối cùng của chúng ta là bé có khả năng học trong cùng môi trường giống trẻ khác, nhưng cần chắc rằng bé chịu chấp nhận môi trường đó và có thể học trong môi trường đó.

Nếu không thể đưa bé dần dần vào môi trường lớp học, thì kinh nghiệm của phụ huynh là nên bắt đầu quá trình này ở lớp học có hoạt động trẻ thích.

Ví dụ, bé thích âm nhạc có thể hòa nhập tốt ở lớp học nhạc, còn bé thích vận động có thể tham gia lớp thể dục.

**28. LIỆU BÉ ĐÃ SẴN SÀNG ĐỂ ĐI HỌC TRƯỜNG THƯỜNG CHƯA?**

Có ba yếu tố để xem xét khi quyết định cho bé vào lớp học thường. Phụ huynh nào cũng mong con mình được học lớp thường, nhưng quan trọng là phải hiểu được ở đâu thì nhu cầu của bé sẽ được đáp ứng tốt nhất. Để quyết đinh bé nên học ở đâu, cần xem xét ba điều kiện sau:

1. Mục tiêu mà bé đang phấn đấu trong năm đó

2. Có thể cho bé đi học ở những môi trường nào và có những dịch vụ hỗ trợ nào

3. Kỹ năng sư phạm của giáo viên

Các bé cần giáo dục đặc biệt đều có một kế hoạch học riêng biệt (IEP). Kế hoạch này là do các chuyên gia thuộc các lĩnh vực và cha mẹ bé cùng lập. IEP nêu mục đích và mục tiêu mà nhóm can thiệp cảm thấy phù hợp cho bé. Cần chọn những mục đích trong tầm tay và có thể định lượng được. Chúng nên cụ thể và xuất phát từ những kỹ năng tiền đề mà bé đã đạt được. IEP nên định ra những kỹ năng quan trọng mà bé phải học để học thêm các kỹ năng khác mà không cần phải hướng dẫn quá nhiều. Mục đích là giúp bé trở nên độc lập và giảm dần sự phụ thuộc vào các môi trường hạn hẹp.

Sau khi nhóm can thiệp đã lập IEP, bước tiếp theo là xem cách thực hiện. Đến giai đoạn này, cần xem mục đích đã lập ra và quyết định nên dạy chúng ở đâu. Đây là một bước quan trọng trong quá trình này. Cần xem lại môi trường học của bé (bạn học, giáo viên, bố trí phòng học, v.v…). Có thể một số mục tiêu không thể đạt được trong môi trường này (VD dạy bé hỏi đáp trong khi các bạn học đều không có ngôn ngữ). Trách nhiệm của mọi người là quyết định xem môi trường học đó có thích hợp không. Hầu hết các bé tự kỷ cần có môi trường học được bố trí đặc biệt cho mục đích học. Các bé cần được dạy với các ít hạn chế càng tốt. Bố trí phòng học phải tùy theo khả năng tham gia và ứng xử của từng bé trong môi trường đó. Nhóm cần phải cân nhắc không chỉ quá trình học của bé từ trước mà cả những cơ sở vật chất ta có thể dành cho bé. Nhóm cũng cần xem xét kích thước phòng học, tỷ lệ giáo viên với học sinh, và đào tạo cho giáo viên. GV cần biết nhu cầu đặc biệt của bé và được đào tạo để thực hành những kỹ thuật dạy có hiệu quả.

Ưu điểm chính của môi trường lớp học bình thường là bé sẽ được thấy mô hình ngôn ngữ và tương tác xã hội thông thường diễn ra. Bé sẽ không chỉ biết dùng đúng từ mà còn biết khi nào thì dùng chúng. Có rất nhiều cơ hội để mô phỏng lại cách sử dụng ngôn ngữ thích hợp cho bé bắt chước. Nhóm cần quyết định xem bé có học được từ những mô hình này không. Bé có ngôn ngữ không? Bé có những kỹ năng ban đầu của bắt chước phát âm hay bắt chước vận động không? Bé có kỹ năng giao tiếp cơ bản giúp bé tham gia vào mô hình đó không? Bạn học của bé có đủ kỹ năng để giúp bé không? Bạn bé có biết chủ động tương tác không? Bạn bé có rủ được bé tham gia cùng không?

Cũng cần cân nhắc cả mặt hại của việc cho bé học trường thường. Trước tiên, việc này sẽ làm giảm khả năng dạy chuyên biệt cho bé. Bé đang học nhóm và phải học kỹ năng mới không phải với mô hình 1 cô 1 trò. Bé phải dễ dàng tiếp thu hướng dẫn và có kỹ năng bắt chước tốt. Giáo viên khó có thể hướng dẫn riêng cho bé cũng như thưởng/khuyến khích riêng cho bé. Ở môi trường thường, lời khen và việc hoàn thành nhiệm vụ đóng vai trò củng cố hành vi – tạo động lực thúc đẩy. Giáo viên hiếm khi có dịp động viên riêng bé.

Còn điều phải cân nhắc nữa là hành vi của bé. Môi trường học đó thường không chấp nhận những hành vi không đúng mực vì tác động tiêu cực đến trẻ khác. Trong môi trường đó, chức năng hành vi của bé không được tìm hiểu. Và hành vi xấu có thể bị xử lý (VD nếu bé hét/đánh bạn, bé sẽ bị tách ra khỏi hoạt động chung). Nếu hành vi đó nhằm chạy trốn, thì hành vi đó đã vô tình được khích lệ. GV sẽ không được đào tạo hoặc có đủ thời gian để xử lý hành vi phức tạp và có thể vô ý khích lệ hành vi không hòa đồng của bé.

Cần xem xét tất cả các yếu tố. Mấu chốt là phải cá nhân hóa. Đầu tiên phải định ra bé cần được dạy những gì và đâu là nơi tốt nhất để làm việc này. Bạn có thể thấy kết hợp các môi trường là phương án tốt nhất cho bé. Cần ghi chép thông tin chính xác về những kỹ năng bé đạt được và cần họp nhóm thường xuyên. Nhu cầu của bé có thể thay đổi theo thời gian. Cần xem xét lại những gì bé đạt được và những điều chỉnh khi cần.